

LỜI GIỚI THIỆU

Nhiều tổ chức quốc tế, như Liên Hợp Quốc (LHQ), Ngân hàng Thế giới (WB) và Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) đã đưa ra các báo cáo nhận định về tình hình kinh tế thế giới trong năm 2014. Nhìn chung, các báo cáo cho thấy bức tranh kinh tế thế giới năm 2014 có nhiều gam màu nổi bật và tươi sáng, được tô bằng niềm tin vào đà phục hồi sẽ tiếp tục mạnh hơn ở các nền kinh tế lớn như Hoa Kỳ và Nhật Bản, bằng hy vọng về con đường bằng phẳng hơn cho kinh tế châu Âu và cả sự lạc quan về triển vọng tăng trưởng nhanh hơn ở các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển. WB và IMF lạc quan cho rằng kinh tế toàn cầu sẽ tăng trưởng lần lượt ở mức 3,2% và 3,7%. Ít lạc quan hơn, LHQ cho rằng tỷ lệ này chỉ đạt 2,4% năm 2014, dù vậy vẫn cao hơn so với mức 2,1% năm 2013.

Tình hình tăng trưởng kinh tế được coi là có tác động trực tiếp tới đầu tư cho nghiên cứu và phát triển (NC&PT). Trong khi tình hình kinh tế cũng như đầu tư cho NC&PT ở Hoa Kỳ, châu Âu và Nhật Bản vẫn được dự báo là tăng trưởng chậm hoặc chững lại, thì ngược lại ở các nền kinh tế mới nổi, đặc biệt là Trung Quốc, tăng trưởng kinh tế cao đã hỗ trợ mạnh mẽ cho đầu tư vào NC&PT. Dù NC&PT không phải là một công cụ có thể nhanh chóng kích hoạt ngay được sự tăng trưởng kinh tế, nhưng theo Viện Battelle Memorial - tổ chức NC&PT độc lập hàng đầu thế giới - và Tạp chí NC&PT (R&D Magazine), đầu tư toàn cầu cho NC&PT được dự báo sẽ tăng trưởng 1,8%, tương đương 60 tỷ USD trong năm 2014, để đạt 1.618 tỷ USD. Đầu tư cho NC&PT của Trung Quốc vẫn nổi bật toàn cầu và nước này đang giữ một vai trò dẫn dắt tăng trưởng ở cả tăng trưởng kinh tế lẫn tăng trưởng đầu tư cho NC&PT của thế giới.

Dựa trên các báo cáo về triển vọng kinh tế toàn cầu và đầu tư cho NC&PT năm 2014 của các tổ chức quốc tế trên, Trung tâm Phân tích Thông tin (Cục Thông tin KH&CN Quốc gia) biên soạn Tổng luận "**THẾ GIỚI 2014: TRIỂN VỌNG KINH TẾ VÀ ĐẦU TƯ CHO NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN**", nhằm giới thiệu khái quát về triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu của một số nước và khu vực và dự báo về triển vọng đầu tư cho NC&PT toàn cầu năm 2014.

Xin trân trọng giới thiệu cùng độc giả.

CỤC THÔNG TIN KH&CN QUỐC GIA

I. TRIỂN VỌNG KINH TẾ TOÀN CẦU

1.1. Triển vọng kinh tế toàn cầu 2014

1.1.1. Dự báo triển vọng kinh tế thế giới 2014 của Ngân hàng Thế giới (WB)

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm được thúc đẩy bởi các nền kinh tế thu nhập cao

Tăng trưởng GDP toàn cầu được dự báo sẽ tăng dần từ mức 2,4% năm 2013 lên 3,5% vào năm 2016, phản ánh chủ yếu sự cải thiện sản lượng chậm nhưng ổn định ở các nền kinh tế thu nhập cao và các nước đang phát triển Trung Á và châu Âu.

Tăng trưởng ở các nền kinh tế thu nhập cao được dự báo tăng lên 2,2% năm 2014 từ mức 1,3% năm 2013, sau đó tăng lên khoảng 2,4% vào năm 2016. Sự phục hồi ở châu Âu và Hoa Kỳ dự kiến sẽ được hậu thuẫn bởi chính sách tiền tệ vẫn nới lỏng; tác động từ những nỗ lực củng cố ngân sách gia đình và chính phủ đối với tăng trưởng giảm đi; nhu cầu hàng tiêu dùng lâu bền và hàng hóa đầu tư bị dồn nén. Dự báo cơ sở (baseline projection) đặt giả định một giải pháp kịp thời cho cuộc tranh luận hạn mức nợ tại Hoa Kỳ, tiến bộ ổn định trong tái cân bằng kinh tế trong khu vực đồng Euro, và một số kích thích tài chính bổ sung ở Nhật Bản giúp bù đắp tác động do thuế tiêu thụ cao hơn trong năm 2014.

Tốc độ phục hồi ở châu Âu được dự báo là chậm, phản ánh những điều chỉnh kéo dài và sâu trong bảng cân đối kế toán của khu vực tư nhân (balance sheet). Tuy nhiên, do các bảng cân đối được cải thiện, tác động của những điều chỉnh này dự kiến sẽ giảm dần theo thời gian. Đặc biệt là tác động của củng cố tài chính được dự đoán sẽ giảm từ khoảng 0,8% GDP năm 2013 xuống 0,4% năm 2014. Quá trình điều chỉnh từng bước này được dự kiến sẽ cải thiện tốc độ tăng trưởng lên khoảng 1,5% vào năm 2016.

Tại Hoa Kỳ, tăng trưởng chung cho năm 2014 được dự báo sẽ tăng tốc mạnh lên 2,8% từ sự giảm nhẹ 1,8% trong năm 2013. Động lực chính của sự cải thiện này là giảm thiểu tác động bất lợi của củng cố tài chính đối với tăng trưởng, trong đó năm 2013 tăng lên 1,8% GDP và dự kiến giảm xuống dưới 0,5% GDP trong năm 2014. Phục hồi tăng trưởng cũng sẽ phản ánh sự tăng tốc trong đầu tư cá nhân tính theo phần trăm GDP vẫn còn thấp hơn gần 2% so với mức trung bình dài hạn (tỷ lệ đầu tư của doanh nghiệp gần hơn mức trung bình dài hạn).

Ở Nhật Bản, nới lỏng tiền tệ và chính sách tài khóa tích cực đã đưa đến sự phục hồi mạnh theo chu kỳ, nhưng sự phục hồi này khó có thể được duy trì khi thiếu các cải cách cơ cấu thúc đẩy tăng trưởng năng suất và tiền lương, đặc biệt là trong khu vực dịch vụ trong nước có năng suất tương đối thấp. Ngoài ra, trái ngược với các nền kinh tế thu nhập cao, thắt chặt tài chính được dự báo sẽ gây ảnh hưởng đến tăng trưởng trong năm 2014. Tuy nhiên, nền kinh tế sẽ tiếp tục được hậu thuẫn bởi chính sách tiền tệ nới lỏng tiếp tục góp phần vào sự yếu kém của đồng yên tại thời điểm Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (Fed) thắt chặt chính sách tiền tệ. Theo đó, nền kinh tế nước này được dự báo sẽ tăng trưởng mạnh phù hợp với tăng trưởng tiềm năng, tăng lên mức 1,7% trong năm 2014, và chậm lại ở mức khoảng 1,3% trong năm 2016.

Tăng trưởng của các nước đang phát triển vẫn yếu hơn so với những năm trước khủng hoảng, nhưng phù hợp với tiềm năng

GDP của các nước đang phát triển được ước tính tăng khoảng 4,8% trong năm 2013, gần như tương đương với mức tăng trưởng của năm 2012, phản ánh sự yếu kém ngay từ đầu năm. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng tăng nhanh hơn trong nửa cuối năm 2013 và tạo ra một tác động tích cực hơn cho, năm 2014, với GDP được dự báo sẽ tăng lên 5,3%.

Các nước đang phát triển đang tăng trưởng tốt phải đối mặt với những tác động bất lợi đáng kể khi chính sách tiền tệ trở lại "bình thường" ở các nền kinh tế thu nhập cao. Lãi suất dài hạn của Hoa Kỳ được dự báo sẽ tăng 100 điểm cơ bản vào năm 2016, phù hợp với những kỳ vọng của thị trường kỳ hạn (forward market), với lãi suất ngắn hạn được dự báo bắt đầu tăng vào năm 2015 và tăng 150 điểm cơ bản vào cuối năm 2016. Những mức lãi suất cao hơn có thể được dự báo làm gia tăng chi phí vốn. Các dòng vốn đổ vào các nước đang phát triển trong khi đó được dự báo sẽ giảm khoảng 0,6% GDP của các nước đang phát triển vào năm 2016, do tái cân bằng tổng lượng đầu tư toàn cầu theo hướng các nền kinh tế thu nhập cao. Đối với các nước sản xuất hàng hóa, nhu cầu yếu hơn đối với các sản phẩm của họ từ Trung Quốc khi nước này tái cân bằng nền kinh tế của mình cũng được kỳ vọng tác động đến xuất khẩu và các khoản thu tài chính.

Tuy nhiên, dự đoán cơ sở này cũng dự đoán tác động tích cực đáng kể của việc tăng cường tăng trưởng ở các nền kinh tế thu nhập cao. Trong một vài năm qua, thương mại toàn cầu trầm lắng - không những do nhu cầu chung ở các nước thu nhập cao yếu, mà còn do những thay đổi thành phần nhu cầu ngoài những nhóm nhu cầu nhập khẩu nhạy cảm như hàng hóa đầu tư. Vì nhu cầu nhập khẩu thu nhập cao phục hồi (được dự báo tăng từ 2,4% vào năm 2013 lên 4,2%) vào năm 2016 thương mại toàn cầu được dự báo tăng từ mức 3,1% năm 2013 lên 4,6% năm 2014 và đạt mức 5,1% vào năm 2015 và năm 2016. Điều này sẽ giúp bù đắp những tác động tiêu cực của tỷ lệ lãi suất cao hơn và các dòng vốn yếu hơn chảy vào các nước đang phát triển.

Ngoài ra, sự suy yếu của đồng tiền của các nước đang phát triển khi các dòng vốn chảy vào các nước này suy giảm sẽ là một phần thiết yếu của việc tái cân bằng trong các nền kinh tế này. Quá trình này đã bắt đầu - mặc dù chưa gây đổi chiều hoàn toàn những đánh giá tiền tệ đáng kể từ năm 2003 ở các nền kinh tế thu nhập trung bình phản ánh các dòng vốn đổ vào mạnh và giá cả hàng hóa cao cho các nước xuất khẩu hàng hóa. Khấu hao hơn nữa sẽ giúp cải thiện năng lực cạnh tranh của các khu vực thương mại và với các nước xuất khẩu hàng hóa, giúp đảo ngược một số tác động của căn bệnh Hà Lan (Dutch Disease) liên quan đến giá cả hàng hóa tăng cao trong thập kỷ trước.

Theo đó, tăng trưởng chung của các nước đang phát triển được dự báo tăng nhẹ lên mức khoảng 5,7% vào năm 2016. Mặc dù phù hợp với tiềm năng, chỉ tiêu này sẽ thấp hơn gần 2% so với mức tăng trưởng trung bình 7,3% trong những năm bùng nổ trước khủng hoảng.

Những nhân tố hạn chế cung và giảm mất cân bằng trong nước được tạo ra trong những năm quá nóng vẫn là những thách thức chính sách thống trị ở khu vực Đông Á, Thái Bình Dương, châu Mỹ La tinh và vùng Caribê. Đối với những nền kinh tế sử dụng nhiều chế tạo

ở cả hai khu vực, tăng trưởng sẽ được hưởng lợi từ nhu cầu mạnh hơn trong các nền kinh tế thu nhập cao, nhưng tốc độ tăng trưởng ở các nước xuất khẩu hàng hóa sẽ trở nên tồi tệ hơn (đặc biệt là vào trong 2014), là kết quả của sự suy giảm giá cả hàng hóa trong năm qua.

Ngoài những cải cách cơ cấu thúc đẩy năng lực cung cấp và năng suất, tăng trưởng ở khu vực Đông Á và Thái Bình Dương (không bao gồm Trung Quốc) - phần lớn phù hợp với tiềm năng - không có khả năng tiếp tục tăng tốc mà không gặp phải những hạn chế về năng lực và tạo ra áp lực quá nóng. Tăng trưởng chung ở khu vực này không bao gồm Trung Quốc được dự báo tăng nhẹ từ khoảng 5,2-5,3% trong năm 2013 và 2014 lên khoảng 5,5% trong năm 2016, do nhu cầu bên ngoài ổn định và những điều chỉnh đạt tới sự thành công với GDP tiềm năng được dự báo thay đổi theo chiều hướng tích cực vào năm 2015. Tăng trưởng tạm thời của của khu vực trong năm 2015 (lên 5,7%) phần nào phản ánh những nỗ lực tái thiết ở Philipin. Tăng trưởng ở khu vực châu Mỹ Latinh và vùng Caribê được dự báo đạt khoảng 3,7% trong năm 2016, tăng từ 2,5% năm 2013. GDP của Trung Quốc được dự báo tăng khoảng 7,5 % mỗi năm trong giai đoạn dự báo (phù hợp với tiềm năng) do nền kinh tế nước này chuyển sang tăng trưởng dựa vào tiêu dùng chậm hơn nhưng ổn định hơn.

Ở các nước đang phát triển khu vực châu Phi cận Sahara, tiếp tục đầu tư mạnh được dự báo để nâng tốc độ tăng trưởng từ khoảng 4,7% năm 2013 lên khoảng 5,4% trong giai đoạn 2014-2016 mặc dù các tác động thu nhập tiêu cực của giá hàng hóa thấp hơn. Với các quan hệ thương mại và tài chính chặt chẽ với khu vực đồng Euro, tăng trưởng ở các nước châu Âu đang phát triển được dự báo được hưởng lợi từ sự phục hồi của các nước châu Âu thu nhập cao, sẽ chuyển đổi từ yếu tố tiêu cực đối với tăng trưởng trong khu vực thành yếu tố tương đối tích cực. Đối với nhiều nền kinh tế khu vực, năm 2013 được dự báo đánh dấu sự khởi đầu của một quá trình phục hồi kéo dài để lấy lại được các mức sản lượng trước khủng hoảng.

Suy thoái đang diễn ra tại Nga (hiện được xếp là một quốc gia thu nhập cao) tạo ra những bất ổn định mới cho các nước châu Âu và Trung Á đang phát triển, trong đó nước Nga trước đây là một đối tác thương mại quan trọng và nguồn kiều hối chính đối với nhiều quốc gia. Ngoài ra, nợ từ cuộc khủng hoảng 2008-09 sẽ cản trở sự tái hưng mạnh mẽ nền kinh tế, tốc độ tăng trưởng khu vực châu Âu và Trung Á nói chung được dự báo tăng từ mức 3,4 % năm 2013 lên khoảng 3,8 % vào năm 2016. Ngoài ra, tăng trưởng ở Belarus và Ukraine được dự báo vẫn khó nắm bắt và mong manh do các vấn đề về cơ cấu và những bế tắc cải cách đáng kể. Tăng trưởng ở Thổ Nhĩ Kỳ được dự báo giảm tốc trong năm 2014 là kết quả của chỉ số tin tưởng thấp hơn do sự bất ổn chính trị gần đây cũng như các điều kiện tài chính chặt chẽ hơn.

Tăng trưởng ở Nam Á rất yếu, ước tính đạt 4,6% năm 2013, chủ yếu phản ánh sự yếu kém của Ấn Độ sau nhiều năm lạm phát tăng cao và thâm hụt tài khoản vãng lai và thâm hụt ngân sách cao. Tăng trưởng được phục hồi vào cuối năm 2013, và GDP khu vực trên cơ sở năm dương lịch được dự báo tăng chậm lên khoảng 6,7% vào năm 2016, chủ yếu phản ánh tốc độ tăng trưởng mạnh hơn ở Ấn Độ, và sự phục hồi theo chu kỳ đầu tư và nhu cầu bên ngoài.

Triển vọng cho các nước đang phát triển khu vực Trung Đông vẫn còn rất bất lợi, phản ánh những căng thẳng xã hội và chính trị tiếp tục đã làm suy sụp sức mạnh kinh tế vĩ mô và làm trầm trọng thêm những thách thức cấu trúc nghiêm trọng thừa kế từ giai đoạn trước mùa xuân Ả Rập (Arab Spring). Tăng trưởng trong đường cơ sở được dự báo tăng lên 3,6% vào năm 2016, tăng từ -0,1% năm 2013, kém hơn mức tăng trưởng trung bình trong giai đoạn trước mùa xuân Ả Rập. Kịch bản dự báo đường cơ sở, cải thiện rõ rệt về bất ổn chính trị đã cản trở khu vực này không được dự báo. Trong trường hợp không có sự đồng thuận chính trị cần thiết để nâng cao sự tin tưởng và hoạt động, và tạo khả năng cho những cải cách cần thiết, cân bằng rủi ro vẫn có những ảnh hưởng bất lợi.

*Bảng 1: Tổng quát triển vọng kinh tế thế giới
(tỷ lệ % thay đổi so với năm trước, trừ tỷ lệ lãi suất và giá dầu)*

	2012	2013e	2014f	2015f	2016f
CÁC ĐIỀU KIỆN TOÀN CẦU					
Khối lượng thương mại thế giới	2.4	3.1	4.6	5.1	5.1
Giá tiêu dùng					
Các nước G-7 ^{1,2}	1.8	1.3	1.8	1.9	2.0
Hoa Kỳ	2.1	1.5	1.7	2.0	2.2
Giá hàng hóa (USD)					
Hàng hóa phi dầu mỏ	- 8.6	- 7.2	- 2.6	- 0.2	0.1
Giá dầu (USD/thùng)	105.0	104.1	103.5	99.8	98.6
Giá dầu (% thay đổi)	1.0	-0.9	-0.6	-3.5	-1.2
Giá trị xuất khẩu đơn vị hàng chế tạo³	-1.2	-1.4	1.6	1.1	1.4
Tỷ lệ lãi suất					
USD, 6 tháng (%)	0.7	0.4	0.4	0.7	1.3
Euro, 6 tháng (%)	0.8	0.3	0.3	0.5	0.8
Luồng vốn quốc tế đổ vào các nước đang phát triển (% GDP)					
Các nước đang phát triển					
Luồng vốn ròng chính thức và tư nhân	5.1	4.7	4.3	4.3	4.2
Luồng vốn ròng tư nhân (cổ phần + nợ)	5.0	4.6	4.2	4.2	4.1
Đông Á và Thái Bình Dương	4.7	4.4	4.0	3.9	3.7
Châu Âu và Trung Á	7.8	6.6	6.0	6.2	6.3
Mỹ Latinh và vùng Caribe	5.7	5.3	5.0	5.1	4.9
Trung Đông và Bắc Phi	2.1	1.5	1.1	1.6	1.7
Nam Á	4.1	3.7	3.6	3.7	3.9
Châu Phi cận Sahara	4.8	5.3	4.3	4.2	4.1
TĂNG TRƯỞNG GDP THỰC⁴					
Thế giới	2.5	2.4	3.2	3.4	3.5
Thế giới (PPP 2010)	2.9	2.9	3.7	3.9	4.0
Các nước thu nhập cao	1.5	1.3	2.2	2.4	2.4
Các nước OECD	1.4	1.2	2.1	2.2	2.3

Khu vực đồng Euro	-0.6	-0.4	1.1	1.4	1.5
Nhật Bản	1.9	1.7	1.4	1.2	1.3
Hoa Kỳ	2.7	1.8	2.8	2.9	3.0
Các nước ngoài OECD	3.5	2.5	3.3	3.7	3.8
Các nước đang phát triển	4.8	4.8	5.3	5.5	5.7
<i>Đông Á và Thái Bình Dương</i>	7.4	7.2	7.2	7.1	7.1
Trung Quốc	7.7	7.7	7.7	7.5	7.5
Indônêxia	6.2	5.6	5.3	5.5	5.5
Thái Lan	6.5	3.2	4.5	5.0	5.2
<i>Châu Âu và Trung Á</i>	2.0	3.4	3.5	3.7	3.8
Kazakhstan	5.0	6.0	5.8	5.9	5.9
Thổ Nhĩ Kỳ	2.2	4.3	3.5	3.9	4.2
Romania	0.7	2.5	2.5	2.7	2.7
<i>Mỹ Latinh và vùng Caribe</i>	2.6	2.5	2.9	3.2	3.7
Braxin	0.9	2.2	2.4	2.7	3.7
Mêhico	3.8	1.4	3.4	3.8	4.2
Achentina	1.9	5.0	2.8	2.5	2.5
<i>Trung Đông và Bắc Phi</i>	1.5	-0.1	2.8	3.3	3.6
Ai Cập	2.3	2.0	2.2	3.1	3.3
Iran	-2.9	-1.5	1.0	1.8	2.0
Algeria	3.3	2.8	3.3	3.5	3.5
<i>Nam Á</i>	4.2	4.6	5.7	6.3	6.7
Ấn Độ	5.0	4.8	6.2	6.6	7.1
Pakistan	4.4	3.6	3.4	4.1	4.5
Bangladesh	6.2	6.0	5.7	6.1	6.0
<i>Châu Phi cận Sahara</i>	3.5	4.7	5.3	5.4	5.5
<i>Nam Phi</i>	2.5	1.9	2.7	3.4	3.5
Nigeria	6.6	6.7	6.7	6.8	6.8
Angola	5.2	5.1	8.0	7.3	7.0
Các nước đang phát triển					
Không kể các nước đang chuyển tiếp	4.8	5.0	5.4	5.6	5.8
Trừ Trung Quốc và Ấn Độ	2.9	3.2	3.6	4.0	4.2

Nguồn: World Bank.

PPP = Sức mua tương đương; e = ước tính; f = dự báo.

1. Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản, Vương quốc Anh, và Hoa Kỳ.

2. Tính theo tiền tệ địa phương, tính theo GDP năm 2010.

3. Chỉ số giá trị đơn vị hàng xuất khẩu chế tạo từ các nền kinh tế lớn (tính theo USD).

4. Tốc độ tăng trưởng tổng hợp tính theo giá trị đồng đô la năm 2010.

1.1.2. Dự báo triển vọng kinh tế thế giới năm 2014-2015 của Liên hợp quốc

Tăng trưởng toàn cầu tiếp tục đối mặt với những bất lợi

Kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng nhẹ thêm một năm nữa vào năm 2013, không thể

đáp ứng ngay cả những dự báo khiêm tốn mà nhiều tổ chức dự báo đưa ra trước đó, bao gồm cả Báo cáo Tình hình và triển vọng kinh tế thế giới 2013 (WESP). Theo thông tin được đưa ra vào tháng mười một, tổng sản phẩm thế giới (WGP) ước tính tăng 2,1% năm 2013, thấp hơn so với dự báo cơ sở 2,4% được công bố trong WESP 2013, nhưng vẫn tốt hơn so với kịch bản bi quan khác được trình bày trong báo cáo đó.

Sự kém hiệu quả của nền kinh tế thế giới được quan sát ở hầu như tất cả các vùng và các nhóm kinh tế lớn. Hầu hết các nền kinh tế phát triển tiếp tục gặp khó khăn trong cuộc chiến chống lại các tác động kéo dài của cuộc khủng hoảng tài chính, đặc biệt là những thách thức trong việc thực hiện các hành động chính sách tiền tệ và tài khóa thích hợp. Một số nền kinh tế mới nổi, đã trải qua một sự suy giảm đáng kể trong hai năm qua, gặp những bất lợi mới trong năm 2013 cả trong và ngoài nước.

Một số dấu hiệu cải tiến đã được chỉ ra gần đây: khu vực đồng euro cuối cùng đã thoát ra khỏi một cuộc suy thoái kéo dài, với tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của khu vực nói chung tăng trưởng trở lại, một số nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc, dường như đã chặn lùi suy thoái và đang sẵn sàng để tăng trưởng. Dựa trên một tập hợp các giả định, WGP được dự báo tăng trưởng với tốc độ 3,0 và 3,3% trong năm 2014 và năm 2015. Một lần nữa, dự báo cơ sở này được thực hiện trong bối cảnh của một số bất ổn và rủi ro xuất phát từ các sai lầm chính sách và các yếu tố vượt ra ngoài lĩnh vực kinh tế.

Mặc dù có những khác biệt đáng chú ý về tốc độ tăng trưởng giữa các nhóm quốc gia khác nhau, các hoạt động tăng trưởng mang tính chu kỳ vẫn đồng bộ. Trong khi tốc độ tăng trưởng trung bình của các nước thu nhập trung bình tiếp tục cao nhất, tăng trưởng ở các nước kém phát triển nhất (LDC) được dự báo mạnh lên trong giai đoạn 2014-2015.

Trong số các nước phát triển, Hoa Kỳ tăng trưởng với tốc độ khiêm tốn ước tính là 1,6% năm 2013, thấp hơn đáng kể so với tốc độ tăng trưởng 2,8% của năm trước. Thất chặt tài khóa và một loạt các tác nghẽn chính trị đối với các vấn đề ngân sách trong năm đã ảnh hưởng nặng nề đến tốc độ tăng trưởng. Chính sách tiền tệ được điều tiết mạnh nhưng nó có tác dụng thúc đẩy giá cổ phiếu nhiều hơn là kích thích nền kinh tế thực. Những kỳ vọng nảy sinh vào giữa năm 2013 về mức giảm dần có thể của chương trình nói lỏng định lượng gây ra một số bất ổn định trong thị trường tài chính, đẩy lãi suất dài hạn lên. Một cải tiến vừa phải trước đó vào năm 2013 trong các khu vực như nhà ở và việc làm bị mất đà về cuối năm. Về triển vọng, giả định rằng việc đảo ngược trong tương lai sự nói lỏng tiền tệ sẽ được giải quyết ổn thỏa, GDP được dự báo tăng 2,5 và 3,2% tương ứng vào năm 2014 và 2015. Tuy nhiên, rủi ro vẫn còn, đặc biệt vì tranh cãi chính trị về ngân sách có thể kéo dài trong nhiều năm.

Tây Âu nổi lên từ suy thoái kinh tế trong quý II năm 2013, dẫn đầu là xuất khẩu ròng, và ở một mức độ thấp hơn, tiêu dùng tư nhân và công, nhưng đầu tư vẫn còn yếu và tỷ lệ thất nghiệp cao. GDP được dự báo tăng 1,5 và 1,9% tương ứng trong năm 2014 và 2015. Tăng trưởng vẫn còn yếu do một số yếu tố: các chương trình thắt lưng buộc bụng tài chính, trong khi giảm cường độ, vẫn có tác động; nhu cầu trong khu vực vẫn đặc biệt thấp; và nhu cầu ngoài khu vực chậm lại. Các điều kiện cho vay vẫn còn rất chặt đối với một số quốc gia, đặc

biệt là đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tính đa dạng đáng kể được tìm thấy ở các nước, với Anh và Bắc Ai-len có sự tăng trưởng tương đối mạnh, tiếp theo là Đức, trong khi các nước khủng hoảng vẫn còn ở vị trí rất yếu kém, với Síp, Hy Lạp và Bồ Đào Nha được dự báo vẫn trong tình trạng suy thoái kinh tế trong năm 2014.

Nhiều thành viên mới trong Liên minh châu Âu (EU) ở Đông Âu vẫn trong tình trạng suy thoái kéo dài trong nửa đầu của năm 2013, nhưng tình hình được cải thiện trong nửa cuối năm này, với sự củng cố tâm lý kinh doanh và niềm tin hộ gia đình để đáp ứng sự tăng trưởng trở lại ở Tây Âu. Ví dụ, ngành công nghiệp ô tô ở Trung Âu cho thấy các dấu hiệu của một xu hướng gia tăng và doanh số bán lẻ cũng tăng tại Cộng hòa Séc và Ba Lan. Tốc độ tăng trưởng GDP chung cho khu vực được ước tính là 0,5% năm 2013, và được dự báo sẽ tăng lên 2,1% trong năm 2014 và tăng tiếp tục lên 2,7% trong năm 2015.

Nhật Bản ước tính tăng 1,9% trong năm 2013, được thúc đẩy bởi một tập hợp các gói chính sách mở rộng, bao gồm cả kích thích tài chính và mua sắm tài sản quy mô lớn của ngân hàng trung ương. Đầu tư cố định là một động lực chính của tăng trưởng, vì một số dự án công trình công được tài trợ bởi ngân sách bổ sung. Chính phủ cũng dự kiến sẽ áp dụng một gói khác nhằm mục tiêu vào các cải cách cơ cấu sớm, nhưng những tác động này là không chắc chắn. Trong khi đó, sự gia tăng thuế tiêu thụ được dự báo kiềm chế tăng trưởng trong hai năm tới. GDP được dự báo sẽ tăng khiêm tốn ở mức 1,5% trong năm 2014.

Với các nước phát triển khác, GDP ở Canada ước tính tăng ở mức 1,6% năm 2013, và được kỳ vọng tăng lên 2,4 và 2,8% tương ứng trong năm 2014 và 2015. Xây dựng nhà đóng đã góp tích cực vào tăng trưởng GDP năm 2013, nhưng tốc độ xây dựng gần như là tối đa. GDP ở Ôxtraylia ước tính tăng 2,6% năm 2013 và được dự báo sẽ tăng 2,8% trong năm 2014. Trong khi tăng trưởng xuất khẩu sẽ vẫn ổn định, đầu tư trong lĩnh vực khai thác mỏ được kỳ vọng sẽ đạt mức đỉnh vào năm 2014. Tăng trưởng trong tiêu dùng chính phủ và đầu tư công sẽ chậm lại. GDP ở Niu Dilân ước tính tăng 2,6% năm 2013 và được dự báo tăng 2,8% trong năm 2014, nhờ tăng trưởng xuất khẩu sang thị trường châu Á.

Trong số các nước đang phát triển, triển vọng tăng trưởng ở châu Phi vẫn tương đối mạnh. Sau khi tăng trưởng năm 2013 ước tính là 4,0%, GDP được dự báo tăng lên 4,7% trong năm 2014. Các triển vọng tăng trưởng được kỳ vọng sẽ được hậu thuẫn bởi những cải thiện trong môi trường kinh tế toàn cầu và kinh doanh khu vực, giá hàng hóa tương đối cao, giảm bớt những hạn chế cơ sở hạ tầng và tăng cường các quan hệ thương mại và đầu tư với các nền kinh tế mới nổi. Các yếu tố quan trọng khác cho triển vọng tăng trưởng trung hạn của châu Phi bao gồm tăng nhu cầu trong nước - đặc biệt là nhu cầu của một lớp người tiêu dùng mới ngày càng tăng gắn với đô thị hóa và tăng thu nhập - và những cải thiện quản lý và quản trị kinh tế. Sự phục hồi tăng trưởng khiêm tốn phải trong năm 2014 ở các nước mới nổi và đang phát triển, dẫn đầu là Trung Quốc, và sự cải thiện được dự báo ở các nền kinh tế phát triển lớn cũng sẽ kích thích tăng trưởng của châu Phi, thông qua tăng cường thương mại, đầu tư và dòng vốn.

Sau cuộc suy thoái đáng chú ý diễn ra trong giai đoạn 2011-2012, tăng trưởng kinh tế ở Đông Á ổn định ở mức vừa phải trong năm 2013. Khu vực này tiếp tục bị ảnh hưởng bởi

nhu cầu bên ngoài tương đối yếu từ các nền kinh tế phát triển, cũng như sự điều chỉnh tốc độ tăng trưởng chậm hơn ở Trung Quốc. Tốc độ tăng trưởng trung bình của khu vực ước tính trung bình 6,0% năm 2013, gần như bằng tốc độ của năm 2012. Sự phục hồi kinh tế ở mức trung bình 6,1% được dự báo cho năm 2014 và 2015, chủ yếu là do sự phục hồi dần tăng trưởng xuất khẩu trong bối cảnh cải thiện các điều kiện của các nước phát triển. Ở hầu hết các nền kinh tế Đông Á, đầu tư và tiêu dùng tư nhân sẽ tiếp tục mở rộng với tốc độ vững chắc, được hậu thuẫn bởi các điều kiện thị trường lao động ổn định, lạm phát thấp và chính sách tiền tệ thích ứng. Chính sách tài khóa vẫn duy trì sự mở rộng ở mức độ vừa phải và tiếp tục hỗ trợ cho tăng trưởng.

Tăng trưởng ở Nam Á vẫn còn mờ nhạt do sự kết hợp các yếu tố bên trong và bên ngoài cản trở hoạt động, đặc biệt ở các nền kinh tế lớn nhất của khu vực, như Ấn Độ, Iran và Pakistan. Tăng trưởng ước tính là 3,9% năm 2013, gần mức thấp nhất trong hai thập kỷ qua. Tốc độ tăng trưởng được dự báo sẽ ở mức vừa phải 4,6% trong năm 2014 và 5,1% trong năm 2015, được hậu thuẫn bởi sự phục hồi dần nhu cầu trong nước của Ấn Độ, chấm dứt khủng hoảng tại Iran và sự gia tăng nhu cầu bên ngoài. Tuy nhiên, ở hầu hết các nền kinh tế, tăng trưởng có thể sẽ vẫn còn ở dưới mức trước khủng hoảng tài chính toàn cầu. Tiêu dùng và đầu tư cá nhân bị kìm nén bởi một loạt các yếu tố, bao gồm cả những trở ngại về năng lượng và giao thông vận tải, các điều kiện an ninh không ổn định và những mất cân bằng kinh tế vĩ mô.

Tăng trưởng của Tây Á ước tính là 3,6% năm 2013, và sẽ tăng lên mức 4,3% trong năm 2014. Trong khi các nước thành viên của Hội đồng Hợp tác vùng Vịnh (GCC) đang trên đà phục hồi ổn định, tiếp tục bất ổn chính trị, bất ổn xã hội, các sự cố an ninh và căng thẳng địa chính trị đã cản trở một số nền kinh tế khác trong khu vực. Cuộc khủng hoảng ở Syria đã ảnh hưởng nhiều mặt đến các nước láng giềng. Các hoạt động kinh tế qua biên giới mờ nhạt - bao gồm các hoạt động thương mại, đầu tư và du lịch giữa các nước GCC và các nước còn lại của Tây Á tiếp tục không mang lại các hiệu ứng lan tỏa tích cực trong khu vực. Sự trì trệ của các dòng vốn tư nhân đã tạo ra các hạn chế vừa phải về tỷ giá hối đoái cho Jordan, Lebanon và Yemen. Thổ Nhĩ Kỳ tiếp tục phải đối mặt với áp lực tài chính, tiền tệ mất giá và lãi suất liên ngân hàng tăng, là kết quả của sự suy giảm các dòng vốn quốc tế chảy vào.

Tăng trưởng ở châu Mỹ Latinh và vùng Caribê giảm tốc trong năm 2013, với mức 2,6%, nhưng được dự báo sẽ tăng lên 3,6 và 4,1% tương ứng trong năm 2014 và 2015. Ở Nam Mỹ, Brazil vẫn đang phát triển với tốc độ khiêm tốn, bị kiềm chế bởi nhu cầu bên ngoài yếu, sự biến động của các dòng vốn quốc tế và chính sách thắt chặt tiền tệ. Cải thiện triển vọng được dự báo sẽ phụ thuộc vào việc tăng cường nhu cầu toàn cầu. Tiêu dùng cá nhân hỗ trợ cho tăng trưởng ở nhiều nền kinh tế của Nam Mỹ. Tăng trưởng ở Mexico và Trung Mỹ được dự báo tăng mạnh trong năm 2014-2015, được hậu thuẫn bởi hiệu suất hàng xuất khẩu chế tạo tốt hơn và nhu cầu trong nước ổn định, cũng như những điều chỉnh cơ cấu. Tăng trưởng ở khu vực Caribe bị cản trở bởi nhu cầu bên ngoài yếu - đặc biệt là khu vực du lịch - và giá hàng hóa yếu hơn, nhưng triển vọng sẽ mạnh lên.

Trong số các nền kinh tế đang chuyển đổi, tăng trưởng ở hầu hết các nền kinh tế của

Cộng đồng các quốc gia độc lập (CIS) giảm tốc trong năm 2013, bị kiềm chế bởi xuất khẩu yếu và những hạn chế tài chính bên ngoài, những bế tắc của bên cung, và chỉ số tin cậy của người tiêu dùng và doanh nghiệp yếu kém. Tăng trưởng tại Liên bang Nga tiếp tục yếu hơn trong nửa đầu năm 2013, do sản lượng công nghiệp vẫn còn yếu và đầu tư đã trở thành một tác động thúc đẩy tăng trưởng. Suy thoái kinh tế ảnh hưởng đến chỉ số tin cậy của người tiêu dùng và dẫn đến làm suy yếu tăng trưởng doanh số bán lẻ. Sự yếu kém của Liên bang Nga có tác động tiêu cực đến các nước láng giềng trong CIS qua các kênh thương mại, đầu tư và chuyển tiền. Về triển vọng, các vấn đề cơ cấu như mở rộng lĩnh vực năng lượng chậm chạp, những hạn chế về năng lực và đầu tư yếu kém sẽ làm giảm tốc độ tăng trưởng đến các mức trước khủng hoảng.

Tăng trưởng ở Đông Nam châu Âu đã được cải thiện trong năm 2013, nhưng tốc độ tăng trưởng dự kiến sẽ vẫn ở biên trong tương lai gần, dao động từ 1 đến 2%, không đủ để đáp ứng các nhu cầu đã có từ lâu của khu vực cho tái công nghiệp hóa, tăng cường sự tham gia của lực lượng lao động và giảm tỷ lệ thất nghiệp quá cao. Về triển vọng, môi trường bên ngoài của những nước này kỳ vọng sẽ được cải thiện, bao gồm cả các điều khoản tiếp cận tài chính bên ngoài. Với các điều kiện tín dụng nới lỏng, đầu tư được thiết lập để phục hồi dần trong giai đoạn 2014-2015, cùng với tăng tiêu dùng cá nhân. Tăng trưởng GDP được dự báo tăng lên mức 2,6% trong năm 2014 và đạt mức 3,1% trong năm 2015.

Triển vọng giảm lạm phát

Lạm phát đã được kiểm soát trên toàn thế giới, phần nào phản ánh GDP tiềm năng, tỷ lệ thất nghiệp cao và giảm nợ tài chính tiếp tục ở các nền kinh tế phát triển lớn. Trong các nền kinh tế phát triển, lạm phát giảm tốc ở Hoa Kỳ trong năm 2013 và được kỳ vọng vẫn dưới 2% trong năm 2014 và 2015. Lạm phát đã giảm tốc tương tự ở khu vực đồng Euro, xuống dưới 1,0% đưa đến một số lo ngại về giảm phát. Ở Nhật Bản, các chính sách mở rộng lớn nhằm phục hồi nền kinh tế cố gắng chấm dứt tình trạng giảm phát kéo dài một thập kỷ vào năm 2013, khi chỉ số giá tiêu dùng (CPI) ước tính tăng 0,3%, và được dự báo sẽ đạt được mục tiêu 2,0% vào năm 2014. Trong số các nước đang phát triển và các nền kinh tế đang chuyển đổi, tỷ lệ lạm phát trên 10% chỉ nằm trong khoảng một chục nền kinh tế rải rác khắp các khu vực. Một số nền kinh tế ở khu vực Nam Á và châu Phi, cộng thêm một số nền kinh tế trong CIS, sẽ tiếp tục phải đối mặt với tỷ lệ lạm phát cao, chủ yếu là do các dự báo lạm phát cao, tăng trưởng tín dụng nhanh, áp lực giá thực phẩm khu biệt và những bế tắc cơ cấu như thiếu năng lực. Mặt khác, hầu hết các nền kinh tế ở Đông Á tiếp tục phải đối mặt với lạm phát nhẹ.

Tỷ lệ thất nghiệp cao vẫn còn là một thách thức quan trọng

Tình hình việc làm toàn cầu vẫn còn khó khăn, do các ảnh hưởng lâu dài từ cuộc khủng hoảng tài chính tiếp tục đè nặng lên các thị trường lao động ở nhiều quốc gia và khu vực. bao nhiêu loại hình thất nghiệp là cơ cấu và bao nhiêu loại hình thất nghiệp là theo chu kỳ vẫn còn đang được tranh luận. Câu trả lời dường như khác nhau theo vùng, với một số quốc gia, như Hoa Kỳ, chủ yếu phải đối mặt với tình trạng thất nghiệp theo chu kỳ, trong khi những nước khác, như Tây Ban Nha, đối mặt với các vấn đề về cơ cấu nhiều hơn.

Trong số các nước phát triển, tỷ lệ thất nghiệp ở Hoa Kỳ vẫn tiếp tục giảm chậm, giảm 7,0% vào cuối năm 2013, từ mức đỉnh 10% năm 2010. Tuy nhiên, một phần đáng kể của sự sụt giảm này là do sự giảm sút sự tham gia của lực lượng lao động. Tỷ lệ thất nghiệp dự kiến sẽ tiếp tục giảm và đạt ngưỡng tới hạn của Cục dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (Fed) là 6,5% vào giữa năm 2015. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực đồng Euro dường như trở nên ổn định trong năm 2013, ở mức cao lịch sử là 12,2%. Ở khu vực đồng Euro, trong khi tỷ lệ thất nghiệp của Đức ở gần mức thấp lịch sử khoảng 5%, Hy Lạp và Tây Ban Nha đang đối mặt với tỷ lệ thất nghiệp cao khác thường khoảng 27%, với tỷ lệ thanh niên thất nghiệp cao gấp hai lần tỷ lệ này. Những tỷ lệ thất nghiệp cao này trong khu vực đồng euro dự kiến sẽ giảm xuống một chút, vì tăng trưởng GDP sẽ không đủ mạnh để thực hiện tiến bộ đáng kể trong thời kỳ dự báo. Tỷ lệ thất nghiệp ở Nhật Bản tương đối thấp, trong khi tỷ lệ tham gia lực lượng lao động tiếp tục giảm khi dân số trong độ tuổi lao động giảm đi.

Tình hình thất nghiệp là khác nhau giữa các nước phát triển và các nền kinh tế đang chuyển đổi, với tỷ lệ thất nghiệp cơ cấu rất cao tại Bắc Phi và Tây Á, đặc biệt là trong giới trẻ.

Tỷ lệ thất nghiệp vẫn ở mức thấp ở hầu khắp khu vực Đông Á, ước tính dưới 3% ở Malaixia, Singapo, Thái Lan và Việt Nam. Triển vọng trong giai đoạn này được dự báo là ít thay đổi, dựa trên dự báo tăng trưởng tương đối khiêm tốn trong hai năm tới. Tăng trưởng chậm lại ở Nam Á dường như đã có một tác động tiêu cực đáng kể đối với việc làm. Tỷ lệ thất nghiệp vẫn tương đối thấp ở Ấn Độ, nhưng đã giảm xuống phần nào trong năm tài chính vừa qua. Trong một số nền kinh tế, những thay đổi việc làm do các vấn đề cơ cấu đã ảnh hưởng đến phụ nữ ở mức độ cao hơn, làm trầm trọng thêm những khoảng cách về giới vốn đã rất cao, với tỷ lệ thất nghiệp nữ cao ở Pakistan và tỷ lệ phụ nữ tham gia thấp ở Bangladesh. Tăng trưởng khiêm tốn trong giai đoạn triển vọng kết hợp với áp lực dân số có khả năng làm trầm trọng thêm áp lực đối với thị trường lao động. Tăng trưởng tích cực ở nhiều nước châu Phi đã có một tác động hạn chế đối với việc làm; khu vực phi chính thức vẫn còn lớn và các cơ hội vẫn hạn chế cho những người tìm cách thâm nhập thị trường lao động, như được thấy ở tỷ lệ thanh niên thất nghiệp cao và những bất bình đẳng giới rộng trong thu nhập. Ngoài ra, áp lực liên tục đối với thị trường lao động từ một dòng ổn định những người mới tham gia có nghĩa là thậm chí tốc độ tăng trưởng GDP ổn định không đủ để tạo ra các tác động đáng kể. Ngay cả khi tăng trưởng chậm lại ở các nền kinh tế lớn ở Nam Mỹ như Brazil và Mexico, tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở mức khoảng 6% hoặc thấp hơn. Các chỉ số thị trường lao động có khả năng vẫn ổn định trong phần còn lại của năm cho khu vực này; tuy nhiên, có thể không có cải thiện hơn nữa trong tương lai gần, mặc dù có những cải thiện về tăng trưởng, do thực tế tỷ lệ thất nghiệp tăng chỉ tương đương với việc lực lượng lao động tăng ở một số quốc gia. Tỷ lệ thất nghiệp vẫn ở mức thấp lịch sử tại Liên bang Nga, từ 5 đến 6%, mặc dù có sự sụt giảm đáng kể và nhập cư từ các nước xung quanh trong CIS.

Một số quốc gia đang nỗ lực phối hợp giải quyết các vấn đề thị trường lao động, như điều chỉnh các chính sách kinh tế vĩ mô phù hợp với các điều kiện trong nước, thúc đẩy đào

tạo thanh niên và các phân đoạn loại trừ khác của lực lượng lao động, và tiến hành các bước để tạo ra những tiến bộ về năng suất và đổi mới. Những biện pháp này được kỳ vọng sẽ được ban hành thông qua một khuôn khổ chính sách phối hợp và tích hợp sẽ cân bằng nhu cầu lao động và cung ứng lao động, với những nỗ lực đầy đủ để đảm bảo bảo trợ sinh xã hội bền vững. Điều này cũng bao gồm việc thúc đẩy một môi trường thuận lợi để tạo việc làm với sự tiếp cận tài chính, cơ sở hạ tầng cần thiết, hỗ trợ cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Bảng 2. Dự báo tăng trưởng sản lượng thế giới của LHQ, 2011-2015

	2011	2012	2013	2014	2015
Thế giới	2,8	2,4	2,1	3,0	3,3
Các nền kinh tế phát triển	1,5	1,3	1,0	1,9	2,4
Hoa Kỳ	1,8	2,8	1,6	2,5	3,2
Nhật Bản	- 0,6	1,9	1,9	1,5	1,2
EU	1,7	- 0,4	- 0,1	1,4	1,9
EU-15	1,5	- 0,5	- 0,1	1,4	1,8
Các thành viên mới của EU	3,0	0,6	0,5	2,1	2,7
Khu vực đồng euro	1,6	- 0,7	- 0,5	1,1	1,6
Các nước châu Âu khác	1,6	1,9	1,7	2,6	2,9
Các nước phát triển khác	2,4	2,5	2,0	2,6	2,9
Các nền kinh tế đang chuyển đổi	4,6	3,2	2,0	3,3	4,0
Nam - Đông Âu	1,9	- 0,9	1,8	2,6	3,1
Cộng đồng các quốc gia độc lập (CIS) và Georgia	4,8	3,4	2,0	3,4	4,1
Liên Bang Nga	4,3	3,4	1,5	2,9	3,6
Các nền kinh tế đang phát triển	5,9	4,7	4,6	5,1	5,3
Châu Phi	0,8	5,7	4,0	4,7	5,0
Bắc Phi	- 6,1	7,2	2,3	3,3	4,3
Đông Phi	6,5	6,0	6,0	6,4	6,4
Trung Phi	3,9	5,8	4,2	4,8	4,1
Tây Phi	6,1	6,7	6,7	6,9	6,8
Nam Phi	4,0	3,5	3,6	4,2	4,4
Đông và Nam Á	7,0	5,5	5,6	5,8	6,0
Đông Á	7,1	5,9	6,0	6,1	6,1
Trung Quốc	9,3	7,7	7,7	7,5	7,3
Nam Á	6,4	4,2	3,9	4,6	5,1
Ấn Độ	7,3	5,1	4,8	5,3	5,7
Tây Á	6,9	3,9	3,6	4,3	3,9
Mỹ Latinh và Caribe	4,4	3,0	2,6	3,6	4,1
Nam Mỹ	4,6	2,5	3,2	3,4	4,1
Braxin	2,7	0,9	2,5	3,0	4,2
Mêhicô và Trung Mỹ	4,1	4,0	1,5	4,0	4,2
Mêhicô	4,0	3,9	1,2	4,0	4,2
Caribe	2,7	2,8	2,4	3,3	3,8
Theo trình độ phát triển					
Các nước thu nhập cao	1,7	1,5	1,2	2,1	2,5

Các nước thu nhập trên trung bình	5,9	5,1	4,6	5,3	5,4
Các nước thu nhập dưới trung bình	5,8	4,4	4,7	5,0	5,4
Các nước thu nhập thấp	6,2	6,0	5,7	6,1	6,1
Các nước kém phát triển	3,6	4,9	5,4	5,7	5,7
Theo hạng mục biên bản ghi nhớ					
Thương mại thế giới	6,7	2,9	2,3	4,7	5,2
Tăng trưởng sản lượng thế giới tính theo PPP	3,7	3,0	2,9	3,6	4,0

Nguồn: UN/DESA

1.1.3. Dự báo triển vọng kinh tế thế giới của Quỹ tiền tệ quốc tế

Hoạt động toàn cầu và thương mại thế giới phục hồi trong nửa cuối năm 2013. Dữ liệu gần đây thậm chí còn cho rằng tăng trưởng toàn cầu trong giai đoạn này hơi cao so với dự báo trong Báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu (WEO) số tháng 10 năm 2013. Nhu cầu cuối cùng ở các nền kinh tế tiên tiến mở rộng một mạnh như dự đoán với sự tăng trưởng vượt bậc đáng ngạc nhiên do nhu cầu hàng tồn kho cao hơn (inventory demand). Ở các nền kinh tế thị trường mới nổi, phục hồi xuất khẩu là động lực chính đằng sau hoạt động tốt hơn, trong khi nhu cầu trong nước nhìn chung là trầm lắng, ngoại trừ Trung Quốc.

Điều kiện tài chính ở các nền kinh tế tiên tiến thuận lợi hơn kể từ khi công bố Báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu số tháng 10 năm 2013, với rất ít thay đổi kể từ khi Cục Dự trữ liên bang Hoa Kỳ công bố ngày 18 tháng 12 rằng họ sẽ bắt đầu giảm dần các biện pháp nới lỏng định lượng trong tháng này. Chính sách này bao gồm giảm thiểu hơn nữa phí rủi ro vay nợ chính phủ của các nền kinh tế khu vực đồng Euro bị khủng hoảng. Tuy nhiên, ở các nền kinh tế thị trường mới nổi, các điều kiện tài chính vẫn được thắt chặt sau những công bố thực thi chính sách của Hoa Kỳ vào tháng 5 năm 2013, mặc dù có những dòng vốn tương đối linh hoạt. Giá cổ phiếu vẫn chưa phục hồi hoàn toàn, nhiều lợi suất trái phiếu có chủ quyền (sovereign bond yields) đã nhích lên và một số đồng tiền đang chịu áp lực.

Tăng trưởng ở Hoa Kỳ được kỳ vọng đạt 2,8% năm 2014, tăng so với mức 1,9% của năm 2013. Tiếp theo những tăng trưởng đáng ngạc nhiên của hàng tồn kho (inventories) trong nửa cuối năm 2013, tăng trưởng trong năm 2014 sẽ đạt được nhờ nhu cầu cuối trong nước, được hậu thuẫn một phần do việc giảm tác động tài chính nhờ thỏa thuận ngân sách gần đây. Tuy nhiên, thỏa thuận này cũng kéo theo lập trường tài chính được dự báo chặt chẽ hơn trong năm 2015 (do thỏa thuận ngân sách gần đây ngụ ý rằng hầu hết sự cắt giảm đồng bộ ngân sách sẽ vẫn giữ nguyên trong năm 2015, thay vì có sự đảo ngược như dự báo của WEO tháng 10 năm 2013, và tăng trưởng hiện nay được dự báo là 3% trong năm 2015 (3,4% vào tháng 10 năm 2013).

Khu vực đồng euro đang chuyển từ suy thoái sang phục hồi. Tốc độ tăng trưởng được dự báo là 1% năm 2014 và 1,4% năm 2015, song sự hồi phục này là không đồng đều. Tăng trưởng nhìn chung sẽ khiêm tốn hơn ở các nền kinh tế đang chịu sức ép, mặc dù có một số tiến triển bao gồm cả Tây Ban Nha. Nợ nhiều, kể cả khu vực nhà nước và tư nhân, và sự phân mảnh tài chính kìm giữ nhu cầu trong nước, trong khi xuất khẩu cần tiếp tục đóng góp

cho tăng trưởng. Ở những khu vực khác của châu Âu, hoạt động ở Anh được giữ vững nhờ các điều kiện tín dụng dễ dàng và độ tin cậy gia tăng. Tăng trưởng được dự báo trung bình là 2,25% trong giai đoạn 2014-2015, song sự trì trệ của nền kinh tế vẫn ở mức cao.

Ở Nhật Bản, tăng trưởng hiện nay được dự báo sẽ chậm dần hơn so với dự báo của WEO vào tháng 10 năm 2013. Các kích thích tài chính tạm thời phải bù đắp phần nào cho sự trì trệ do tăng thuế tiêu thụ đầu năm 2014. Kết quả là, tăng trưởng hàng năm được dự báo nói chung sẽ không đổi ở mức 1,7% năm 2014, dựa vào các hiệu ứng chuyển tiếp, trước khi giảm xuống 1% vào năm 2015.

Nhìn chung, tăng trưởng ở các nền kinh tế thị trường mới nổi và đang phát triển được dự báo sẽ tăng lên 5,1% năm 2014 và đạt được mức 5,4% vào năm 2015. Tăng trưởng của Trung Quốc khởi sắc mạnh trong nửa cuối năm 2013, chủ yếu là nhờ tăng mạnh đầu tư. Sự tăng trưởng này được dự báo chỉ là tạm thời, một phần là do các biện pháp chính sách nhằm làm chậm tăng trưởng tín dụng và tăng chi phí vốn. Do vậy, tăng trưởng được dự báo khiêm tốn ở mức khoảng 7,5% trong giai đoạn 2014-15. Ấn Độ tăng trưởng mạnh sau mùa mưa thuận lợi và tăng trưởng xuất khẩu cao hơn và được dự báo ổn định hơn nhờ các chính sách cơ cấu hỗ trợ đầu tư mạnh hơn. Nhiều nền kinh tế thị trường mới nổi và đang phát triển khác đã bắt đầu được hưởng lợi từ nhu cầu bên ngoài lớn hơn của các nền kinh tế tiên tiến và của Trung Quốc. Tuy nhiên, ở nhiều nơi, nhu cầu trong nước vẫn yếu hơn so với dự báo. Điều này phản ánh các mức độ khác nhau, các điều kiện tài chính và quan điểm chính sách chặt chẽ hơn kể từ giữa năm 2013, cũng như sự không chắc chắn và những bế tắc về chính trị hoặc chính sách, nhất là bế tắc về đầu tư. Kết quả là, tăng trưởng năm 2013 hoặc 2014 được điều chỉnh giảm xuống so với dự báo của WEO vào tháng 10 năm 2013, kể cả ở Brazil và Nga. Khu vực Nam Phi giảm, và được điều chỉnh tăng trong năm 2015, chủ yếu phản ánh những dự báo về sự hồi phục sản lượng dầu ở Libia sau khi ngừng sản xuất vào năm 2013 sẽ bắt đầu với tốc độ chậm hơn.

Tóm lại, tăng trưởng toàn cầu được dự báo tăng từ 3% năm 2013 lên 3,7% năm 2014 và 3,9% năm 2015.

Về các dự báo rủi ro, các rủi ro tiêu cực - các rủi ro đã được nói đến trước đây trong WEO tháng 10 năm 2013 và các rủi ro mới, vẫn tồn tại. Trong số các rủi ro mới, rủi ro đối với các hoạt động liên quan đến lạm phát rất thấp ở các nền kinh tế tiên tiến, đặc biệt là khu vực đồng Euro, sẽ tăng lên. Với lạm phát có khả năng thấp hơn mục tiêu trong một giai đoạn nào đó, những dự báo lạm phát dài hạn hơn có thể giảm xuống. Điều này làm tăng những rủi ro lạm phát thấp hơn dự báo, và làm gia tăng gánh nặng nợ thực tế, và sớm tăng lãi suất thực tế, vì chính sách tiền tệ bị hạn chế trong việc giảm tỷ lệ lãi suất danh nghĩa. Nó cũng làm tăng khả năng giảm phát trong trường hợp có những xáo trộn bất lợi đối với hoạt động.

Rủi ro bất lợi đối với ổn định tài chính kéo dài. Đòn bẩy tài chính của doanh nghiệp tăng lên, đi kèm theo ở nhiều nền kinh tế thị trường mới nổi là rủi ro hối đoái giao dịch tăng lên với các khoản nợ nước ngoài. Ở một số thị trường, bao gồm một số thị trường mới nổi, định giá tài sản có thể bị sức ép nếu lãi suất tăng hơn so với dự báo và ảnh hưởng tiêu cực đến

cảm nhận của nhà đầu tư.

Ở các nền kinh tế thị trường mới nổi, sự thăng hoa của dòng vốn và thị trường tài chính gia tăng vẫn là mối quan ngại, mặc dù vào đầu năm 2014 Cục dự trữ liên bang (Hoa Kỳ) bắt đầu tiên hành các biện pháp kích thích nhằm vực dậy nền kinh tế. Phản ứng đối với tuyên bố đưa ra vào tháng 12 cho đến nay tương đối im ắng ở hầu hết các nền kinh tế, có thể là được hậu thuẫn bởi sự tuyên truyền và điều chỉnh lại chính sách của Cục dự trữ liên bang (bao gồm các xem xét lại về hướng dẫn). Tuy nhiên, sự chuyển đổi danh mục đầu tư và một số dòng vốn ngoài có thể liên quan đến việc tiến hành các biện pháp kích thích nhằm vực dậy nền kinh tế của Cục. Khi kết hợp với sự yếu kém ở trong nước, kết quả có thể sẽ là dòng vốn ra ngoài mạnh hơn và điều chỉnh tỷ lệ hối đoái mạnh hơn. Về các chính sách, việc bảo đảm tăng trưởng vững chắc và kiểm soát được các khả năng dễ bị tổn hại vẫn là những ưu tiên toàn cầu bất chấp việc đẩy mạnh hoạt động được dự kiến.

Ở các nền kinh tế phát triển, các ưu tiên chính sách vẫn chủ yếu là các ưu tiên đã được nói đến trong Báo cáo WEO tháng 10 năm 2013. Tuy nhiên, với các triển vọng cải thiện, sẽ rất quan trọng là tránh sớm từ bỏ việc điều tiết chính sách tiền tệ, kể cả ở Hoa Kỳ, do GDP tiềm năng vẫn còn lớn, trong khi lạm phát chậm và sự cứng cố về tài chính tiếp tục. Cần có sự tăng trưởng mạnh hơn để hoàn thiện việc lập lại cân bằng bằng cân đối kế toán sau khủng hoảng và làm giảm rủi ro có liên quan. Ở khu vực đồng tiền Euro, Ngân hàng Trung ương châu Âu (European Central Bank (ECB)) cần xem xét các biện pháp bổ sung thêm cho mục đích này. Các biện pháp như cung cấp khả năng thanh toán bằng tiền mặt dài hạn, bao gồm cho vay ưu đãi, sẽ củng cố nhu cầu và làm giảm sự phân mảnh của thị trường tài chính. Lập lại cân bằng bằng cân đối kế toán của ngân hàng thông qua việc thực hiện Đánh giá Bảng cân đối kế toán và tái cấp vốn cho các ngân hàng yếu kém và hoàn thiện Liên minh Ngân hàng bằng cách cả giám sát và giải quyết khủng hoảng sẽ là thiết yếu để cải thiện lòng tin, khôi phục uy tín, và sự gắn kết giữa các chính phủ và các ngân hàng. Cần có các cải cách về cơ cấu hơn nữa để tăng mạnh đầu tư và các triển vọng.

Ở các nền kinh tế thị trường mới nổi và đang phát triển, những phát triển gần đây cho thấy rõ cần quản lý những rủi ro về khả năng đảo ngược dòng vốn. Các nền kinh tế yếu kém trong nước và phần nào liên quan đến sự thâm hụt tài khoản vãng lai bên ngoài dường như dễ bị ảnh hưởng. Tỷ giá hối đoái cần được giảm theo sự suy giảm của các điều kiện tài trợ từ bên ngoài. Ở những nơi có hạn chế về điều chỉnh tỷ giá hối đoái, do sự mất cân đối của bảng cân đối kế toán và các vấn đề tài chính bất ổn khác, hoặc điều kiện dễ bị lạm phát bởi khung chính sách tiền tệ thiếu trong sáng minh bạch hoặc nhất quán khi thực thi, các nhà đề ra chính sách cần nghiên cứu sự kết hợp chặt chẽ các nỗ lực về chính sách giám sát và điều tiết mạnh hơn và chính sách vĩ mô.

Ở Trung Quốc, sự hồi phục gần đây cho thấy rõ đầu tư vẫn là động lực chủ chốt của các động lực tăng trưởng. Cần đẩy mạnh hơn việc tái cân bằng nhu cầu trong nước từ đầu tư đến tiêu thụ để kiểm soát một cách hiệu quả các rủi ro đối với tăng trưởng và ổn định tài chính từ việc đầu tư quá mức.

1.2. Triển vọng kinh tế toàn cầu theo khu vực

1.2.1. Đông Á và Thái Bình Dương

Mặc dù có sự khởi đầu yếu và bất ổn định vào giữa năm, tăng trưởng trong khu vực thiết lập mạnh vào nửa cuối năm 2013, được hậu thuẫn bởi xuất khẩu ròng tốt hơn và một sự kích thích từ Trung Quốc. Sản lượng khu vực được dự báo đạt khoảng 7,1%, điều này phản ánh tác động đối trọng từ giảm tốc độ tăng trưởng ở Trung Quốc và sự phục hồi của các nước khác trong khu vực. Mặc dù với khả năng tương đối thấp, triển vọng khu vực sẽ rất nhạy cảm với nguy cơ thắt chặt đột ngột của điều kiện tài chính toàn cầu, hoặc với sự suy giảm nhanh ở tỷ lệ đầu tư của Trung Quốc.

Triển vọng

Triển vọng kinh tế trong khu vực phản ánh một số yếu tố đối trọng, bao gồm cả tác động của việc chuẩn hóa lãi suất dài hạn, điều này được dự đoán sẽ gây ảnh hưởng đến triển vọng cho một số quốc gia thu nhập trung bình (Indônêxia, Malaixia, và Thái Lan). Lãi suất cao hơn sẽ tác động đến khả năng tiếp cận nguồn tài chính bên ngoài, đặc biệt là ở các nền kinh tế có dòng vốn đầu tư gián tiếp chiếm một phần lớn trong tổng số các dòng vốn (53% trong khu vực không kể Trung Quốc so với tỷ lệ trung bình ở các nước đang phát triển khoảng 10%). Phát hành trái phiếu trong khu vực sẽ bị ảnh hưởng một cách không cân xứng và ước tính sẽ giảm khoảng 30% trong giai đoạn dự báo từ mức cao kỷ lục hiện nay (khoảng 56 tỷ USD năm 2013). Chi phí đi vay cao hơn và giảm luồng vốn chảy vào (dự đoán giảm từ mức ước tính 4,7% xuống 3,7% GDP khu vực trong giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2016) dự đoán sẽ tác động đến đầu tư.

Đồng thời, sự phục hồi nhu cầu nhập khẩu từ các nước thu nhập cao sẽ thúc đẩy gia tăng thương mại toàn cầu và xuất khẩu khu vực. Tăng trưởng GDP toàn cầu được dự đoán sẽ mạnh dần từ 2,4 % tăng lên 3,5 % trong năm 2016. Các dòng thương mại toàn cầu cũng được dự báo sẽ phục hồi từ mức thấp hiện tại là 3,1 % tăng lên 5,1 % vào năm 2016. Thương mại gia tăng sẽ đặc biệt có lợi cho các nhà xuất khẩu các dịch vụ và sản phẩm chế tạo (Trung Quốc, Malaixia, quần đảo Thái Bình Dương, Philippin, Thái Lan), và các nền kinh tế có chi phí đơn vị lao động tương đối thấp và tỷ giá hối đoái cạnh tranh (Campuchia, Lào, Mianma, Việt Nam). Tuy nhiên, giá cả hàng hóa giảm được dự báo sẽ ảnh hưởng đến sản lượng xuất khẩu hàng hóa (Indônêxia, Malaixia, Mông Cổ, và Papua New Guinea).

Tăng trưởng chung trong khu vực được dự báo sẽ giữ mức ổn định vào khoảng 7,2% trong năm 2014 và giảm nhẹ xuống còn 7,1% trong năm 2015 và năm 2016. Chậm hơn khoảng 2% so với những năm bùng nổ trước khủng hoảng nhưng phù hợp với tiềm năng. Tốc độ tăng trưởng cả năm tại Trung Quốc dự đoán sẽ duy trì ở mức 7,7% trong năm 2014, nhưng tốc độ tăng trưởng quý sẽ chậm một chút vào nửa cuối của năm, tăng trưởng được dự báo sẽ ổn định ở mức khoảng 7,5% trong năm 2015 và năm 2016. Tăng trưởng ở phần còn lại của khu vực nhìn chung ổn định trong năm 2014, được dự đoán sẽ mạnh lên vào năm 2015 đạt 5,7% điều này phản ánh sự tăng tốc khiêm tốn ở Indônêxia và Thái Lan, những nỗ lực tái thiết ở Philipin, và sự bắt đầu sản xuất khí hóa lỏng ở Papua New Guinea trước khi đạt mức ổn định 5,5% vào năm 2016.

Việc làm cân bằng giữa tăng trưởng với tốc độ tăng trưởng tiềm năng ở một số nền kinh tế lớn có thu nhập trung bình trong năm 2014 sẽ giúp giảm bớt được khả năng bị tổn thương trong những năm thực hiện chính sách mở rộng. Ở Ấn Độ, suy thoái hiện tại được dự đoán vẫn diễn ra theo cách đã vạch sẵn trong năm 2014, điều này cho phép làm giảm những áp lực quá nóng và điều chỉnh nền kinh tế trong một môi trường có giá cả hàng hóa thấp hơn và dẫn đến sự tăng tốc khiêm tốn trong năm 2015. Đối với các quốc gia Malaixia, Thái Lan và Việt Nam, sản lượng hàng hóa sẽ phụ thuộc vào khả năng của các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt chính sách thắt chặt nhằm kiềm chế nợ trong nước và những áp lực về giá, cũng như nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh quốc tế bằng cách tận dụng sự phục hồi các dòng chảy thương mại toàn cầu. Ở Thái Lan, sự tăng trưởng yếu trong năm qua được dự đoán sẽ phải nhường chỗ cho khả năng tăng tốc dựa vào sự phục hồi nhu cầu bên ngoài. Tuy nhiên, các điều kiện chính trị có thể gây nản lòng các nhà đầu tư.

Đối với Campuchia, Lào, Miama và Philipin sản lượng hàng hóa sẽ phụ thuộc vào sự cân đối nhu cầu cạnh tranh. Đẩy mạnh tín dụng và xây dựng bùng nổ vốn là những yếu tố gây nên hiện tượng bong bóng bất động sản tại bốn quốc gia có thể gây đổi chiều theo hướng bất ổn định nếu không được điều chỉnh một cách thận trọng. Sự gia tăng liên tục các dòng kiều hối và FDI tiếp tục gây áp lực lên các dòng tiền trong khu vực, đặc biệt là ở Philipin, có khả năng gây ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh. Tại Philipin, yêu cầu ngày càng tăng về tiến hành cải cách cơ cấu và tái cân bằng nền kinh tế để thoát ra khỏi sự phụ thuộc quá mức vào tiêu dùng, đồng thời ưu tiên đầu tư, khôi phục lại việc quản lý các đòn bẩy tài chính để định hướng chi tiêu vào các lĩnh vực chịu ảnh hưởng và tránh những lĩnh vực quá nóng.

Mông Cổ, Papua New Guinea, và Đông Timor có triển vọng tăng trưởng thuận lợi, nhưng cả ba nước đang phải đối mặt với thách thức lớn liên quan đến việc quản lý hiệu quả sự bùng nổ nguồn lực trong một môi trường có giá cả hàng hóa suy giảm. Nền kinh tế của Mông Cổ được kỳ vọng sẽ tiếp tục đạt tỷ lệ tăng trưởng hai con số trong năm 2014 và 2015, với tốc độ tăng trưởng giảm nhẹ xuống 7,7 % trong năm 2016 cùng với sự hoàn thiện các phương tiện sản xuất mới. Sự bắt đầu xuất khẩu khí hóa lỏng sẽ làm tăng đáng kể mức GDP của Papua New Guinea vào năm 2015, nhưng tăng trưởng sản lượng ước tính giảm xuống còn 5% vào năm 2016. Triển vọng tăng trưởng Đông Timor, mặc dù có thuận lợi, nhưng vẫn ở mức khiêm tốn do tốc độ tăng chi tiêu công thấp hơn (bảng 4).

Rủi ro

Triển vọng trong khu vực chịu tác động mạnh từ những rủi ro trong và ngoài nước. Việc thắt chặt đột ngột các điều kiện tài chính quốc tế có thể làm giảm các dòng vốn, gây nên sức ép tài chính trong khu vực. Dự báo gốc (cơ sở) đặt giả định về sự điều chỉnh dần các điều kiện tài chính toàn cầu, nhưng tác động bất ổn định của các thị trường tài chính đến việc bình thường hóa các điều kiện ở Hoa Kỳ và các nơi khác là điều không nên loại trừ. Trong một kịch bản như vậy, các dòng vốn có thể bị giảm mạnh đến 80% trong một chu kỳ kéo dài vài tháng, điều này gây áp lực mạnh lên các nước có thâm hụt tài khoản vãng lai lớn (như Campuchia, Lào, Ấn Độ, Malaixia, và Mông Cổ), hay có tỷ giá hối đoái thực tế

được định giá quá cao (như Mông Cổ), nợ ngắn hạn lớn (như Trung Quốc, Indônêxia, Malaixia, Thái Lan) và/hoặc nguồn dự trữ hạn chế (Campuchia, Fiji, Lào, Mông Cổ, Papua New Guinea và Việt Nam).

Các quốc gia thực hiện các chính sách mở rộng có nguy cơ rủi ro cao do khả năng dễ bị tổn thương trong các năm thực hiện. Trong các kịch bản như vậy, các quốc gia đã thực hiện mở rộng tín dụng đáng kể trong giai đoạn 2007-2012 (Trung Quốc, Malaixia, Mông Cổ, Thái Lan, Việt Nam) sẽ gặp phải sự gia tăng đột ngột phí trả nợ, tăng mạnh các khoản cho vay kém hiệu quả và áp lực cân đối kế toán của các ngân hàng, tất cả những yếu tố này sẽ nhanh chóng ảnh hưởng đến hoạt động cho vay và đầu tư, và trong trường hợp xấu nhất có thể làm suy yếu sự ổn định tài chính và dẫn đến khủng hoảng ngân hàng. Mặc dù nợ công tương đối thấp tại hầu hết các nền kinh tế trong khu vực, nếu chu kỳ kinh tế đổi chiều, nợ công có thể tăng lên nhanh chóng nếu căn cứ theo những bảo lãnh ngầm đối với ngành ngân hàng tại các nước và sự phụ thuộc vào ngân hàng nhà nước để kích thích tăng trưởng tín dụng trong nước (Trung Quốc, Việt Nam).

Mặc dù rủi ro đuôi (rủi ro có xác suất cực nhỏ - tail-risk) có giảm, nhưng chúng vẫn chưa bị loại trừ, kể cả việc tái cân bằng ở Trung Quốc, phục hồi kéo dài ở khu vực đồng Euro và sự không chắc chắn trong chính sách tài chính ở Hoa Kỳ. Ở Trung Quốc, mức đầu tư cao trong quá khứ dẫn đến khả năng dễ bị tổn thương nghiêm trọng, rủi ro cao trong lĩnh vực ngân hàng, làm nảy sinh yêu cầu cải cách dần dần và hiện đại hóa nền kinh tế thoát ra khỏi mô hình chính sách dựa vào gia tăng vốn đầu tư. Việc nhận thức được những rủi ro như vậy thôi thúc chính quyền thông qua một kế hoạch tái cơ cấu toàn diện, thực hiện cải cách trên nhiều lĩnh vực, bao gồm sở hữu và sử dụng đất, doanh nghiệp nhà nước, tài chính trong đó bao gồm cả "ngân hàng ngầm" (tín dụng phi chính thức). Việc thực hiện thành công chương trình nghị sự này sẽ dẫn đến sự tăng trưởng cân đối hơn trong trung hạn, tuy nhiên nguy cơ suy giảm vẫn rất lớn. Khả năng thất bại trong chuyển dịch cơ cấu ở Trung Quốc có thể dẫn đến sự đảo ngược đột ngột đầu tư và giảm mạnh tỷ số vốn vay và giảm sản lượng đầu ra, gây hậu quả đáng kể trong khu vực và tác động đến các nền kinh tế khác có mối liên kết thương mại chặt chẽ. Trong khu vực đồng Euro mặc dù đã đạt được nhiều tiến bộ, nhưng vẫn còn tồn tại những thách thức đáng kể ảnh hưởng đến khả năng phục hồi vững chắc hơn. Thất bại trong việc đưa ra những giải pháp bền vững đối với các vấn đề nợ và tài chính ở Hoa Kỳ có thể châm ngòi cho một cuộc khủng hoảng sâu sắc toàn cầu trong trường hợp bị vỡ nợ. Bên cạnh đó, mặc dù hiện tại đã kiềm chế, nhưng sự leo thang của xung đột cấp quốc gia (như ở Thái Lan) cũng như những căng thẳng song phương và địa chính trị có thể làm suy yếu triển vọng tăng trưởng trong khu vực.

*Bảng 3: Dự báo quốc gia tại khu vực Đông Á và Thái bình dương**

	2010	2011	2012	2013e	2014f	2015f	2016f
Campuchia							
GDP theo giá thị trường (% tăng trưởng hàng năm)	6.0	7.1	7.3	7.0	7.0	7.0	7.0
Cán cân tài khoản vãng lai/GDP (%)	- 6.9	- 7.9	- 10.1	- 9.6	- 12.0	- 11.8	-10.0

Trung Quốc							
GDP theo giá thị trường (% tăng trưởng hàng năm)	10.4	9.3	7.7	7.7	7.7	7.5	7.5
Cán cân tài khoản vãng lai/GDP (%)	4.0	1.8	2.3	2.4	2.4	2.3	2.3
Fiji							
GDP theo giá thị trường (% tăng trưởng hàng năm)	0.1	1.9	2.3	2.4	2.1	2.2	2.3
Cán cân tài khoản vãng lai/GDP (%)	- 4.4	- 5.5	- 1.4	- 17.4	- 5.5	- 6.3	- 7.8
Indônêxia							
GDP theo giá thị trường (% tăng trưởng hàng năm)	6.2	6.5	6.2	5.6	5.3	5.5	5.5
Cán cân tài khoản vãng lai/GDP (%)	0.7	0.2	- 2.8	- 3.5	- 2.6	- 2.3	- 2.1
Lào							
GDP theo giá thị trường (% tăng trưởng hàng năm)	8.5	8.0	8.2	8.0	7.7	7.7	8.1
Cán cân tài khoản vãng lai/GDP (%)	- 10.0	- 10.3	- 15.3	- 20.8	- 20.0	- 18.9	- 17.0
Malaisia							
GDP theo giá thị trường (% tăng trưởng hàng năm)	7.2	5.1	5.6	4.5	4.8	4.9	4.9
Cán cân tài khoản vãng lai/GDP (%)	11.1	11.0	6.1	4.3	4.3	4.1	4.0
Mông Cổ							
GDP theo giá thị trường (% tăng trưởng hàng năm)	6.4	17.5	12.4	12.5	10.3	10.0	7.7
Cán cân tài khoản vãng lai/GDP (%)	- 14.3	- 31.5	- 32.7	- 25.6	- 16.8	- 10.7	- 9.2
Mianma							
GDP theo giá thị trường (% tăng trưởng hàng năm)	5.3	5.9	6.5	6.8	6.9	6.9	6.9
Cán cân tài khoản vãng lai/GDP (%)	- 1.3	- 2.6	- 4.1	- 4.2	- 4.8	- 5.1	- 5.1
Papua New Guine							
GDP theo giá thị trường (% tăng trưởng hàng năm)	7.7	10.7	8.1	4.0	8.5	20.0	5.0
Cán cân tài khoản vãng lai/GDP (%)	- 21.4	- 23.5	- 51.0	- 27.0	- 2.0	12.3	9.3
Philipins							
GDP theo giá thị trường (% tăng trưởng hàng năm)	7.6	3.6	6.8	6.9	6.5	7.1	6.5
Cán cân tài khoản vãng lai/GDP (%)	4.5	3.2	2.9	2.0	0.6	0.7	1.0
Quần đảo Solomon							
GDP theo giá thị trường (% tăng trưởng hàng năm)	7.0	10.7	4.8	4.0	3.5	3.7	4.0
Cán cân tài khoản vãng lai/GDP (%)	- 30.8	- 6.7	- 0.1	- 2.0	- 6.5	- 5.3	- 7.6
Thái Lan							
GDP theo giá thị trường (% tăng trưởng hàng năm)	7.8	0.1	6.5	3.2	4.5	5.0	5.2
Cán cân tài khoản vãng lai/GDP (%)	4.1	2.8	1.7	1.1	1.1	1.3	1.4

Timor-Leste							
GDP theo giá thị trường (% tăng trưởng hàng năm)	9.5	12.0	8.3	8.1	8.0	7.7	8.6
Cán cân tài khoản vãng lai/GDP (%)	39.8	40.4	43.5	34.3	32.1	27.0	27.7
Việt nam							
GDP theo giá thị trường (% tăng trưởng hàng năm)	6.8	6.2	5.2	5.3	5.4	5.4	5.5
Cán cân tài khoản vãng lai/GDP (%)	-3.8	0.2	5.9	5.1	3.0	0.6	0.5

Nguồn: World Bank, 1/2014

Ghi chú: e = ước tính, f = dự báo

Dự báo của Ngân hàng Thế giới được cập nhật thường xuyên dựa trên các thông tin mới và những thay đổi cục diện toàn cầu. Do đó những dự báo được đưa ra trong tài liệu này có thể khác với các tài liệu khác của Ngân hàng, thậm chí là cả trong các trường hợp khi các đánh giá cơ bản về triển vọng của các nước không khác biệt đáng kể giữa các thời điểm dự báo. Một số quốc gia không được dự báo do dữ liệu hạn chế.

1.2.2. Châu Âu và Trung Á

Tăng trưởng khu vực mạnh lên trong năm 2013 do nhu cầu cao hơn từ châu Âu và do tăng trưởng mạnh tại các nước xuất khẩu năng lượng. Xuất khẩu hàng hóa phi năng lượng sụt giảm đối với các mặt hàng kim loại và nông nghiệp. Tăng trưởng mạnh tại các nước châu Âu thu nhập cao sẽ có lợi cho hầu hết các nước có mối quan hệ thương mại mạnh. Triển vọng yếu hơn đối với các quốc gia đang phải đương đầu với thâm hụt ngân sách và thiếu hụt ngoại hối cao. Sự suy giảm mạnh hơn ở Nga và tài chính toàn cầu thắt chặt là những rủi ro chính gây suy giảm.

Triển vọng

Sau khi tăng trưởng với tỷ lệ ước tính 3,4% năm 2013, tăng trưởng GDP khu vực được dự báo sẽ tăng ổn định từ 3,5% năm 2014 lên 3,8% vào năm 2016. Sự gia tăng tốc độ này, mặc dù được dự báo trên diện rộng, nhưng đáng chú ý nhất ở các nền kinh tế Trung và Đông Âu, nơi hiện đang có công suất dư thừa nhất.

Tăng trưởng GDP ở tiểu vùng Trung và Đông Âu dự kiến đạt 2,6% vào năm 2016, cao hơn so với ước tính 1,5% trong năm 2013, nhờ vào đẩy mạnh hoạt động kinh tế trong khu vực đồng Euro. Mặc dù tăng trưởng mạnh hơn, nhu cầu trong nước được dự đoán sẽ vẫn chậm, hậu quả của tái cơ cấu ngân hàng trong khu vực và điều kiện tài chính quốc tế thắt chặt hơn, ảnh hưởng đến đầu tư và nhu cầu hàng tiêu dùng lâu bền. Củng cố tài chính theo kế hoạch hoặc đang diễn ra ở một số nước (như Anbania, Macedonia và Serbia) có tác dụng thúc đẩy tăng trưởng từ xuất khẩu mạnh hơn. Trong khi điều kiện được dự đoán sẽ cải thiện, tăng trưởng sẽ không đủ mạnh để tạo ra tác động đáng kể đến tỷ lệ thất nghiệp và công suất dự phòng trong khu vực trong giai đoạn dự báo.

Tăng trưởng ở Cộng đồng các quốc gia độc lập được dự báo tăng từ tỷ lệ ước tính 3,5% năm 2013 lên 4,1% năm 2016. Trong số Cộng đồng các quốc gia độc lập giàu tài nguyên, sự tăng tốc này được hậu thuẫn bằng sự bổ sung năng lực xuất khẩu mới sau nhiều năm đầu

tư cho các lĩnh vực năng lượng. Sự đẩy mạnh nền kinh tế toàn cầu được hỗ trợ nhờ nhu cầu năng lượng tăng lên, mặc dù phát triển công nghệ sẽ tiếp tục tác động đến giá cả trung và dài hạn. Dầu mỏ được dự đoán có giá danh nghĩa ổn định trong năm 2014 (105,70 USD/thùng) trước khi giảm nhẹ vào các năm 2015 và 2016. Đối với các nước thuộc Cộng đồng các quốc gia độc lập không sản xuất năng lượng, triển vọng gia tăng được hỗ trợ bằng sự gia tăng kiều hối và xuất khẩu do kinh tế toàn cầu mạnh lên.

Kiều hối tiểu vùng dự báo tăng 10,3% trong năm 2014, hưởng lợi từ sự phục hồi kinh tế trong khu vực đồng Euro và đẩy mạnh tăng trưởng ở Nga (từ 1,3% năm 2013 lên 2,7% trong 2014-16), là điểm gửi đến cho một số lượng lớn người nhập cư từ các nền kinh tế Trung Á. Mặt khác, giá kim loại và nông sản yếu hơn có khả năng tác động đến doanh thu xuất khẩu và chi tiêu chính phủ. Tăng trưởng ở Thổ Nhĩ Kỳ, nền kinh tế lớn nhất khu vực, được dự báo sẽ giữ mức ổn định với tỷ lệ tăng trưởng tiềm năng khoảng 3,9% trong giai đoạn 2014-16, thấp hơn mức đạt được trước khủng hoảng là 6,8% (trung bình trong giai đoạn 2002-07). Được hưởng lợi đáng kể nhờ luồng vốn quốc tế trong những năm gần đây, Thổ Nhĩ Kỳ sẽ bị ảnh hưởng bởi thị trường tài chính toàn cầu thắt chặt hơn. Tổng luồng vốn đổ vào khu vực được dự báo sẽ giảm 0,3% GDP khu vực xuống đến mức tương đương 6,3% GDP vào năm 2016 do tái cân bằng tổng lượng đầu tư tài sản toàn cầu. Trong khi điều kiện tài chính thắt chặt hơn có thể gây kiềm chế tăng trưởng ở Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng tác động này theo dự báo sẽ được bù đắp một phần do tiêu dùng và đầu tư cá nhân tương đối mạnh, và cũng do chi tiêu của chính phủ cao hơn trong thời gian chuẩn bị bầu cử vào năm 2014.

Rủi ro

Trong khi dự báo cơ sở cho kết quả có xác suất lớn nhất, triển vọng tăng trưởng vẫn có nguy cơ suy giảm. Mặc dù rủi ro đuôi chủ yếu trong năm năm qua đã giảm, nhưng những thách thức cơ bản liên quan mặc dù ít gay gắt hơn nhưng vẫn còn tồn tại. Trong khu vực đồng Euro, các ngân hàng đã trải qua một chặng đường dài tái cơ cấu, nhưng sự phục hồi vẫn cần thời gian và nỗ lực đáng kể. Suy thoái kinh tế kéo dài trong khu vực đồng Euro là nguy cơ suy giảm đối với triển vọng, nhất là ở các quốc gia có mối liên kết tài chính và thương mại mạnh với khu vực này (đặc biệt là các nền kinh tế Trung và Đông Âu). Ngoài ra, tốc độ tăng trưởng chậm hơn so với dự báo ở Trung Quốc, có thể là do tác động từ suy giảm đầu tư nhanh hơn dự đoán, có thể làm tăng trưởng toàn cầu chậm lại khoảng 0,3 %, nhưng gây tác động đáng kể đến các nước sản xuất hàng hóa công nghiệp trong khu vực (như Belarus và Ukraine). Một sự suy giảm mạnh hơn so với dự báo ở Nga sẽ là nguy cơ suy giảm quan trọng đối với nhiều nước trong Cộng đồng các quốc gia độc lập, đặc biệt là những nước đang phụ thuộc mạnh vào nhu cầu nhập khẩu, dòng kiều hối và đầu tư nước ngoài từ nước Nga (như Armenia, Cộng hòa Kyrgyz, Moldova, Tajikistan, và Uzbekistan).

Các điều kiện tài chính toàn cầu thắt chặt hơn là nguy cơ suy giảm đối với triển vọng, đặc biệt là đối với các nước có nhu cầu tái tài trợ cao. Về trung hạn, tỷ lệ lãi suất dài hạn quay dần trở lại mức bền vững hơn ở cả các nước thu nhập cao và đang phát triển sẽ giúp làm giảm bội chi và khả năng dễ bị tổn thương tích tụ trong môi trường lãi suất liên tục thấp. Tuy nhiên, trong tương lai gần, việc chuyển sang lãi suất toàn cầu cao hơn có thể biến

động. Các thị trường phản ứng với sự hủy bỏ các biện pháp tiền tệ đặc biệt tại các nước có thu nhập cao sẽ không đồng đều như được giả định trong dự báo cơ sở với các mô phỏng dựa trên thuộc toán kinh tế cho rằng các dòng vốn đổ vào các nước đang phát triển có thể giảm 80% hoặc nhiều hơn trong vài tháng - có khả năng làm nảy sinh các cuộc khủng hoảng cục bộ tại các nước mất cân bằng đối ngoại lớn và ở những nước đã trải qua sự mở rộng tín dụng đáng kể trong những năm gần đây (như Albania, Bosnia và Herzegovina, Cộng hòa Kyrgyz, Montenegro, Serbia và Thổ Nhĩ Kỳ).

Nợ tư nhân ngoài nước ở mức cao là một thách thức trong khu vực. Mức nợ đặc biệt cao ở một số nước trong khu vực (như Bulgaria, Kazakhstan, và Moldova) làm tăng sự nhạy cảm trước những thay đổi điều kiện tài chính và tiền tệ không phù hợp bên ngoài. Ngoài ra, các ngân hàng ở nhiều nước vẫn còn yếu do mức nợ xấu cao, kết quả từ cuộc khủng hoảng trước đó. Ukraina dễ bị tổn thương nhất bởi sự ổn định thực tế so với đồng đôla Mỹ phải chịu áp lực trong năm qua do suy thoái kinh tế nghiêm trọng. Rủi ro ở Thổ Nhĩ Kỳ phản ánh đòn bẩy tăng trong khu vực doanh nghiệp với số lượng lớn nợ ngoại tệ (thông qua trung gian là khu vực ngân hàng), nguồn dự trữ để trang trải nợ ngắn hạn bên ngoài tương đối thấp (so với các nền kinh tế lớn có thu nhập trung bình khác), và sự phụ thuộc vào dòng vốn ngắn hạn để trang trải thâm hụt tài khoản vãng lai.

Về khía cạnh tích cực, tăng trưởng mạnh hơn so với dự báo ban đầu có thể thúc đẩy gia tăng đối với các nền kinh tế trong khu vực. Sự phục hồi mạnh hơn dự đoán ở các nền kinh tế thu nhập cao có thể mang lại sự hỗ trợ đáng kể cho nhu cầu bên ngoài, đặc biệt là ở các nước đang phát triển Trung và Đông Âu, bù đắp cho những điều chỉnh nhu cầu trong nước giảm do lãi suất toàn cầu tăng. Sự giảm giá lương thực toàn cầu cũng sẽ làm giảm áp lực lạm phát và chi phí nhập khẩu lương thực, mặc dù tác động tiêu cực đến các nhà xuất khẩu lương thực.

1.2.3. Châu Mỹ La tinh và vùng Caribê

Thương mại toàn cầu hạ, giá hàng hóa yếu hơn, và những thách thức trong nước gây kiềm chế tăng trưởng khu vực trong năm 2013, chủ yếu vẫn không đổi kể từ năm 2012. Tuy nhiên, với điều kiện kinh tế toàn cầu cải thiện, triển vọng kinh tế khu vực có chiều hướng tích cực, với tăng trưởng tăng từ 2,5% năm 2013 lên mức trung bình 3,3% mỗi năm trong trung hạn. Những nguy cơ sụt giảm bao gồm sự gia tăng lộn xộn lãi suất toàn cầu và sự sụt giá kéo dài và sâu ở giá cả hàng hóa.

Triển vọng

Triển vọng kinh tế khu vực được dự đoán mạnh lên về trung hạn, tăng trưởng sát với tiềm năng - nhưng thấp hơn những năm bùng nổ trước khi xảy ra khủng hoảng. Tăng trưởng GDP khu vực được dự báo sẽ tăng từ 2,9% năm 2014 lên 3,2% năm 2015, và 3,7% trong năm 2016.

Nhu cầu toàn cầu tăng mạnh sẽ hỗ trợ tăng trưởng khu vực trong giai đoạn dự báo. Dự báo cơ sở giả định rằng hoạt động kinh tế toàn cầu sẽ gia tăng trong giai đoạn dự báo, được hậu thuẫn đặc biệt từ tốc độ tăng trưởng gia tăng ở các nước có thu nhập cao. Từ mức độ tăng trưởng yếu 2,4% vào năm 2013, GDP toàn cầu được dự đoán sẽ mạnh dần, đạt 3,5% năm 2016. Kết quả là, tăng trưởng thương mại toàn cầu sẽ tăng từ 3,1% năm 2013 lên 5,1%

trong năm 2016. Sự phục hồi thương mại toàn cầu, mặc dù còn khiêm tốn so với mức trước khủng hoảng, sẽ được hỗ trợ bởi xuất khẩu từ khu vực Mỹ Latinh và Caribê. Tổng lượng xuất khẩu của khu vực được dự báo sẽ tăng hơn 5% trong năm 2016, so với mức tăng dưới 3% trong cả hai năm 2012 và 2013.

Giá hàng hóa suy giảm liên tục sẽ làm giảm nhẹ doanh thu xuất khẩu. Với một vài ngoại lệ, giá hàng hóa được dự báo sẽ tiếp tục có xu hướng giảm trong trung hạn, dẫn đến những tiến triển tiêu cực về tỷ lệ trao đổi đối với phần lớn các nước xuất khẩu hàng hóa trong khu vực, bên cạnh đó là sự suy giảm doanh thu xuất khẩu và thu nhập của chính phủ, và nếu các yếu tố khác không thay đổi, thì cán cân thương mại và tài khoản vãng lai bị xấu đi. Các quốc gia như Belize và Colombia, nơi xuất khẩu hàng hóa chiếm khoảng ba phần tư tổng lượng xuất khẩu, và Ecuador, một nước xuất khẩu chủ yếu chuối và dầu thô, sẽ phải đối mặt với suy giảm doanh thu xuất khẩu và cán cân thương mại, và rất có thể cả cán cân tài khoản vãng lai. Đồng tiền trong khu vực mất giá sẽ tác động như bộ đệm để giảm thiểu các tác động bất lợi của giá hàng hóa thấp hơn lên cán cân thương mại và tài khoản vãng lai, với tác động thực được xác định dựa trên nền tảng quốc gia cụ thể.

Với điều kiện tài chính toàn cầu tiếp tục thắt chặt, các dòng vốn đổ vào khu vực này sẽ giảm nhẹ hơn nữa. Với sự khởi đầu chương trình nới lỏng định lượng của Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) trong tháng Giêng năm 2014, lãi suất dài hạn trên trái phiếu kho bạc Mỹ dự kiến sẽ tăng cao hơn nữa, dẫn đến các nhà đầu tư yêu cầu lãi suất cao hơn đối với các khoản nợ của các nước đang phát triển. Chi phí cơ bản tăng sẽ làm chậm dòng nợ chảy vào các nước đang phát triển, bao gồm cả khu vực Mỹ Latinh và Caribê, là một trong những nơi được hưởng lợi lớn nhất từ các dòng vốn gia tăng đổ vào các nước đang phát triển trong những năm gần đây. Nhìn chung, tổng dòng vốn ròng chảy vào khu vực sẽ giảm khoảng 3,7% vào năm 2014, trước đó đã giảm 5,1% trong năm 2013. Các dòng vốn tăng yếu hơn sẽ làm giảm sự đóng góp của nhu cầu trong nước vào tăng trưởng GDP tổng thể, một tác động cần được bù đắp một phần bằng xuất khẩu mạnh hơn.

Thành tích của từng quốc gia riêng biệt rất khác nhau. Với sự đẩy mạnh tăng trưởng xuất khẩu, cùng với đầu tư công cho World Cup vào năm 2014 và Thế vận hội Olympics mùa hè vào năm 2016, có tác dụng mạnh hơn những ảnh hưởng bất lợi từ giá hàng hóa thấp hơn và điều kiện tài chính toàn cầu thắt chặt hơn, Brazil, nền kinh tế lớn nhất trong khu vực, được dự đoán sẽ có mức tăng trưởng khiêm tốn nhưng bền vững trong giai đoạn dự báo, tăng từ 2,4% năm 2014 lên 3,7% vào năm 2016 (*bảng 2.10*). Được thúc đẩy bởi một chương trình đầu tư giao thông công cộng mở rộng, bao gồm cả việc mở rộng các kênh, Panama sẽ tiếp tục là trường hợp ngoại lệ, đạt tốc độ tăng trưởng cao ở mức 7,3 % năm 2014, giảm nhẹ xuống 6% năm 2015 và 2016. Mexico cũng được dự báo có thành tích tăng trưởng tương đối mạnh, chủ yếu được hưởng lợi từ sự phục hồi ở Mỹ, tốc độ tăng trưởng GDP tăng từ 3,4% năm 2014 lên 4,2% trong năm 2016. Tương tự như Mexico, các nền kinh tế Trung và Bắc Mỹ khác có mối liên kết thương mại chặt chẽ với Mỹ cũng được dự đoán sẽ tăng trưởng từ 3,5% năm 2014 lên 4,2% trong năm 2016. Tương tự như vậy, các nền kinh tế vùng Caribe cũng được dự đoán sẽ tăng tốc từ 3,4% trong năm 2014 lên 4,2% năm 2016,

dựa vào thu nhập du lịch mạnh hơn. Ngược lại, kinh tế Venezuela được dự báo sẽ trải qua một đợt điều chỉnh kéo dài và tăng trưởng yếu trong trung hạn, do thiếu hàng hóa và bế tắc cung tồn tại với lạm phát cao.

Rủi ro

Khả năng điều chỉnh theo cách lộn xộn lãi suất dài hạn cao. Các triển vọng sẽ rất nhạy cảm với tốc độ bãi bỏ chính sách tiền tệ thích ứng ở các nước có thu nhập cao. Theo môc dự báo cơ sở, việc hủy dần chương trình nới lỏng định lượng và sự tác động đến lãi suất dài hạn ở Mỹ được giả định là sẽ tiếp tục tuân theo một quỹ đạo thay đổi dần dần phù hợp với các điều kiện cải thiện kinh tế tại Mỹ. Tuy nhiên, nếu thị trường phản ứng mạnh với sự giảm dần một cách liên tục, các dòng vốn đổ vào các nước đang phát triển có thể giảm tới 80%, điều này gây mất ổn định cán cân tài khoản vãng lai dẫn đến sự biến động mất giá các đồng tiền trong khu vực, và rất có thể làm tăng lạm phát nhập khẩu. Hậu quả là các chính quyền địa phương sẽ buộc phải thắt chặt chính sách tiền tệ và triển vọng tăng trưởng bị giảm. Châu Mỹ Latinh sẽ không tránh được những tiến triển như vậy, đặc biệt bởi vì là một trong những khu vực đang phát triển đã được hưởng lợi nhiều nhất từ các dòng vốn cao hơn - kết quả của chính sách tiền tệ nới lỏng tại các nước có thu nhập cao. Trước đó, phát hành cổ phiếu giảm khoảng 50% do sự rối loạn vào giữa năm 2013 tại các thị trường tài chính toàn cầu, và các đồng tiền trong khu vực bị mất giá đến 13% so với cùng thời điểm của năm trước. Phân tích kinh tế lượng cho thấy, do các nhà đầu tư thường có xu hướng phân biệt giữa các quốc gia, những nước có nền tảng kinh tế vĩ mô kém hơn (ví dụ như thâm hụt ngân sách và tài khoản vãng lai cao) dễ có khả năng phải chịu sự điều chỉnh lớn hơn trước khả năng của một quá trình giảm dần theo cách lộn xộn.

Kinh tế toàn cầu tăng trưởng yếu hơn so với dự báo. Dự báo cơ sở đặt ra giả định về sự cải tiến không ngừng tại các nền kinh tế tiên tiến như Mỹ và khu vực đồng Euro. Sản lượng hàng hóa tại các nền kinh tế đang phát triển thuộc khu vực Trung và Bắc Mỹ và vùng Caribe có khả năng rất nhạy cảm với nền kinh tế Mỹ và đặc biệt là với những tiến triển trong các cuộc thảo luận về chính sách tài chính của nước này. Tương tự, mặc dù tăng trưởng tại khu vực đồng Euro đã thay đổi theo chiều hướng tích cực trong những quý gần đây, sự phục hồi mới này vẫn còn chưa rõ ràng để có thể chỉ ra rằng liệu khu vực này có phải đang bước đến ngưỡng tăng trưởng bền vững trong tương lai gần hay không.

Giá hàng hóa giảm mạnh hơn so với dự đoán. Môc dự báo tham chiếu giả định về một sự suy giảm nhẹ ở giá hàng hóa. Trước tầm quan trọng của Trung Quốc trên các thị trường hàng hóa toàn cầu (đặc biệt là thị trường kim loại), một sự suy giảm mạnh hơn so với dự báo ở Trung Quốc có khả năng sẽ ảnh hưởng đến các nước xuất khẩu hàng hóa trong khu vực, qua đó làm giảm thu nhập xuất khẩu và thu nhập của chính phủ, và có khả năng làm xấu thêm sự mất cân bằng tài khoản vãng lai.

1.2.4. Trung Đông và Bắc Phi

Mất ổn định chính trị làm suy yếu các hoạt động tại các nước nhập khẩu dầu mỏ đang phát triển, trong khi sự giảm sút về an ninh tác động bất lợi đến các nước đang phát triển xuất khẩu dầu, với sự xói mòn rộng tài khoản ngân sách và tài khoản ngoài. Tăng trưởng

của khu vực được dự báo vẫn yếu và thấp hơn tiềm năng trong giai đoạn dự báo, đạt 3,6% vào năm 2016. Triển vọng trong khu vực bị ảnh hưởng bởi những nguy cơ đi xuống tồn tại ngay bên trong khu vực, trong khi các rủi ro bên ngoài cân bằng hơn.

Triển vọng

Tăng trưởng ở vùng Trung Đông và Bắc Phi được dự báo vẫn yếu trong suốt giai đoạn dự báo. Trước sự bất ổn định chính trị dai dẳng và thiếu rõ ràng về chính sách, tăng trưởng kinh tế giảm 0,1% trong năm 2013 từ mức tăng trưởng vốn đã yếu 1,5% trong năm 2012. Triển vọng đối với cả khu vực không rõ ràng và chịu nhiều nguy cơ rủi ro, chủ yếu là do bất ổn định chính trị trong nước và sự thiếu rõ ràng về chính sách. Trong giai đoạn dự báo, theo dự báo cơ sở, những cải thiện đáng kể về ổn định chính trị không được kỳ vọng. Tăng trưởng được dự đoán tăng từ 2,8% năm 2014 lên 3,6% năm 2016. Tuy nhiên, triển vọng vẫn còn phụ thuộc mạnh vào những cải thiện chính trị trong khu vực.

Tăng trưởng bất ổn định cao trong số các nước đang phát triển xuất khẩu dầu mỏ, và được dự báo giảm 1,5% vào năm 2013, phản ánh sự suy giảm sản xuất ở Libia và Iraq, biện pháp trừng phạt ở Iran, và cuộc nội chiến ở Syria. Tăng trưởng được dự đoán chỉ đạt 3,4% vào cuối giai đoạn dự báo do giá dầu được dự đoán vẫn giữ ở mức cao, sự giảm nhẹ hay việc giải quyết các vấn đề cơ sở hạ tầng và an ninh sẽ cải thiện sản lượng dầu. Về phần mình, điều này sẽ củng cố nhu cầu trong nước và dẫn đến sự cải thiện dần về tài khoản ngân sách và tài khoản vãng lai. Điều quan trọng là dự báo cơ sở giả định về sự nới lỏng dần từng bước các biện pháp trừng phạt đối với Iran.

Tăng trưởng chung tại các nước nhập khẩu dầu được dự đoán vẫn còn yếu và thấp hơn tiềm năng ở mức 2,5% năm 2013, nhưng thành tích sẽ không cải thiện rõ rệt nếu không khôi phục lại được sự ổn định chính trị và lấy lại được lòng tin. Tăng trưởng chung trong khu vực được dự báo có tốc độ chậm, đạt 3,8% vào năm 2016, gần với (mặc dù vẫn còn thấp hơn) mức tăng trưởng tiềm năng của khu vực. Tiêu dùng được củng cố chủ yếu nhờ vào chi tiêu công lớn cho tiền lương và trợ cấp, trong khi đầu tư công vẫn có khả năng bị hạn chế trong giai đoạn dự báo do thâm hụt ngân sách.

Môi trường kinh tế toàn cầu vẫn là thách thức lớn đối với sự phục hồi trong khu vực. Một mặt, sự phục hồi tại các nước thu nhập cao được dự đoán trong giai đoạn dự báo sẽ dẫn đến xuất khẩu mạnh hơn, mặt khác sự bình thường hóa biện pháp đặc biệt kích thích tiền tệ trong cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 sẽ nâng lãi suất và làm chậm đầu tư. Đối với khu vực không phụ thuộc mạnh vào tổng lượng dòng vốn, khu vực này được dự báo tiếp tục hoạt động kém hiệu quả trong việc thu hút FDI. Những tác động này sẽ được làm cân bằng nếu tình hình chính trị và an ninh nội địa được cải thiện.

Rủi ro

Nguy cơ suy giảm chủ yếu mang tính nội tại trong khu vực. Bạo lực leo thang ở Syria và các tác động lan truyền sang các nước khác (Lebanon, Jordan và Iraq) có thể ảnh hưởng bất lợi đến khu vực. Áp lực kinh tế, xã hội và tài chính đối với các nước này là cao và có thể bị trầm trọng hơn nếu cuộc nội chiến ở Syria mạnh hơn. Các nước trong giai đoạn chuyển tiếp chính trị được hưởng lợi từ các chuyển giao chính thức lớn từ các nền kinh tế vùng Vịnh.

Nếu tình hình trên vẫn còn tiếp diễn, họ có khả năng phải đối mặt với nguy cơ tái tài trợ cho các nước nhận. Ngoài ra, mức nợ công đã tăng đáng kể trong vòng ba năm gần đây nay có thể đạt đến ngưỡng kém bền vững do dịch vụ nợ chiếm tỷ lệ lớn trong chi tiêu, đặc biệt là trên thị trường nợ trong nước. Thoái trào trong chuyển tiếp chính trị và/hoặc bạo lực leo thang hơn nữa ở Ai Cập, Iraq, Libia và Tunisia sẽ làm xói mòn lòng tin và làm chậm trễ cải tổ cơ cấu hay làm giảm sản lượng dầu mỏ.

Các rủi ro bên ngoài cân đối hơn. Tăng trưởng ở châu Âu có thể ảnh hưởng đến sự phục hồi khiêm tốn theo dự báo, nhưng cũng có thể tốt hơn. Xuất khẩu từ các nước Bắc Phi, du lịch, kiều hối, các dòng vốn và cán cân bên ngoài, tất cả đều rất nhạy cảm với những diễn biến về sản lượng ở châu Âu. Ngoài ra, nguy cơ từ việc thắt chặt các điều kiện tài chính toàn cầu có thể dẫn đến sự gia tăng thêm tiền bù rủi ro đối với các nước đang phát triển và dẫn đến FDI thấp hơn. Ngoài ra, một sự suy giảm mạnh hơn so với dự báo ở giá hàng hóa sẽ dẫn đến sự xói mòn nghiêm trọng về tài khoản ngoài và ngân khố của các quốc gia xuất khẩu dầu, mặc dù có lợi hơn cho các nước nhập khẩu để bị tổn thương hơn trong khu vực.

1.2.5. Nam Á

Tăng trưởng GDP tại khu vực Nam Á ước tính đạt 4,6% năm 2013 từ mức 4,2% năm 2012, nhưng thấp hơn nhiều so với mức trung bình đạt được trong thập kỷ trước, phản ánh sự mất cân đối trong nước và môi trường bên ngoài đầy thách thức. Tăng trưởng GDP khu vực được dự đoán cải thiện lên mức 5,7% trong năm 2014 và sau đó tăng lên 6,3% năm 2015 và 6,7% năm 2016. Sự gia tăng theo dự báo sẽ phụ thuộc chủ yếu vào việc đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì cải cách và giảm nhân tố hạn chế cung.

Triển vọng

Tăng trưởng GDP khu vực Nam Á được dự báo sẽ cải thiện lên mức 5,7% trong năm 2014 theo giá thị trường và theo năm dương lịch, và tăng lên mức 6,3% năm 2015 và 6,7% năm 2016. Sự cải thiện dần ở tỷ lệ tăng trưởng trong khu vực chịu tác động chủ yếu bởi sự phục hồi theo dự báo ở nhu cầu toàn cầu và đầu tư trong nước, mặc dù vẫn có nguy cơ sụt giảm đầu tư. Tăng trưởng xuất khẩu của khu vực được dự đoán sẽ nâng dần trong giai đoạn dự báo cùng với sự mạnh dần lên về nhu cầu ở khu vực đồng Euro và ở Mỹ (hai nơi đến lớn nhất của hàng xuất khẩu Nam Á) và cả sự tăng trưởng mạnh ở các thị trường nước đang phát triển. Các nước đang phát triển đã trở thành các bạn hàng thương mại quan trọng của các nước Nam Á, chiếm đến một phần ba xuất khẩu khu vực.

Hoạt động đầu tư trong khu vực được dự đoán sẽ củng cố trong năm 2014, với mức tăng thêm dự đoán cho năm 2015 và 2016. Mặc dù có sự hủy bỏ dần chương trình nói lỏng định lượng ở Mỹ, tỷ lệ đầu tư ở Ấn Độ được dự báo sẽ trải qua một sự phục hồi có tính chu kỳ. Sau khi đã giảm trong vòng vài năm, tỷ trọng đầu tư so với GDP tại Pakistan cũng được dự báo sẽ cải thiện về trung hạn. Tuy nhiên, sự gia tăng theo dự đoán về tỷ lệ đầu tư trong khu vực sẽ phụ thuộc mạnh vào việc đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô (bao gồm giảm thâm hụt ngân khố và lạm phát), tạo nên quá trình cải cách chính sách bền vững và làm giảm những trở ngại do cơ cấu và luật pháp ảnh hưởng đến sản xuất (đặc biệt là trong lĩnh vực dự trữ năng lượng và cơ sở hạ tầng).

Giá hàng hóa quốc tế tương đối ổn định hoặc giảm được dự báo sẽ góp phần làm giảm lạm phát và áp lực tài khoản vãng lai, và cùng với các vụ thu hoạch bình thường và dòng kiều hối bền vững sẽ hỗ trợ tiêu dùng trong khu vực. Một sự suy giảm dần trong dự báo lạm phát (với sự đẩy mạnh cải cách cơ cấu, giảm các nhân tố ngăn trở sản xuất) cũng góp phần đẩy mạnh tiêu dùng. Sự củng cố ngân khố theo dự báo ở Pakistan (và ở Ấn Độ với mức độ thấp hơn) có khả năng dẫn đến tăng trưởng nhẹ trong chi tiêu chính phủ so với giai đoạn trước 2012.

Vốn tư nhân chảy vào khu vực Nam Á dự kiến sẽ tăng nhẹ với tỷ lệ 3% lên 88 tỷ USD trong năm 2014-do tác động của FDI tăng 10%, phản ánh một phần sự nới lỏng các quy định đối với đầu tư nước ngoài ở Ấn Độ. Tổng lượng đầu tư được dự báo sẽ tăng nhẹ trong năm 2014, trong khi nợ tư nhân được dự đoán giảm. Mặc dù Mỹ ngưng dần sự nới lỏng định lượng và tiến tới bình thường hóa lãi suất tại các nước thu nhập cao, các luồng vốn tư nhân chảy vào khu vực Nam Á được dự đoán tăng tương ứng lên 97 tỷ USD và 110 tỷ USD trong các năm 2015 và 2016, cùng với sự cải thiện thành tích tăng trưởng trong khu vực và củng cố hoạt động toàn cầu. Các luồng kiều hối cũng được dự báo tăng lên đến 145 tỷ USD năm 2016.

Dự báo tăng trưởng GDP quốc gia chủ yếu phản ánh các xu hướng khu vực nêu trên nhưng cũng bị tác động bởi các yếu tố quốc gia cụ thể. Tỷ lệ tăng trưởng của Ấn Độ được dự báo sẽ tăng lên hơn 6% trong năm tài khóa 2014-15 (từ tỷ lệ ước tính đạt 4,8% trong năm tài khóa 2013), sau đó có thể tăng lên 6,6% năm tài khóa 2015-16 và 7,1% năm tài khóa 2016-17 với tăng trưởng mạnh hơn là kết quả của việc lấp dần GDP tiềm năng.

Tăng trưởng ở Pakistan được dự đoán đạt mức độ khiêm tốn 3,4 % trong năm tài khóa 2013-14, một phần phản ánh sự thắt chặt ngân sách cần thiết, và sau đó tăng lên 4,5% về trung hạn. Bất ổn chính trị và sự gián đoạn trong thời gian chuẩn bị cho cuộc bầu cử ở Bangladesh góp phần làm chậm tốc độ tăng trưởng, ước tính đạt 5,7% trong năm tài khóa 2013-14. Cùng với vấn đề an toàn xảy ra trước đó trong các nhà máy may mặc, bất ổn định xã hội kéo dài có thể ảnh hưởng xấu đến thành tích chế tạo và xuất khẩu của Bangladesh. Tăng trưởng ở Nepal được dự đoán lại tăng tốc sau khi việc phê chuẩn ngân sách bị trì hoãn và thành tích nông nghiệp yếu kém trong năm tài khóa 2012-13 dẫn đến giảm tốc độ tăng trưởng. Tốc độ tăng trưởng của Sri Lanka được dự báo tăng lên 7,4% trong năm 2014, chủ yếu là kết quả của chi tiêu cơ sở hạ tầng, tiêu dùng và hoạt động dịch vụ gia tăng nhờ dòng kiều hối. Tuy nhiên, trong trung hạn, tốc độ tăng trưởng của Sri Lanka được dự báo sẽ chậm lại đến một mức bền vững hơn vào khoảng 6,3%. Việc các lực lượng quốc tế rút quân sẽ ảnh hưởng đến Afghanistan, do các khoản chi tiêu trước đây lấy từ nguồn tài trợ nay cần được rút từ chi ngân sách. Tăng trưởng GDP của Afghanistan dự kiến đạt mức 3,5% vào năm 2014 (một cải thiện nhỏ so với tỷ lệ ước tính 3,1% trong năm 2013), trước khi tăng dần lên khoảng 5% nếu tình hình an ninh ổn định và các dự án khai thác mỏ sẵn sàng hoạt động. Do sự hiện diện của các lực lượng quốc tế ở Afghanistan rút dần, sự suy giảm trong Quỹ Hỗ trợ Liên minh đối với Pakistan có thể sẽ được bù đắp bằng sự tiếp tục giải ngân tuân theo phương tiện hỗ trợ thanh khoản mở rộng của IMF và các dòng kiều hối tăng mạnh.

Rủi ro

Rủi ro khiến cho triển vọng của khu vực Nam Á mang chiều hướng giảm. Một số khả năng

có thể làm giảm thiểu rủi ro bao gồm tăng trưởng toàn cầu tốt hơn và giá dầu thô thấp hơn so với dự báo. Các nguy cơ trong nước có chiều hướng xấu đặc biệt liên quan đến sự phục hồi bền vững của đầu tư và các triển vọng tăng trưởng trung hạn.

Rủi ro trong nước. Những nguy cơ trong nước chủ yếu liên quan đến năng lực của các quốc gia Nam Á trong việc duy trì cải cách hiện tại và theo kế hoạch, và giữ vững nguyên tắc tài chính. Việc trì hoãn hoặc thay đổi chính sách cải cách có thể dẫn đến đầu tư và tăng trưởng thấp hơn đáng kể so với dự báo gốc. Quy mô tài chính hạn hẹp ở các nước Nam Á so với giai đoạn trước khủng hoảng năm 2008 gây khó khăn cho việc đối phó với khủng hoảng gia tăng. Việc thiếu khả năng giữ vững nguyên tắc tài chính và giảm trợ cấp có thể ảnh hưởng xấu đến khả năng trả nợ chủ quyền. Bất ổn định chính trị liên quan đến các cuộc bầu cử tại Bangladesh đầu năm 2014 và Ấn Độ giữa năm 2014 có thể ảnh hưởng đến việc khôi phục lại lòng tin và đầu tư kinh doanh. Tại Afghanistan, sự kết hợp giữa quá trình chuyển tiếp chính trị và sự rút quân của các lực lượng quốc tế vào năm 2014 có thể ảnh hưởng đến sự ổn định tài chính và tăng trưởng của đất nước. Lạm phát được dự báo ở Ấn Độ có thể làm giảm quy mô nói lỏng tiền tệ và ảnh hưởng xấu đến đầu tư. Sự thiếu tiến bộ trong việc ngăn chặn các nguy cơ giảm cung (đặc biệt là ngành điện, cơ sở hạ tầng và lĩnh vực nông nghiệp) cũng có thể gây ra rủi ro suy giảm đáng kể đối với triển vọng.

Điều chỉnh bừa bãi các dòng vốn. Việc hủy dần chương trình nói lỏng định lượng ở Mỹ được dự kiến sẽ diễn ra từ từ, nhưng những thay đổi đột ngột trong dự báo có thể gây ra những điều chỉnh lộn xộn các dòng vốn và dẫn đến áp lực mất giá tiền tệ. GDP tăng trưởng yếu đã làm mất đi một phần lớn trong bảng kết toán tài sản của các ngân hàng và doanh nghiệp ở Ấn Độ, do tổng số nợ xấu và tái cơ cấu tăng, vào thời điểm tháng 9 năm 2013 chiếm đến 10,2% tổng nợ, cảnh báo của ngân hàng trung ương Ấn Độ đặc biệt nhấn mạnh đến chất lượng tài sản trong lĩnh vực sắt thép và cơ sở hạ tầng. Trạng thái căng thẳng hơn nữa từ việc rút vốn nước ngoài có thể làm tăng khả năng doanh nghiệp bị xiết nợ, trong khi chi phí một lần tái cấp vốn ngân hàng có thể gây áp lực lên vị thế tài chính.

Rủi ro ngoài. Sự yếu kém kéo dài tại khu vực đồng Euro, chính sách tài chính "bên miệng hố chiến tranh" (brinkmanship) của Mỹ, và rủi ro địa chính trị ở Trung Đông là những nguồn bổ sung rủi ro bên ngoài đối với khu vực. Các nhà hoạch định chính sách Nam Á cần tiếp tục thúc đẩy nhiệm vụ cấp bách thiết lập lại các chính sách đệm thay thế (buffer) đối nội và đối ngoại nhằm làm giảm sự mất cân đối để đối phó với khả năng áp lực bên ngoài gia tăng, cũng như cần đẩy mạnh cải cách nâng cao năng suất và cải thiện môi trường kinh doanh để đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng trên nền tảng bền vững. Trước tình trạng thâm hụt ngân khố và tài khoản vãng lai, lạm phát cao và vị thế dự trữ yếu tại một số quốc gia Nam Á, các nhà hoạch định chính sách cần duy trì một lập trường kinh tế vĩ mô chặt chẽ và thích hợp để tránh làm trầm trọng thêm các khả năng bị tổn hại do bên ngoài và áp lực lạm phát trong nước.

1.2.6. Châu Phi cận Sahara

Tốc độ tăng trưởng GDP thực của khu vực châu Phi cận Sahara đã được nâng lên mức 4,7% năm 2013 nhờ nhu cầu trong nước mạnh và gia tăng đầu tư. Sự đẩy mạnh nhu cầu bên ngoài được dự đoán sẽ hỗ trợ cho tăng trưởng trong giai đoạn dự báo, với tăng trưởng GDP khu vực

được dự đoán sẽ đạt 5,3% vào năm 2014, sau đó tăng lên 5,5% vào 2016. Tuy nhiên, sự suy giảm kéo dài về giá cả hàng hóa, điều kiện tài chính toàn cầu thắt chặt hơn, và rủi ro trong nước bao gồm cả bất ổn định chính trị, và tác động của thời tiết có thể làm suy yếu triển vọng tăng trưởng.

Triển vọng

Triển vọng tăng trưởng trung hạn đối với khu vực châu Phi cận Sahara là mạnh. Tăng trưởng GDP khu vực được dự báo tăng lên 5,3% năm 2014 từ mức 4,7% năm 2013, lên đến 5,4% năm 2015 và đạt 5,5% năm 2016. Ngoại trừ Nam Phi, các nước còn lại trong khu vực được dự báo đạt mức tăng trưởng trung bình 6,3% trong giai đoạn 2014-16.

Nhu cầu trong nước cùng với đầu tư vào cơ sở hạ tầng và tiêu dùng gia đình sẽ vẫn là những động lực chính thúc đẩy tăng trưởng ở hầu hết các nước trong khu vực. Sự gia tăng tốc độ tăng trưởng GDP theo dự báo còn phản ánh sự tăng trưởng cao hơn tại các nước thu nhập cao. Trong môi trường đó, các dòng FDI được coi là động lực tăng trưởng quan trọng đối với nhiều nước trong khu vực. Mặc dù giá hàng hóa đã nói lỏng, nhưng vẫn giữ ở mức cao và các cơ hội đầu tư trong khu vực là có khả năng sinh lời. Kết quả là các dòng FDI, giờ đây đã trở nên ít nhạy cảm hơn với sự gia tăng đột ngột lãi suất toàn cầu so với danh mục đầu tư ngắn hạn, được dự báo tăng lên 44,2 tỷ USD năm 2015 và đạt 47,8 tỷ USD năm 2016.

Tiêu dùng tư nhân trong khu vực được dự báo tăng mạnh trong giai đoạn 2014-16. Lạm phát nhập khẩu giảm, được hỗ trợ bởi môi trường lạm phát toàn cầu ôn hòa và tỷ giá hối đoái ổn định, và vụ mùa bội thu ở địa phương được cho là sẽ giúp kiềm chế áp lực lạm phát, cho phép cắt giảm lãi suất hơn nữa. Kết hợp với gia tăng kiềm hãm ổn định, những hiệu ứng trên sẽ kích thích tiêu dùng gia đình và cho phép tiếp tục đẩy mạnh nhu cầu trong nước.

Chi tiêu chính phủ được dự báo sẽ tiếp tục tăng với tốc độ vừa phải, do các chính phủ mở rộng chi tiêu cho các dự án vì người nghèo trong các lĩnh vực y tế, giáo dục và dịch vụ xã hội với nỗ lực đạt được các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ vào năm 2015. Sau khi đã tăng với tỷ lệ ước tính 6,2% năm 2013, tiêu dùng công được dự báo sẽ tăng trung bình 5% trong giai đoạn 2014-16. Phản ánh sự chậm lại này, thâm hụt ngân sách được dự báo sẽ giảm, tuy nhiên quy mô ngân sách vẫn còn nghèo nàn đối với hầu hết các nước trong khu vực.

Xuất khẩu ròng được dự đoán sẽ góp một phần nhỏ vào tăng trưởng GDP trong khu vực. Tiếp theo sự suy giảm mạnh trong năm 2012, xuất khẩu phục hồi với tỷ lệ gia tăng hàng năm theo ước tính đạt 5,4% vào năm 2013, nhưng do nhập khẩu mạnh tư liệu sản xuất và xây dựng nên xuất khẩu ròng ước tính đóng góp khoảng 0,9% tăng trưởng GDP. Năng lực xuất khẩu được dự báo tăng mạnh trong giai đoạn 2014-16, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, đóng góp của xuất khẩu ròng sẽ bị hạn chế do giá hàng hóa thấp hơn, và điều này còn bị ảnh hưởng do sản lượng thấp tại một số nước, đáng chú ý là các nước Trung Phi xuất khẩu dầu là những nơi có nền sản xuất trì trệ. Tại các nước xuất khẩu kim loại, sản lượng gia tăng sẽ bù đắp cho giá kim loại yếu. Về mặt nhập khẩu, nhu cầu về tư liệu sản xuất được dự báo vẫn mạnh, nhưng do đầu tư đã mãn hạn và các dự án xây dựng đã hoàn thành tại nhiều nước nên nhập khẩu được dự báo tăng trưởng với tốc độ chậm hơn. Phản ánh xu hướng này và giá hàng hóa yếu, thâm hụt tài khoản vãng lai trong khu vực được dự báo tăng từ tỷ lệ ước tính chiếm

3% GDP năm 2013 lên mức trung bình 3,3% GDP năm 2014 và 2015 trước khi giảm xuống còn 3,1% GDP vào năm 2016. Đối với hầu hết các nước trong khu vực, xuất khẩu ròng ít tác động đến tăng trưởng GDP trong giai đoạn 2014-16.

Rủi ro

Những rủi ro chủ yếu ảnh hưởng đến triển vọng kinh tế của khu vực bao gồm một sự suy giảm kéo dài về giá hàng hóa do sản lượng tăng trong khi nhu cầu yếu, các yếu tố cấp độ hai gồm điều kiện tiền tệ thắt chặt do Cục dự trữ Liên bang Mỹ bắt đầu thu hồi chương trình mua tài sản; và các rủi ro trong nước gồm bất ổn định chính trị, các vấn đề an ninh và tác động thời tiết bất lợi.

Sự suy giảm cơ cấu dài hạn ở giá hàng hóa: Kết quả mô phỏng về suy giảm giá hàng hóa lệch chuẩn so với dự báo gốc năm 2014 cho thấy, tăng trưởng trong khu vực sẽ giảm khoảng 1,3% và cán cân tài khoản vãng lai sẽ giảm 4,5% so với dự báo gốc ban đầu. Các nước xuất khẩu dầu, đặc biệt là các nước kém đa dạng hóa như Angola và Gabon sẽ bị tác động mạnh nhất, GDP suy giảm 3,8% so với dự báo cơ sở và thâm hụt tài khoản vãng lai kém hơn 10,8%. Nguy cơ này nhấn mạnh đến sự cần thiết phải cải cách cơ cấu để thúc đẩy đa dạng hóa kinh tế. Ngược lại, các nước nhập khẩu dầu trong khu vực sẽ được hưởng lợi từ sự suy giảm giá dầu, GDP tăng thêm 0,61% và cán cân tài khoản vãng lai cải thiện 0,77%.

Điều kiện tài chính thắt chặt hơn: Việc thu hồi chương trình mua tài sản của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ được cho là sẽ dẫn đến sự gia tăng lãi suất cơ bản và lan truyền. Sự gia tăng lãi suất cơ bản lên 100 điểm cơ sở tại một nước có thu nhập cao có liên quan đến sự gia tăng từ 110 đến 157 điểm cơ sở ở sản lượng của nước đang phát triển, phản ánh sự gia tăng chi phí huy động vốn, điều này có thể dẫn đến đầu tư và tăng trưởng thấp hơn. Nam Á là quốc gia có mối liên kết mạnh với các thị trường tài chính toàn cầu sẽ đặc biệt dễ bị ảnh hưởng trước sự chầm dứt đột ngột các luồng vốn chảy vào do phải phụ thuộc vào các luồng đầu tư để cung cấp tài chính cho thâm hụt tài khoản vãng lai. Các nước có biên giới tiếp giáp như Kenya và Nigeria có tổng lượng đầu tư quan trọng từ các thị trường chứng khoán địa phương cũng sẽ bị ảnh hưởng bởi sự đảo ngược của các dòng vốn, và các nước có kế hoạch khai thác các thị trường trái phiếu quốc tế có thể sẽ phải đối mặt với lãi suất cao hơn.

Rủi ro trong nước liên quan đến bất ổn định chính trị và xã hội cũng như các vấn đề an ninh vẫn còn là mối đe dọa chủ yếu đối với triển vọng kinh tế của một số nước trong khu vực. Ví dụ bất ổn định chính trị tại CH Trung Phi, cộng thêm dân số đói nghèo có thể làm giảm hiệu ứng lan tỏa từ các nước láng giềng. Các cuộc tấn công cướp biển ở Vịnh Guinea, tăng mạnh trong năm 2012 cả về số lượng và cường độ, có thể leo thang và làm nảy sinh khoản chi tiêu an ninh lớn hơn cho ngân sách chính phủ, đẩy chi phí vận chuyển cao hơn, và làm gián đoạn thương mại trong tiểu vùng. Các cuộc xung đột đang diễn ra ở Bắc Nigeria cũng đang nổi lên như một vấn đề an ninh quan trọng có thể ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh tế trong tiểu vùng.

Rủi ro từ sự gia tăng đột ngột giá thực phẩm ở cấp độ toàn cầu có khả năng bị ngăn chặn. Triển vọng toàn cầu về giá lương thực là thuận lợi, với triển vọng nguồn cung được cải thiện và nguồn dự trữ lương thực được khôi phục dần. Tuy nhiên, trong khi dự báo ngắn hạn về điều kiện thời tiết khá thuận lợi, hầu hết các nước trong khu vực vẫn còn dễ bị ảnh hưởng do biến đổi thời tiết, bởi nền nông nghiệp tự cung tự cấp sử dụng nước trời vẫn đóng vai trò quan trọng đối với kinh tế và

đời sống của người dân tại các nước này. Lượng mưa không đủ có thể ảnh hưởng đến triển vọng tăng trưởng của nhiều quốc gia. Kết quả thu hoạch vụ mùa của địa phương thấp hơn có thể làm tăng nguy cơ mất an ninh lương thực và đẩy giá lương thực tăng cao, làm giảm tiêu thụ gia đình, là động lực quan trọng của tăng trưởng trong khu vực trong những năm gần đây.

II. DỰ BÁO ĐẦU TƯ CHO NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN TOÀN CẦU 2014

2.1. Một số nét khái quát về dự báo đầu tư cho nghiên cứu và phát triển toàn cầu 2014

Viện Battelle Memorial, tổ chức nghiên cứu và phát triển (NC&PT) độc lập hàng đầu thế giới và Tạp chí NC&PT (R&D Magazine) vừa công bố báo cáo về dự báo đầu tư cho NC&PT toàn cầu năm 2014.

Theo báo cáo trên, tổng đầu tư cho NC&PT tính theo tỷ lệ phần trăm của GDP toàn cầu sẽ tương đối ổn định trong năm 2014. Đầu tư cho NC&PT của Hoa Kỳ được dự báo sẽ tăng 1% so với năm 2013 tính theo con số tuyệt đối, để đạt 465 tỷ USD, tương đương 2,8% GDP. Hoa Kỳ vẫn tiếp tục cam kết gia tăng đầu tư cho NC&PT để duy trì tăng trưởng kinh tế. Tăng trưởng kinh tế khả quan ở châu Á cũng sẽ tiếp tục thúc đẩy chi tiêu cho NC&PT ở châu lục này. Do môi trường kinh tế yếu kém hiện nay ở châu Âu nên việc gia tăng tăng mạnh trong đầu tư cho NC&PT sẽ khó thực hiện được trong vài năm tới.

Tăng trưởng trong đầu tư cho NC&PT toàn cầu đã chậm lại trong năm 2013 so với tốc độ tăng trưởng trong năm 2011-2012. Sự tăng trưởng chậm này chủ yếu do các nền kinh tế châu Âu và Hoa Kỳ bất ổn đã ảnh hưởng đến toàn cầu. Đầu tư cho NC&PT thường liên quan mật thiết tới tăng trưởng GDP và triển vọng kinh tế. Đầu tư cho NC&PT toàn cầu được dự báo sẽ tăng trong năm 2014 và 2015, nhưng với tốc độ giảm đi trong năm 2015. Tăng trưởng kinh tế và đầu tư cho NC&PT ở các nước châu Á, ngoại trừ một số nước, dù đã chậm lại nhưng đầu tư cho NC&PT trong khu vực này vẫn đứng đầu dẫn dắt tăng trưởng trong “Phần còn lại của thế giới”.

Bảng 4: Đầu tư cho NC&PT (giá trị theo tỷ USD, ppp)

Xếp hạng toàn cầu	Nước/ lãnh thổ	GDP năm 2012	Tỷ lệ % đầu tư NC&PT trên GDP năm 2012	GERD năm 2012	GDP năm 2013	Tỷ lệ % đầu tư NC&PT trên GDP năm 2013	GERD năm 2013	Dự báo GDP năm 2014	Dự báo tỷ lệ % đầu tư NC&PT trên GDP năm 2014	Dự báo GERD năm 2014
1	Hoa Kỳ	15.940	2,8%	447	16.195	2,8%	450	16.616	2,8%	465
2	Trung Quốc	12.610	1,8%	232	13.568	1,9%	258	14.559	2,0%	284
3	Nhật Bản	4.704	3,4%	160	4.798	3,4%	163	4.856	3,4%	165

4	Đức	3.250	2,8%	92	3.266	2,8%	92	3.312	2,9%	92
5	Hàn Quốc	1.640	3,6%	59	1.686	3,6%	61	1.748	3,6%	63
6	Pháp	2.291	2,3%	52	2.296	2,3%	52	2.319	2,3%	52
7	Anh	2.375	1,8%	43	2.408	1,8%	44	2.454	1,8%	44
8	Ấn Độ	4.761	0,9%	40	4.942	0,85%	42	5.194	0,9%	44
9	Nga	2.555	1,5%	38	2.593	1,5%	38	2.671	1,5%	40
10	Braxin	2.394	1,3%	30	2.454	1,3%	31	2.515	1,3%	33
11	Canada	1.513	1,9%	29	1.537	1,9%	29	1.571	1,9%	30
12	Ôxtrâylia	987	2,3%	22	1.012	2,3%	23	1.040	2,3%	23
13	Đài Loan	918	2,3%	21	938	2,3%	22	974	2,4%	23
14	Italia	1.863	1,3%	23	1.829	1,2%	22	1.842	1,2%	22
15	Tây Ban Nha	1.434	1,3%	19	1.415	1,3%	18	1.418	1,3%	18
16	Hà Lan	719	2,0%	15	710	2,1%	15	712	2,1%	15
17	Thụy Điển	399	3,4%	14	403	3,4%	14	412	3,4%	14
18	Israel	253	4,3%	11	263	4,2%	11	271	4,2%	11
19	Thụy Sĩ	369	2,9%	11	375	2,9%	11	382	2,9%	11
20	Thổ Nhĩ Kỳ	1.142	0,9%	10	1.185	0,9%	10	1.227	0,9%	11
21	Áo	365	2,8%	10	366	2,8%	10	372	2,8%	10
22	Singapo	332	2,6%	9	344	2,6%	9	355	2,7%	9
23	Bỉ	427	2,0%	9	427	2,0%	9	432	2,0%	9
24	Iran	1.016	0,8%	8	1.001	0,8%	8	1.014	0,8%	9
25	Mexico	1.788	0,5%	8	1.809	0,5%	8	1.864	0,5%	8
26	Phần Lan	201	3,8%	8	200	3,6%	7	202	3,5%	7
27	Ba Lan	814	0,8%	6	825	0,8%	6	844	0,8%	7
28	Đan Mạch	214	3,1%	7	214	3,0%	6	217	2,9%	6
29	Nam Phi	592	1,0%	6	604	1,0%	6	621	1,0%	6
30	Qatar	191	2,8%	5	201	2,8%	6	211	2,7%	6
31	CH. Séc	292	1,8%	5	291	1,8%	5	295	1,8%	5
32	Ác-hen-ti-na	755	0,6%	5	781	0,6%	5	803	0,6%	5

33	Na Uy	282	1,7%	5	287	1,7%	5	293	1,7%	5
34	Malaixia	507	0,8%	4	531	0,8%	4	557	0,8%	5
35	Pakistan	524	0,7%	4	543	0,7%	4	556	0,7%	4
36	Bồ Đào Nha	251	1,5%	4	246	1,5%	4	248	1,4%	4
37	Ai Len	195	1,8%	3	196	1,7%	3	200	1,7%	3
38	Ả-rập Xê-út	922	0,3%	2	955	0,3%	3	997	0,3%	3
39	Ukraina	341	0,9%	3	341	0,9%	3	348	0,9%	3
40	Indônêxia	1.237	0,1%	2	1.303	0,2%	2	1.374	0,2%	3
Tổng 40 nước		73.362	2,0%	1,478	75.338	2,0%	1.518	77.896	2,0%	1.576
Phần còn lại của thế giới		10.071	0,4%	39	10.413	0,4%	40	10.837	0,4%	42
Toàn cầu		83.434	1,8%	1,517	85.751	1,8%	1.558	88.733	1,8%	1.618

GERD: Tổng đầu tư trong nước cho NC&PT

Nguồn: Battelle. R&D Magazine. International Monetary Fund. World Bank. CIA World Factbook, 12/2013

Bảng xếp hạng của 10 quốc gia đứng đầu về đầu tư cho NC&PT đã không thay đổi trong vòng 5 năm qua (ngoại trừ Trung Quốc vượt qua Nhật Bản để vươn lên vị trí số hai trong năm 2011) và dự báo cũng sẽ không thay đổi trong năm 2014, với vị trí thống trị của Hoa Kỳ, tiếp theo là Trung Quốc, Nhật Bản, Đức, Hàn Quốc, Pháp, Anh, Ấn Độ, Nga và Braxin. Năm 2014, 10 nước hàng đầu sẽ chiếm khoảng 80% trong tổng số 1.618 tỷ USD đầu tư cho NC&PT trên toàn thế giới. Tổng đầu tư cho NC&PT của 3 nước, Hoa Kỳ, Trung Quốc và Nhật Bản chiếm hơn một nửa tổng đầu tư cho NC&PT toàn cầu và nếu cộng cả châu Âu thì lên tới 78% tổng đầu tư cho NC&PT toàn cầu.

Bảng 5: Tỷ lệ phần trăm GDP trung bình của các khu vực đầu tư cho NC&PT

	2012	2013	2014
Châu Mỹ (21 nước)	2,5%	2,4%	2,5%
Châu Á (20 nước)	1,8%	1,9%	1,9%
Châu Âu (34 nước)	1,9%	1,9%	1,8%
Phần còn lại của thế giới (chỉ tính ở 36 nước)	0,9%	0,9%	0,9%

Nhìn chung đầu tư cho NC&PT trên quy mô toàn cầu sẽ không có thay đổi đáng kể trong năm 2014, nhưng xét trên góc độ khu vực thì có sự thay đổi rõ rệt hơn. 5 năm trước đây, Hoa Kỳ, Canada và Mexico chiếm gần 40% đầu tư NC&PT toàn cầu, hiện nay chỉ còn 34%, riêng với Hoa Kỳ, năm 2009 chiếm 34% tổng đầu tư NC&PT toàn cầu nhưng nay đã giảm xuống còn 31,4% năm 2013 và có thể là 31,1% năm 2014 (Bảng 6). Châu Âu đã trải

qua một sự suy giảm tương tự từ 26% trong năm 2009 xuống 22,4% năm 2013 và dự báo 21,7% năm 2014. Cách đây 5 năm, tỷ lệ đầu tư NC&PT của châu Á chiếm 33% đầu tư NC&PT toàn cầu, đến nay tỷ lệ này là 38,3% và có thể đạt 39,1% năm 2014, riêng Trung Quốc tăng từ 10% đến 16,5% năm 2013 và dự báo sẽ đạt 17,5% năm 2014. Cường độ đầu tư cho NC&PT của Trung Quốc đã được duy trì ở mức hai con số trong gần 20 năm qua và đầu tư cho NC&PT của nước này đã bằng 60% của Hoa Kỳ. Bối cảnh kinh tế và chính trị trong mỗi khu vực không có khả năng thay đổi trong ngắn hạn và có thể sẽ tiếp tục đến năm 2020, điều này có thể kéo theo sự tương đồng về mức đầu tư cho NC&PT ở mỗi khu vực.

Bảng 6: Tỷ lệ đầu tư của các nước, khu vực trên tổng đầu tư cho NC&PT toàn cầu

	2012	2013	2014
Châu Mỹ (21 nước)	34,5%	34,0%	33,9%
<i>Hoa Kỳ</i>	<i>32,0%</i>	<i>31,4%</i>	<i>31,1%</i>
Châu Á (20 nước)	37,0%	38,3%	39,1%
<i>Trung Quốc</i>	<i>15,3%</i>	<i>16,5%</i>	<i>17,5%</i>
<i>Nhật Bản</i>	<i>10,5%</i>	<i>10,5%</i>	<i>10,2%</i>
<i>Ấn Độ</i>	<i>2,7%</i>	<i>2,7%</i>	<i>2,7%</i>
Châu Âu (34 nước)	23,1%	22,4%	21,7%
<i>Đức</i>	<i>6,1%</i>	<i>5,9%</i>	<i>5,7%</i>
Phần còn lại của thế giới (chỉ tính 36 nước)	5,4%	5,3%	5,3%

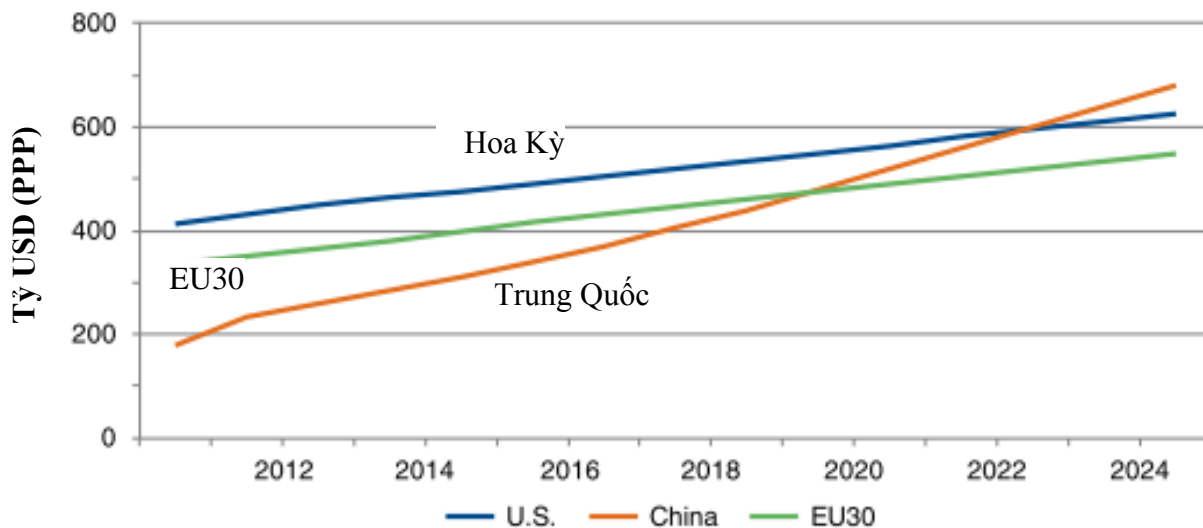
Mặc dù trong 5 năm qua, 10 quốc gia hàng đầu về đầu tư cho NC&PT vẫn không thay đổi, nhưng đã có thay đổi đáng kể trên phạm vi toàn cầu tham gia vào nghiên cứu, cũng như sự thay đổi trong cách các quỹ được chi tiêu. Khu vực Đông và Nam Á đã trở thành khu vực có sự gia tăng lớn nhất về đầu tư cho NC&PT, xu hướng này dự kiến sẽ tiếp tục ít nhất là đến cuối thập kỷ này. Các đối tác ở châu Á đang gia tăng hợp tác với các công ty công nghệ và các tổ chức nghiên cứu ở Hoa Kỳ và châu Âu trong bối cảnh châu Á đang tìm cách tận dụng tri thức và năng lực khoa học toàn cầu. Đầu tư cơ sở hạ tầng chính tiếp tục được thực hiện ở châu Á cũng như các nền kinh tế lớn mới nổi, thường với mục đích tạo ra một hệ sinh thái đổi mới với cơ chế thuận lợi cho thương mại hóa công nghệ và hợp tác với ngành công nghiệp, làm khuếch đại lợi ích kinh tế từ đầu tư nghiên cứu. Ví dụ tiêu biểu của những cơ sở hạ tầng lớn này là Skolkovo ở Nga, Biopolis tại Singapo và Qatar Foundation .

Những xu hướng NC&PT nổi bật

Vai trò dẫn dắt tăng trưởng đầu tư cho NC&PT đang dịch chuyển từ Tây sang Đông

- Tỷ lệ đầu tư cho NC&PT của châu Á trên tổng đầu tư cho NC&PT toàn cầu đang gia tăng, chủ yếu đến từ Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc, trong khi tỷ lệ này của châu Âu và Hoa Kỳ đang giảm.
- Hoa Kỳ và châu Âu vẫn là “nhà lãnh đạo toàn cầu” về kết quả nghiên cứu chất lượng cao, nhưng sự cân bằng đang dịch chuyển, do chất lượng nghiên cứu của các khu vực khác đang được cải thiện.

- Đầu tư cho NC&PT của châu Phi, Trung Đông và Nam Mỹ vẫn còn tương đối nhỏ, mặc dù ở một số nước trong khu vực Nam Mỹ như Braxin và Aentina đã có những sáng kiến quốc gia đáng chú ý được đầu tư lớn.
- Đầu tư cho NC&PT của Trung Quốc có thể vượt EU30 trước năm 2020 và Hoa Kỳ năm 2022.



Hình 1: Xu hướng đầu tư cho NC&PT của Hoa Kỳ, Trung Quốc và EU30

Toàn cầu hóa gia tăng trong NC&PT

Toàn cầu hóa NC&PT đã tăng lên trong thập kỷ qua thông qua sự kết hợp của tăng trưởng đầu tư cho NC&PT trong các nền kinh tế mới nổi. Nhiều tập đoàn ở Hoa Kỳ và châu Âu đã thuê ngoài/gia công một phần hoạt động NC&PT của họ, hoặc chuyên hay mở các trung tâm NC&PT ở nước ngoài, nhằm nắm bắt nhanh thông tin và tận dụng các lợi thế về ưu đãi và mở rộng quy mô thị trường. Bên cạnh đó, cũng có xu hướng tăng cường hợp tác liên ngành hoặc giữa các nước và khu vực để giải quyết những thách thức khoa học lớn.

Trong lĩnh vực thương mại, năng lực sáng tạo có xu hướng gia tăng theo sự giàu có được tạo ra bởi sản xuất, được xúc tác bằng cách đẩy nhanh chu kỳ phát triển sản phẩm và đôi khi theo chính sách phát triển. Ví dụ, hãng Huawei của Trung Quốc, giờ đây đã có khả năng cạnh tranh để có được các hợp đồng viễn thông ở châu Âu và Hoa Kỳ. Những nỗ lực của Huawei để “thôn tính” các công ty viễn thông của Hoa Kỳ đã ngăn cản bởi các cơ quan quản lý liên bang. Trên thực tế Huawei đã được chính quyền Trung Quốc dành nhiều ưu đãi để tập đoàn này đổi mới sáng tạo nội sinh, làm chủ công nghệ và vươn ra chiếm lĩnh thị trường toàn cầu. Hơn nữa, Trung Quốc đang hỗ trợ cho các tập đoàn lớn có khả năng thiết kế và xây dựng các nhà máy điện hạt nhân thế hệ tiếp theo, xây dựng một trạm không gian, hệ thống đường sắt cao tốc, các máy bay quân sự và máy bay thương mại và các các dự án lớn khác, dựa trên khai thác các “tài sản” KH&CN toàn cầu.

Năng lực NC&PT cũng có xu hướng gia tăng theo thị trường cho các sản phẩm công

nghe. Ngành công nghiệp ô tô là một ví dụ, kể từ khi các nhà sản xuất lớn có hoạt động NC&PT trên toàn thế giới. Toyota của Nhật Bản đang nắm giữ vị trí là nhà sản xuất xe hơi lớn nhất thế giới, với thị phần hàng đầu cho xe hybrid và điện tiên tiến (EV). Nỗ lực nghiên cứu của Toyota trong lĩnh vực này, cùng với Ford và những hãng khác, được xây dựng trên nghiên cứu cơ bản được chính phủ tài trợ trước đó, chẳng hạn như trong lĩnh vực nghiên cứu pin và động cơ điện, trong khi nghiên cứu của khu vực chính phủ bây giờ chuyển sang các lĩnh vực như nghiên cứu các mạng lưới đáp ứng nhu cầu năng lượng cho xe điện. Xe điện là một minh chứng rõ ràng cho nỗ lực NC&PT được thực hiện trên toàn cầu từ vài thập kỷ qua. Đây là lĩnh vực thu hút hợp tác nghiên cứu rất lớn giữa các nhà khoa học và kỹ sư, tạo ra số lượng lớn các bài báo khoa học, các sáng chế và các hình thức chuyển giao tri thức. Hiện nay, trong lĩnh vực xe điện đang có sự dịch chuyển từ nghiên cứu sang phát triển và ngành công nghiệp này đang ở trong bối cảnh thuận lợi về chính sách, do các nước đang nỗ lực thực hiện các mục tiêu về an ninh năng lượng và bảo vệ môi trường.

Các chính phủ trên khắp thế giới, đặc biệt là ở châu Á, nhận ra tầm quan trọng của việc đầu tư vào “các khối tạo dựng” của nền kinh tế dựa trên đổi mới sáng tạo. Tất cả các nước đều tìm cách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm để đáp ứng với sự gia tăng dân số đi kèm với nhu cầu năng lượng, thực phẩm và nước. Các nước đều có những chiến lược khác nhau. Tại Hoa Kỳ, Chính phủ có xu hướng “nuôi dưỡng” đổi mới sáng tạo bằng đầu tư vào nghiên cứu cơ bản và một số ưu đãi về thuế và chính sách, còn thị trường tự do sẽ quyết định những công nghệ nào được triển khai trên quy mô lớn. Trong khi đó, Trung Quốc đã cố định một mục tiêu kinh tế vĩ mô là chi tiêu 2,2% GDP cho NC&PT vào năm 2015, để trở thành một nền kinh tế dựa trên đổi mới sáng tạo vào năm 2020. Cách tiếp cận “mệnh lệnh” này đôi khi cũng thúc đẩy sự dịch chuyển từ nghiên cứu sang phát triển. Điều này được chứng minh bằng tỷ lệ lớn đầu tư vào phát triển ở Trung Quốc so với đầu tư vào nghiên cứu cơ bản và ứng dụng, chẳng hạn điều này được thể hiện trong việc triển khai quy mô lớn năng lượng sạch và công nghệ điện toán lưới tiên tiến ở Trung Quốc. Nhưng cách tiếp cận này cũng có thể dẫn đến thất bại đắt giá và các nhà kinh tế đã cảnh báo rằng các khoản đầu tư lớn được duy trì trong đổi mới sáng tạo phải được kết hợp với đầu tư cơ sở hạ tầng an sinh xã hội và bảo vệ môi trường, nạn ô nhiễm môi trường nghiêm trọng do khói bụi dày đặc ở các thành phố lớn hiện nay ở Trung Quốc là một minh chứng cho thấy sự tập trung đầu tư lớn vào phát triển mà không chú ý vấn đề bảo vệ môi trường sẽ dẫn đến những hậu quả môi trường nghiêm trọng.

Tối đa hóa giá trị kinh tế của NC&PT: Vai trò của hệ sinh thái

Đầu tư cho NC&PT là đầu tư dài hạn cho tương lai, được coi như là nền tảng duy nhất đảm bảo cho tăng trưởng dựa vào đổi mới sáng tạo hay sự thành công của một nền kinh tế dựa vào đổi mới sáng tạo (Innovation-based Economy). Đầu tư cho NC&PT mức độ cao sẽ giúp các nền kinh tế duy trì và tăng cường cạnh tranh trên phạm vi toàn cầu trong dài hạn, thậm chí giúp tạo ra các ngành công nghiệp mới có giá trị gia tăng cao. Tuy nhiên, đầu tư cho NC&PT cũng có tác động ngay lập tức cho nền kinh tế, nhất là trong tạo việc làm (ước tính đầu tư cho NC&PT của Hoa Kỳ năm 2014 có thể tạo ra 8,7 triệu việc làm).

Đầu tư NC&PT là nền tảng để tạo ra tri thức mới thông qua nghiên cứu cơ bản và cuối cùng là tạo ra các sản phẩm và dịch vụ thông qua thông qua nghiên cứu ứng dụng và thương mại hóa. Để đạt được tăng trưởng dựa trên đổi mới, thì cần phải có một hệ sinh thái NC&PT thành công. Vậy cần làm gì để xây dựng được một hệ sinh thái NC&PT thành công? Trong các nền kinh tế thành công, đổi mới sáng tạo được nuôi dưỡng và môi trường thuận lợi cho hệ sinh thái - cho phép chấp nhận rủi ro và kích thích thành lập doanh nghiệp. Ví dụ về những hệ sinh thái NC&PT nổi tiếng là thung lũng Silicon ở Hoa Kỳ và gần đây là Skolkovo của Nga, Biopolis của Singapo. Một khía cạnh cơ bản của các hệ sinh thái này là chúng nằm trong một tổng thể được liên kết chặt chẽ, nơi mà nguồn nhân lực tài năng và nguồn vốn đầu tư được kết hợp và tạo ra các giai đoạn đổi mới sáng tạo và phát triển thương mại liên tục. Các đặc điểm chính của bất kỳ hệ sinh thái thành công nào bao gồm:

- Đầu tư lớn vào nguồn nhân lực: xây dựng nguồn nhân lực KH&CN có kỹ năng cao đi đôi với đội ngũ doanh nhân, quản lý, tài chính, bán hàng để đảm bảo sự thành công trong thương mại.
- Khoa học phải gắn với tầm nhìn thương mại và nỗ lực của doanh nhân: Nghiên cứu cơ bản là điểm khởi đầu không thể thiếu và các khám phá khoa học cũng là đích mà tài trợ công cho nghiên cứu cơ bản nhắm tới. Tuy nhiên, cũng cần phải tính đến các tác động kinh tế thông qua tiếp tục biến các khám phá khoa học trở thành các ứng dụng thương mại hay thương mại hóa, quá trình này cần có sự tiếp sức của các doanh nhân trong cùng hệ sinh thái.
- Nguồn vốn luôn sẵn có trong mọi giai đoạn của NC&PT: nguồn lực tài chính luôn sẵn sàng, từ những khoản vốn nhỏ ở giai đoạn nghiên cứu sớm đến giai đoạn đầu tư thương mại quy mô lớn.
- Hỗ trợ phù hợp của chính phủ: các chính sách, quy định, khuyến khích và thuế được đưa ra để hỗ trợ cho sự ra đời và phát triển của hệ sinh thái NC&PT.

Các yếu tố trên là những yếu tố quyết định cho sự ổn định và tăng trưởng của các hệ sinh thái trong giai đoạn suy thoái và những khó khăn về thị trường. Đó cũng là những giải pháp cho sự tồn tại và tăng trưởng của các hệ sinh thái ở những nền kinh tế mới nổi.

2.2. Dự báo đầu tư cho NC&PT của một số nước và khu vực năm 2014

Đầu tư cho NC&PT của Hoa Kỳ tăng nhẹ trong năm 2014

Đầu tư cho NC&PT của Hoa Kỳ được dự báo sẽ tăng nhẹ trong năm 2014. Đầu tư cho NC&PT của các ngành công nghiệp chính ở Hoa Kỳ theo dự báo cũng có sự thay đổi, tăng hoặc giảm ở một số ngành. Cụ thể, sẽ có sự giảm đầu tư cho NC&PT trong ngành hàng không – vũ trụ, ngược lại sẽ có sự gia tăng đầu tư cho NC&PT trong các ngành như năng lượng, khoa học sự sống, công nghiệp hóa chất và vật liệu tiên tiến, đặc biệt tăng mạnh trong ngành công nghệ thông tin và truyền thông. Chi tiêu cho NC&PT của Chính phủ liên bang Hoa Kỳ, một phần đóng góp lớn cho NC&PT ở Hoa Kỳ, được dự báo là sẽ trong tình trạng khó khăn do áp lực rất lớn để cắt giảm chi tiêu, đặc biệt là ngân sách quốc phòng và

hàng không vũ trụ.

Tại Hoa Kỳ, chi tiêu cho NC&PT có khả năng tăng nhẹ trong năm 2014, sau khi gần như không có sự tăng trưởng trong năm 2013. Tài trợ liên bang có thể thuận lợi do có những dấu hiệu ủng hộ của cả hai đảng chính trị cho cho việc gia tăng hoặc tái phân bổ cho NC&PT. Theo các dữ liệu kinh tế hậu khủng hoảng trong lịch sử cho thấy rằng đầu tư cho NC&PT của khu vực tư nhân cũng sẽ tăng trong năm 2014.

Một số điểm nổi bật trong dự báo đầu tư cho NC&PT ở Hoa Kỳ:

- Đầu tư cho NC&PT ở Hoa Kỳ sẽ tăng 1,0% để đạt 465 tỷ USD, tương đương 2,8% GDP.
- Đầu tư của Chính phủ cho NC&PT được dự báo sẽ tăng lên.
- Khu vực tư nhân tiếp tục chiếm khoảng ¾ đầu tư cho NC&PT ở Hoa Kỳ.

Theo dữ liệu lịch sử từ Quỹ Khoa học Quốc gia, kể từ những năm 1970, tổng đầu tư cho NC&PT của Hoa Kỳ đã đạt từ 2,5-3% GDP, trong đó tỷ lệ đầu tư của ngành công nghiệp Hoa Kỳ đã vượt của Chính phủ. Mức độ đầu tư cho NC&PT có mối liên hệ tương quan với tăng trưởng kinh tế vĩ mô và là nền tảng của đổi mới công nghệ của Hoa Kỳ, tăng trưởng kinh tế ổn định và khả quan sẽ có tác động tích cực đối với sự gia tăng đầu tư cho NC&PT.

Xu hướng ổn định trong đầu tư cho NC&PT từ năm 2012 qua năm 2013 (2,8% GDP) có thể sẽ tiếp diễn trong năm 2014, mặc dù nhiều yếu tố hiện nay ảnh hưởng đến dự báo này. Trong số các yếu tố này, có những yếu tố quan trọng như điều kiện chính trị và kinh tế ở Hoa Kỳ, toàn cầu hóa thị trường, năng lực nghiên cứu và hợp tác.

*Bảng 7: Dự báo nguồn chi và khu vực thực hiện NC&PT ở Hoa Kỳ năm 2014
(đơn vị: tỷ USD theo giá hiện hành; % thay đổi so với năm 2013)*

<i>Nguồn chi</i>	<i>Khu vực thực hiện</i>					
	Chính phủ liên bang	FFRDC	Ngành công nghiệp	Trường đại học	Phi lợi nhuận	Tổng
Chính phủ liên bang	35,7 1,0%	16,5 1,1%	27,8 1,1%	37,1 2,5%	6,0 1,1%	123,0 1,5%
Ngành công nghiệp		0,3 0,7%	302,5 4,1%	3,3 1,7%	1,4 0,5%	307,5 4,0%
Trường đại học		0,1 0,1%		13,2 2,0%		13,3 1,9%
Nguồn khác từ chính quyền		0,0 0,1%		4,0 1,1%		4,0 1,0%
Phi lợi nhuận		0,1 0,2%		5,3 2,2%	11,3 4,0%	16,7 3,4%
Tổng	35,7 1,0%	17,0 1,0%	330,3 1,8%	62,9 0,4%	18,7 2,7%	464,5 3,2%

Nguồn: Battelle, R&D Magazine, 2013

Ghi chú: FFRDC - Các trung tâm NC&PT được Chính phủ liên bang tài trợ

Tuy nhiên, có một số yếu tố tương đối mới và khó đoán trước. Ví dụ, ngân sách liên bang có thể không được thông qua, mặc dù theo dự kiến ban đầu là dễ được thông qua. Luật Kiểm soát Ngân sách năm 2011 (BCA) đã có tác dụng trực tiếp và rõ ràng đối với việc phân bổ ngân sách của Chính phủ liên bang, đồng thời Luật cũng khiến cho các chương trình và kế hoạch nghiên cứu dài hơi trở nên không chắc chắn về kinh phí được cấp.

Tính đến tất cả các yếu tố ảnh hưởng, Tạp chí R&D Magazine dự báo đầu tư cho NC&PT của Hoa Kỳ sẽ tăng lên 465 tỷ USD năm 2014. Theo Văn phòng Quản lý và Ngân sách Hoa Kỳ, tỷ lệ lạm phát nước này có thể đạt 2,2% năm 2013-2014, do vậy mức dự báo về đầu tư cho NC&PT của Hoa Kỳ sẽ tăng 1,0% về giá trị thực.

Nếu đầu tư cho NC&PT của Hoa Kỳ ở mức 465 tỷ USD thì sẽ dẫn tới việc sử dụng trực tiếp hơn 2,7 triệu người lao động Hoa Kỳ trong khu vực tư nhân và công cộng, đồng thời hỗ trợ thêm 6 triệu việc làm khác và tạo ra 860 tỷ USD nhờ tác động kinh tế gián tiếp.

Đầu tư của ngành công nghiệp cho NC&PT ở Hoa Kỳ dự kiến sẽ tăng 3,8% lên hơn 330 tỷ USD, chiếm hơn 71% tổng đầu tư cho NC&PT của nước này. Khoảng 8% hoạt động NC&PT trong ngành công nghiệp được tài trợ bởi Chính phủ (đặc biệt là Bộ Quốc phòng), còn lại là từ khu vực tư nhân.

Các trường đại học nghiên cứu của quốc gia là khu vực NC&PT lớn thứ hai ở Hoa Kỳ, chiếm 13% tổng đầu tư cho NC&PT và hơn nửa đầu tư cho nghiên cứu cơ bản ở nước này. Với gần 60% ngân sách NC&PT của các trường đại học do Chính phủ liên bang tài trợ. Hoạt động NC&PT của các trường đại học gần đây đã được hỗ trợ bởi Luật Phục hồi và Tái đầu tư. Nhiều trường đã đa dạng hóa các nguồn tài trợ cho hoạt động NC&PT của họ. Do vậy, đầu tư cho NC&PT khu vực đại học được dự báo sẽ tăng 2,2%, lên gần 63 tỷ USD năm 2014.

Đầu tư cho NC&PT trong khu vực Chính phủ liên bang được dự báo sẽ đạt 35,7 tỷ USD, hoặc gần 8% tổng đầu tư NC&PT của Hoa Kỳ năm 2014. Các trung tâm NC&PT được Chính phủ liên bang tài trợ (FFRDC) với kinh phí lên đến 52,7 tỷ USD, hoạt động của các trung tâm nhận được tài trợ này sẽ nằm dưới sự kiểm soát chặt chẽ của các chương trình của Chính phủ liên bang. Trong số 39 FFRDC, có các phòng thí nghiệm quốc gia Hoa Kỳ mà nhiều hoạt động của chúng được các nhà thầu đảm nhiệm.

Thông qua nghiên cứu cơ bản và ứng dụng, các tổ chức/trung tâm nghiên cứu lớn này của Hoa Kỳ tiếp tục theo đuổi nhiệm vụ nghiên cứu trong các lĩnh vực năng lượng, an ninh và các lĩnh vực khác có tầm quan trọng quốc gia.

Bảng 8: Tỷ lệ đầu tư cho NC&PT theo khu vực

Khu vực	Tỷ lệ
Doanh nghiệp/ngành công nghiệp	71%
Hàn lâm	13%
Chính phủ liên bang	8%
Phi lợi nhuận	4%
Các FFRDC	4%

Mặc dù gặp nhiều khó khăn về nguồn tài trợ so với nhiều năm trước, nhưng các trường đại học của Hoa Kỳ vẫn rất cạnh tranh trên toàn cầu, nhiều trường vẫn duy trì được đầu tư hơn 1 tỷ USD cho nghiên cứu mỗi năm, chẳng hạn như các trường Đại học Johns Hopkins (bao gồm cả Phòng thí nghiệm vật lý ứng dụng), Đại học Michigan, Đại học Washington, Đại học Wisconsin, Đại học Duke, Đại học California và Viện Công nghệ Massachusetts (bao gồm cả Phòng thí nghiệm Lincoln). Trong hệ thống các trường đại học này, Đại học California đầu tư cao nhất cho hoạt động nghiên cứu với 5,4 tỷ USD, thứ hai là Đại học Texas (2,5 tỷ USD). Tính tổng cộng, đầu tư cho nghiên cứu của khu vực đại học ở Hoa Kỳ được dự báo sẽ đạt 63 tỷ USD năm 2014.

Đầu tư cho NC&PT ở châu Âu tăng không đáng kể

Một nửa trong top 40 nước đầu tư lớn nhất cho NC&PT trên thế giới là ở châu Âu, nhưng các nước châu Âu trong top này chỉ chiếm 21,7% tổng đầu tư cho NC&PT toàn cầu. Trong 5 năm qua, tỷ lệ đầu tư cho NC&PT của châu Âu và Hoa Kỳ trong tổng đầu tư cho NC&PT toàn cầu liên tục giảm, trong khi tỷ lệ này của châu Á lại gia tăng đáng kể.

Với số lượng lớn các quốc gia thành viên Liên minh châu Âu, cộng đồng nghiên cứu của châu Âu là rất đa dạng về trình độ phát triển và lợi ích quốc gia, trong khi kinh phí trung ương và cơ chế hành chính cho phép hoạt động phối hợp nghiên cứu công lại ở quy mô như Hoa Kỳ. Điều kiện kinh tế trong khu vực này cũng tác động lớn đến nguồn tài trợ cho NC&PT, đặc biệt là tại một số nước gặp khủng hoảng nặng như Hy Lạp, Tây Ban Nha và Italia. EU là khu vực duy nhất có tăng trưởng kinh tế âm trong năm 2013 và dự báo sẽ đạt mức tăng trưởng chỉ khoảng 1% mỗi năm đến năm 2017, do vậy mức đầu tư cho NC&PT chắc chắn cũng sẽ tăng rất ít.

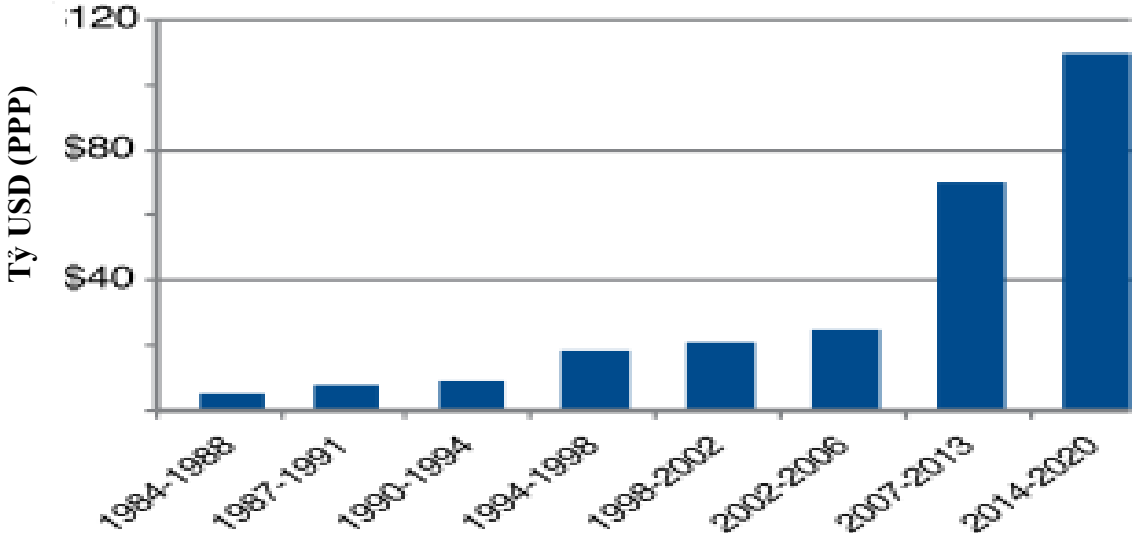
Đầu tư cho NC&PT ở châu Âu dự kiến sẽ tăng 0,7 % năm 2014, trong khi tỷ lệ đầu tư cho NC&PT của châu Âu trên tổng đầu tư cho NC&PT toàn cầu sẽ giảm xuống còn 21,7%, ngược lại tỷ lệ này của châu Á tăng lên đến 39% năm 2014, so với từ 38% năm 2013. Như vậy, đầu tư cho NC&PT ở châu Âu hầu như không tăng trong năm 2012, 2013 và dự báo mức tăng sẽ không đáng kể năm 2014.

Mặc dù không thể gia tăng mạnh đầu tư cho NC&PT trong bối cảnh hiện nay, nhưng nhìn chung các nước châu Âu, đặc biệt là các nước Tây Âu, đã lựa chọn những ưu tiên đầu tư đáng kể cho NC&PT trong các nền tảng công nghệ tương lai như robot, tính toán hiệu năng cao, phương tiện truyền thông xã hội, phần mềm, các nguồn năng lượng hiệu quả, công nghệ sinh học và công nghệ nano, những lĩnh vực này có thể kích thích tăng trưởng mạnh về kinh tế và mở rộng quy mô các ngành công nghiệp mới. Một số nước phát triển ở châu Âu đã đặt ưu tiên nghiên cứu trong 10 năm tới bao gồm (theo thứ tự ưu tiên) năng lượng, môi trường và khoa học sự sống. Khu vực có thể trở nên ít được nhấn mạnh bao gồm quân sự và nghiên cứu không gian. Tại châu Âu, Đức hiện đứng đầu về đầu tư cho NC&PT, đạt 2,8% GDP hay 92 tỷ USD. Tại Đức, Chính phủ Liên bang và các bang đã tài trợ cho NC&PT 8,5 tỷ Euro (gần 11 tỷ USD) trong năm 2012, tăng 6,5% so với năm 2011. Khoảng 69% trong tổng số 8,5 tỷ Euro được cung cấp bởi Chính phủ Liên bang và 31% của các bang.

Theo báo cáo gần đây nhất của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), tính đến

quý II năm 2013, EU đã qua 6 quý liên tiếp suy giảm kinh tế, dài nhất trong lịch sử của EU. Sự hồi phục được thúc đẩy bởi nền kinh tế lớn nhất EU là Đức. Hầu hết các nước châu Âu được dự báo tăng trưởng kinh tế khoảng 1% năm 2014, mặc dù các nước Đông Âu có thể có tốc độ tăng trưởng GDP và NC&PT từ 1% đến 2%. Đức dự kiến sẽ đạt mức tăng trưởng 1,4% GDP trong năm 2014 và tăng trưởng NC&PT tương xứng với năm 2013. Pháp và Anh cũng đang trên đà phục hồi kinh tế.

Trong hai thập kỷ qua, Chương trình Khung của EU (FP) đã có những thành công, đã giúp thay đổi mô hình các trường đại học châu Âu từ mang tính quốc gia sang mô hình đề cao mức độ hợp tác giữa các trường đại học ở các nước khác nhau. Các chương trình đại học liên châu Âu, chẳng hạn như Hội đồng Nghiên cứu châu Âu và Viện Công nghệ và Đổi mới châu Âu đã được tạo ra để tăng cường Chương trình khung. Chương trình Khung lần thứ 8 (FP8) của EU cho NC&PT dự kiến sẽ được công bố trong năm 2014. FP8 (còn gọi là Horizon 2020) được dự đoán sẽ kéo dài từ năm 2014 đến năm 2020 và sẽ được tài trợ 110 tỷ USD (khoảng 15,7 tỷ USD/năm), tăng 58% so với FP7 (2007-2013) được tài trợ khoảng 70 tỷ USD. Tài trợ của FP8 sẽ cung cấp 42 tỷ USD cho nghiên cứu về biến đổi khí hậu, năng lượng tái tạo, an toàn thực phẩm và lão hóa. 23 tỷ USD sẽ được dành riêng cho đổi mới sáng tạo trong ngành công nghiệp, bao gồm cả hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.



Hình 2: Cam kết của châu Âu cho nghiên cứu được hỗ trợ bởi Chương trình Khung

Cũng từ tài trợ của EU, khoảng 34 tỷ USD sẽ được cấp cho nghiên cứu cấp cao nhất được hỗ trợ bởi Hội đồng Nghiên cứu châu Âu (tương ứng với Hội đồng nghiên cứu quốc gia của Hoa Kỳ).

Chiếm lượng tương đối thấp trong tổng số 351 tỷ USD đầu tư cho NC&PT trong năm 2014 của EU, các nghiên cứu cao cấp dành riêng cho việc tạo ra công ăn việc làm và tăng trưởng mới ở châu Âu. Nó cũng nhấn mạnh sự dịch chuyển từ nghiên cứu khoa học đến

thương mại hóa nhằm tạo ra những tác động kinh tế bằng cách giúp doanh nghiệp đổi mới sáng tạo phát triển tài sản công nghệ thành các sản phẩm có tiềm năng thương mại lớn. Cách tiếp cận định hướng thị trường này cũng có những tác động lớn trong việc tạo ra quan hệ đối tác trong khu vực tư nhân và trong các thành viên EU.

Như ở Hoa Kỳ, một phần quan trọng của hoạt động nghiên cứu ở châu Âu sẽ được tiến hành bởi khu vực hàn lâm. Các trường đại học châu Âu chỉ đứng thứ hai, sau các trường đại học Hoa Kỳ trong bảng xếp hạng các trường đại học trên thế giới, với khoảng 71 trường đại học châu Âu xếp hạng trong Top 400, so với 77 trường đại học của Hoa Kỳ. Bảng xếp hạng được dựa trên 13 chỉ số hoạt động trong các lĩnh vực liên quan đến giảng dạy, nghiên cứu, chuyển giao tri thức và triển vọng toàn cầu. Vương quốc Anh có số lượng lớn nhất các trường đại học châu Âu trong danh sách Top 400 với 29 trường.

Tuy nhiên, nhìn chung hiệu suất của các tổ chức nghiên cứu khoa học của Hoa Kỳ vẫn cao hơn ở châu Âu, mặc dù các trường đại học châu Âu cũng được đánh giá cao trên bảng xếp hạng toàn cầu. Kết quả khảo sát chỉ ra rằng nghiên cứu ứng dụng ở Hoa Kỳ được xem là hiệu quả hơn so với ở châu Âu, trong khi nghiên cứu cơ bản là gần tương đương.

Theo Báo cáo Chỉ số Đổi mới toàn cầu năm 2013, được thực hiện cho 142 nền kinh tế trên thế giới, các nước châu Âu cũng là những nước đứng đầu về Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu. Thụy Sĩ vẫn giữ vị trí cao nhất trong bảng xếp hạng, tiếp đến là Thụy Điển, Anh, Hà Lan.

Cùng với khu vực hàn lâm, khu vực doanh nghiệp ở châu Âu cũng đầu tư lớn cho NC&PT. Đặc biệt, một số tập đoàn đã đầu tư nhiều tỷ USD cho NC&PT năm 2010, như Volkswagen, Nokia, Daimler, Siemens...

Bảng 9: Chi cho NC&PT của một số doanh nghiệp lớn của châu Âu

Doanh nghiệp	Chi cho NC&PT 2010 (triệu USD)	Chi cho NC&PT (% thu nhập)	Nước
Volkswagen	7.980,1	4,90%	Đức
Nokia	6.296,9	11,60%	Phần Lan
Daimler	6.187,2	5,00%	Đức
Sanofi	5.598,1	13,60%	Pháp
GlaxoSmithKline	5.584,0	13,20%	Anh
Siemens	5.408,1	5,60%	Đức
Robert Bosch	4.876,3	8,10%	Đức
Bayer	4.094,6	9,20%	Đức
AstraZeneca	4.087,0	12,90%	Anh
EADS	3.932,7	6,70%	Hà Lan

Nguồn: Battelle/R&D Magazine, EU Industrial R&D Scoreboard, 2012

Châu Á: điểm sáng nhất về đầu tư cho NC&PT

Trong khi tăng trưởng đầu tư cho NC&PT năm 2013 ở Hoa Kỳ và châu Âu chậm lại, thì sự tăng trưởng này ở hầu hết các nước châu Á đặc biệt là Trung Quốc vẫn tiếp tục. Tỷ lệ tăng trưởng đầu tư cho NC&PT năm 2014 và 2015 ở châu Á dự kiến sẽ trở lại mức trước năm 2013. Trường hợp ngoại lệ đối với triển vọng này có thể là Nhật Bản, tương quan với xu hướng tại Hoa Kỳ và châu Âu hơn so với các nước láng giềng ở châu Á.

Tăng trưởng GDP khả quan ở châu Á sẽ tiếp tục củng cố sự gia tăng mạnh về đầu tư cho NC&PT. Năm 2014, đầu tư cho NC&PT của Trung Quốc được dự báo sẽ đạt 2% GDP (tương đương 284 tỷ USD), so với 1,9% năm 2013. Như vậy, năm 2014, Trung Quốc có thể chiếm 17,5% tổng đầu tư cho NC&PT toàn cầu, so với tỷ lệ 16,5% năm 2013 và 15,3% năm 2012. Sự gia tăng ngân sách cho NC&PT của Trung Quốc sẽ vượt ngân sách cho NC&PT của Hoa Kỳ, nếu Trung Quốc vẫn duy trì mức tăng đầu tư cho NC&PT hiện nay và mức đầu tư này của Hoa Kỳ tiếp tục tăng trưởng khiêm tốn đến năm 2020. Tổng đầu tư cho NC&PT của Trung Quốc được dự báo sẽ vượt qua Hoa Kỳ vào năm 2022. Tăng trưởng kinh tế cao của Trung Quốc sẽ tiếp tục hỗ trợ mạnh mẽ cho tăng trưởng đầu tư cho NC&PT ở mức hai con số phù hợp với Kế hoạch 5 năm hiện tại (2011-2015), điều này sẽ khiến khoảng cách về đầu tư cho NC&PT giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ sẽ ngày càng được thu hẹp. Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2011 - 2015 của Trung Quốc đã đặt mục tiêu đầu tư 2,2% GDP cho NC&PT vào năm 2015. Khi cam kết đầu tư cho NC&PT ngày càng tăng, Trung Quốc muốn chuyển đổi từ một nền kinh tế sản xuất sang nền kinh tế “định hướng đổi mới” vào năm 2020.

Hầu hết các nước châu Á được dự báo có mức tăng trưởng kinh tế đáng kể trong năm 2014, do đó đà tăng trưởng GDP được gắn với các cam kết quốc gia để tăng cường NC&PT, như trường hợp ở Trung Quốc. Tại khu vực Đông Á, Hàn Quốc hiện có tỷ lệ đầu tư cho NC&PT/GDP cao nhất, đạt 3,6% GDP, tương đương 61 tỷ USD. Trong năm 2014, tỷ lệ này vẫn được duy trì, nhưng con số tuyệt đối có thể đạt 63 tỷ USD, do giá trị GDP được dự báo tăng. Hàn Quốc và Đài Loan (Trung Quốc) đều có mức đầu tư cao cho NC&PT, với các chương trình NC&PT mạnh mẽ hỗ trợ phát triển KH&CN trong khu vực công và tư nhân. Đài Loan (Trung Quốc) và Hàn Quốc đã xây dựng các kế hoạch 5 năm tích cực cho KH&CN; đã xây dựng các mục tiêu liên quan đến năng lực cạnh tranh quốc gia trong các ngành công nghiệp có hàm lượng đổi mới sáng tạo cao, đồng thời đang gia tăng các khám phá khoa học.

Sự khác biệt giữa các khu vực trong NC&PT cũng như các ưu tiên KH&CN đang được thu hẹp. Đáng chú ý là Trung Quốc và Ấn Độ, có sự gia tăng mạnh về số lượng lớn các nhà khoa học và kỹ sư, nhưng dân số nói chung đang tăng trưởng với tốc độ nhanh hơn. Kết quả là, các chỉ số về nhà khoa học và kỹ sư vẫn còn thấp thấp hơn nhiều so với Hoa Kỳ và châu Âu.

Theo Viện Battelle và Tạp chí R&D Magazine, sự tăng trưởng kinh tế được cho là khả quan ở các quốc gia Đông Nam Á sẽ thúc đẩy đầu tư hơn nữa cho NC&PT đến cuối thập kỷ này. Trong khu vực Đông Nam Á, có 3 nước nằm trong Top 40 nước được xếp hạng, đó là

Singapo, Malaixia và Indônêxia. Malaixia đứng thứ 34 thế giới về đầu tư cho NC&PT, với tỷ lệ đầu tư cho NC&PT vẫn được duy trì ở mức 0,8% GDP hay 4 tỷ USD năm 2012 và 2013, được dự báo đạt 5 tỷ USD năm 2014 nếu GDP nước này đạt 557 tỷ USD. Indônêxia vẫn đứng ở vị trí 40 thế giới về đầu tư cho NC&PT, mặc dù tỷ lệ đầu tư cho NC&PT của nước này đã tăng lên 0,2% GDP năm 2013 và tỷ lệ này được dự báo sẽ duy trì trong năm 2014 để đạt 3 tỷ USD, so với 0,1% GDP (tương đương 2 tỷ USD) của năm 2012.

Singapo cũng là một nước đầu tư lớn cho NC&PT, đứng thứ 22 với 9 tỷ USD (2,6% GDP) về tổng đầu tư cho NC&PT, đặc biệt là khi xem xét đến dân số chỉ 5 triệu người. Đầu tư cho NC&PT của Singapo đã tăng gấp ba lần trong vòng 10 năm qua. Chỉ số đầu tư cho NC&PT bình quân đầu người của nước này cũng vượt Hoa Kỳ, Anh và Nhật Bản. Singapo đứng thứ 19 trong số 146 nền kinh tế về chỉ số kinh tế tri thức (Knowledge Economy Index - KEI) của Ngân hàng Thế giới. Tuy nhiên, diện tích lãnh thổ nhỏ cũng là một hạn chế đối với tiềm năng tăng trưởng dài hạn của KH&CN. Mặc dù số lượng các công bố khoa học của Singapo cũng khiêm tốn do số lượng các nhà khoa học và kỹ sư tương đối ít, nhưng nếu tính số công bố khoa học trên đầu người thì tỷ lệ cũng đứng đầu khu vực.

Đầu tư cho NC&PT ở Trung Quốc

Trung Quốc đã tăng cường đầu tư cho NC&PT với mức tăng trưởng từ 12% đến 20% mỗi năm trong 20 năm qua, tăng hơn 2 lần tỷ lệ tăng trưởng đầu tư cho NC&PT của Hoa Kỳ trong cùng thời gian này. Kết quả là, trong năm 2011, về tổng đầu tư cho NC&PT, Trung Quốc đã vượt Nhật Bản để vươn lên vị trí thứ 2 thế giới, sau Hoa Kỳ. Vào năm 2018, tổng đầu tư cho NC&PT của Trung Quốc sẽ vượt tổng đầu tư cho NC&PT của 34 quốc gia châu Âu; và vào khoảng năm 2022, sẽ có khả năng cũng vượt Hoa Kỳ, khi đó cả hai nước có thể sẽ đạt khoảng 600 tỷ USD đầu tư cho NC&PT. Đầu tư cho NC&PT của Trung Quốc hiện nay bằng 60% của Hoa Kỳ và tỷ lệ này vẫn đang được thu hẹp dần. Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu toàn cầu được khảo sát vẫn cho rằng Hoa Kỳ vẫn sẽ vượt trội so với Trung Quốc trong nghiên cứu cơ bản và ứng dụng.

Đầu tư cho NC&PT ở Trung Quốc được hỗ trợ mạnh mẽ bởi tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh đó, có khả năng là các quan điểm chuyên môn của lãnh đạo Trung Quốc có ảnh hưởng trong chính sách khoa học và đổi mới: 8 trong số 9 thành viên thuộc Ban thường vụ của Bộ Chính trị có bằng cấp về kỹ thuật.

Trung Quốc đang đầu tư mạnh để tạo ra một cơ sở hạ tầng đổi mới để cho phép nước này phát triển, thương mại hóa các sản phẩm dựa trên công nghệ tiên tiến.

Một số điểm nổi bật trong dự báo về đổi mới ở Trung Quốc:

- Tầng lớp trung lưu của Trung Quốc sẽ tăng từ 35% lên 75% trong 10 năm tới. Một thống kê nhân khẩu học đã cho thấy sự tăng trưởng kinh tế ở nước này đi kèm với một xã hội đang đổi mới.
- Kế hoạch 5 năm lần thứ 12 (2011-2015) đặt mục tiêu đầu tư cho NC&PT đạt 2,2% GDP vào năm 2015.

- Mục tiêu của Trung Quốc là đạt tới một nền kinh tế dựa trên đổi mới sáng tạo vào năm 2020, điều này đòi hỏi phải giải quyết các thách thức về nguồn lực và môi trường.

Trong năm 2013, Trung Quốc vẫn được coi là nước có chi phí sản xuất thấp, kể cả sản xuất các sản phẩm công nghệ cao. Nhưng sản xuất hiệu quả không thôi là chưa đủ để duy trì tăng trưởng kinh tế. Nhận ra điều này, Trung Quốc đã định hướng phát triển từ một nền kinh tế lấy sản xuất làm trung tâm sang một nền kinh tế dựa trên đổi mới sáng tạo vào năm 2020. Theo cách cách tiếp cận của Hoa Kỳ, châu Âu và Nhật Bản kể từ Thế chiến II, Trung Quốc đang tiến bộ vững chắc trong xây dựng một cơ sở hạ tầng nghiên cứu mạnh và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao để vận hành nó. Kết quả cho đến nay rất ấn tượng, với các chỉ số hàng đầu về đổi mới đã nhanh chóng đạt mức gần bằng với phương Tây.

Đầu tư cho NC&PT của Trung Quốc liên quan đến các mục tiêu quốc gia về tăng trưởng công nghiệp, ổn định phát triển trong nước gắn với một nền kinh tế tiên tiến, triển khai sức mạnh và uy tín quốc tế. Những mục tiêu này được thể hiện trong các dự án NC&PT lớn như xây dựng một trạm không gian của Trung Quốc và cơ sở hạ tầng sản xuất năng lượng tái tạo, điện hạt nhân để giải quyết nhu cầu năng lượng ngày càng tăng. Tuy nhiên, Trung Quốc có một số thách thức lớn phải vượt qua để đạt được mục tiêu năm 2020 trở thành nền kinh tế dựa trên đổi mới sáng tạo. Các thách thức lớn là độc lập về năng lượng, nước và bảo vệ môi trường.

Trung Quốc tiếp tục tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ, hơn ba lần so với Hoa Kỳ, giúp cung cấp các nguồn lực để hỗ trợ đầu tư cho NC&PT và mở rộng cơ sở hạ tầng cơ bản. Trung Quốc đã trở thành một nước “xuất khẩu việc làm” sang châu Á để đáp ứng nhu cầu riêng của mình. 10 năm trước, đầu tư trực tiếp nước ngoài hầu hết đã đến Trung Quốc. Ngày nay, Trung Quốc đã là một nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài trên toàn châu Á và dự báo đến năm 2017 nước này sẽ đứng đầu về đầu tư nước ngoài trong khu vực.

Như là một phần của chương trình tài trợ tích cực, Trung Quốc đang mở rộng cơ sở hạ tầng KH&CN của mình thông qua các khoản đầu tư vào các tổ chức nghiên cứu khoa học, Viện Hàn lâm Khoa học Trung Quốc và các viện nghiên cứu công nghiệp. Khi đã trở thành một trong những nước hàng đầu về đầu tư cho NC&PT, Trung Quốc cũng đồng thời tận dụng đòn bẩy thông qua hợp tác quốc tế. Nhiều chương trình NC&PT của Trung Quốc liên quan đến hợp tác với các tổ chức nghiên cứu châu Âu và Hoa Kỳ. Theo khảo sát của Viện Battelle và Tạp chí R&D, khoảng 1/3 hoạt động NC&PT tiên tiến của Trung Quốc được tiến hành trong sự hợp tác với các tổ chức nghiên cứu của Hoa Kỳ và khoảng 1/4 với các tổ chức nghiên cứu châu Âu.

Cũng như ở các nước phát triển, đầu tư của doanh nghiệp cho NC&PT ở Trung Quốc đã vượt đầu tư cho NC&PT của chính phủ. Khu vực doanh nghiệp của Trung Quốc đã chiếm hơn 2/3 tổng đầu tư cho NC&PT ở nước này, với nhiều tập đoàn đã đầu tư hơn 1 tỷ USD cho NC&PT như Huawei Technologies, PetroChina, China Railway Construction.

Bảng 10. NC&PT của một số doanh nghiệp lớn của Trung Quốc

Doanh nghiệp	Chi cho NC&PT 2010 (triệu USD)	Tỷ lệ chi cho NC&PT trên thu nhập (%)
Huawei Technologies	2.302,7	8,60%
PetroChina	1.707,9	0,80%
China Railway Construction	1.354,9	2,10%
ZTE	1.143,7	11,30%
China Petroleum and Chemicals	697,5	0,30%
CSR China	352,5	3,80%
China Railway	301,2	0,50%
Metallurgical Corp.	258,8	0,90%
China Communications	227,2	0,60%
China Coal	216,4	2,10%

Nguồn: Battelle/R&D Magazine, EU Industrial R&D Scoreboard, 2013

Đầu tư cho NC&PT của Ấn Độ

Với vị trí thứ 4 thế giới về GDP, nhưng Ấn Độ lại đặt ưu tiên đầu tư cho các lĩnh vực xã hội và chính trị hơn là đầu tư vào NC&PT. Tỷ lệ tăng trưởng đầu tư cho NC&PT của Ấn Độ được dự báo chỉ đạt 1/5 tỷ lệ tăng trưởng GDP năm 2014.

Một phần đáng kể của NC&PT của Ấn Độ tập trung vào hỗ trợ cho khu vực dịch vụ, khu vực chiếm khoảng 2/3 GDP của Ấn Độ. Ngành công nghiệp dược phẩm Ấn Độ chiếm một phần khá lớn của đầu tư NC&PT, đặc biệt là trong thị trường thuốc thành phẩm, nơi các công ty Ấn Độ, như Ranbaxy Laboratories, duy trì một thị phần khá lớn trên toàn cầu.

Sự thống trị của Ấn Độ là nhà sản xuất các loại thuốc giá rẻ cho những người nghèo trên thế giới đã có nền tảng vững chắc. Nhiều loại thuốc giá rẻ được sản xuất nhờ các bằng sáng chế châu Âu hoặc nhờ NC&PT trong các trường đại học Ấn Độ. Như là điển hình cho các doanh nghiệp dược phẩm toàn cầu, một số công ty dược phẩm Ấn Độ đã mua cổ phần trong các công ty dược phẩm nước ngoài.

Chính phủ Ấn Độ tài trợ tới 2/3 tổng chi cho NC&PT của nước này. Đầu tư cho NC&PT của ngành công nghiệp đã tăng đều đặn từ 20 năm qua nhưng vẫn còn ít hơn 1/3 tổng số đầu tư cho NC&PT của đất nước (so với Hoa Kỳ và Trung Quốc, những nơi mà ngành công nghiệp chiếm hơn 2/3 đầu tư cho NC&PT). Chính phủ hỗ trợ cho NC&PT ở Ấn Độ có xu hướng tập trung vào mục tiêu truyền thống là tài trợ NC&PT công, như năng lượng hạt nhân, quốc phòng, không gian, y tế và nông nghiệp. Đầu tư cho NC&PT dành riêng cho nghiên cứu cơ bản ở Ấn Độ đã tăng đều từ ít hơn 20% trong 10 năm qua đã tăng lên hơn 26% hiện nay.

Tuy nhiên, Ấn Độ có số lượng các nhà khoa học và kỹ sư tính trên 1 triệu dân thấp nhất so với các nước BRIC khác (137/triệu dân). Một phần của điều này là do thiếu các tổ chức giáo dục đại học chất lượng.

Đầu tư cho NC&PT của Nhật Bản

Nhật Bản từ lâu đã đầu tư lớn vào NC&PT. Tỷ lệ đầu tư cho NC&PT trên GDP của nước này hiện là 3,4% (hơn 160 tỷ USD) và có lúc đã đạt 3,7% đầu thập kỷ này. Tuy nhiên, các vấn đề về nhân khẩu học, kinh tế, trận sóng thần và thảm họa hạt nhân Fukushima đã có những ảnh hưởng tiêu cực đến đầu tư cho NC&PT ở Nhật Bản. Nhật Bản có dân số già và tuyển sinh đại học và nhân lực trình độ tiến sĩ đang giảm nhanh chóng, một phần do sự suy giảm nhu cầu việc làm cho các nhà khoa học và kỹ sư. Suy thoái kinh tế toàn cầu 2009-2010 cũng ảnh hưởng đến nền kinh tế Nhật Bản và khả năng hỗ trợ mạnh mẽ cho đầu tư vào NC&PT. Hiện nay, phần lớn những căng thẳng kinh tế đã được giảm bớt và sản lượng công nghiệp của Nhật Bản đã được khôi phục, cùng với tăng đầu tư cho NC&PT.

Đầu tư cho NC&PT của Hàn Quốc

Đầu tư cho NC&PT của Hàn Quốc vẫn tiếp tục tăng ở mức khoảng 4% hàng năm, ngang bằng với tốc độ tăng trưởng kinh tế. Hàn Quốc đứng thứ năm trong top 40 nước đầu tư nhiều nhất cho NC&PT, chiếm 4% mức đầu tư cho NC&PT toàn cầu. Hàn Quốc đứng thứ 25 về dân số với 49 triệu người. Hàn Quốc đầu tư khoảng 3,6% GDP (hơn 60 tỷ USD) cho NC&PT, với tỷ lệ đầu tư lớn nhất trong sản xuất công nghiệp và công nghệ. Khoảng một phần ba của đầu tư cho NC&PT của đất nước được cung cấp bởi Chính phủ. Các khoản khấu trừ lớn thuế thu nhập doanh nghiệp được Chính phủ cho phép đầu tư vào NC&PT và cơ sở vật chất. Đăng ký bằng sáng chế được khuyến khích và số lượng đã tăng gấp bốn lần trong vòng 10 năm qua. Các công bố khoa học của các nhà nghiên cứu Hàn Quốc đã tăng gấp đôi trong 5 năm qua. Trong khi suy thoái kinh tế toàn cầu 2009-2013 ảnh hưởng đến nền kinh tế của nhiều quốc gia, thì nền kinh tế Hàn Quốc vẫn tiếp tục phát triển vượt qua suy thoái kinh tế. Hiện nay Hàn Quốc đang xây dựng nền kinh tế dựa vào đổi mới sáng tạo.

Chính phủ Hàn Quốc mới đây đã công bố ngân sách cho NC&PT năm 2014 là hơn 10 tỷ USD, tăng 2,2% so với năm 2013. Khoảng 3,3 tỷ USD sẽ được phân bổ cho phát triển nền kinh tế đổi mới sáng tạo; 560 triệu USD được phân bổ cho các nghiên cứu nhằm đảm bảo phúc lợi và an toàn cho người dân. Ngân sách cho nền kinh tế đổi mới sáng tạo năm 2014 tăng 5,9% so với năm 2013, bao gồm 980 triệu USD hỗ trợ cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông (ICT), phần mềm hội tụ công nghệ (tăng 26,7% so với năm 2013). 140 triệu USD sẽ được phân bổ cho các nghiên cứu về thiên tai, 60 triệu USD cho các nghiên cứu về lương thực và y tế. An ninh mạng đã trở thành một vấn đề quan trọng trong thời gian gần đây, do đó nghiên cứu trong lĩnh vực này sẽ được hưởng tài trợ hơn 20 triệu USD, tăng 17,2% so với năm 2013. Lĩnh vực không gian có những dự án lớn được ngân sách tài trợ lên đến hơn 170 triệu USD cho chương trình tên lửa đẩy (KSLV) và chương trình phát triển một vệ tinh khí tượng. Hàn Quốc có được những thành tựu vượt bậc về phát triển KH&CN, kinh tế là nhờ những định hướng đúng đắn từ rất sớm của Chính phủ Hàn Quốc trong thúc đẩy đầu tư cho NC&PT. Doanh nghiệp chiếm khoảng

77% tổng đầu tư cho NC&PT ở nước này.

NC&PT trong “Phần còn lại của thế giới”

Các nước thuộc "Phần còn lại của thế giới" trong Dự báo của Viện Battelle và Tạp chí R&D Magazine bao gồm các nước ở châu Phi, Trung Đông, Nga và Cộng đồng các Quốc gia Độc lập (CIS). Các nước thuộc "Phần còn lại của thế giới" chiếm khoảng 11% GDP toàn cầu (10 nghìn tỷ USD), nhưng họ chỉ chiếm khoảng 5% đầu tư cho NC&PT toàn cầu. Tốc độ tăng trưởng đầu tư cho NC&PT ở các nước này được dự báo dưới 4% năm 2014, tỷ lệ đầu tư thấp này cũng cho thấy các nước này có những ưu tiên khác hơn là tăng trưởng dựa trên đổi mới sáng tạo, có thể do năng lực giáo dục và cơ sở hạ tầng NC&PT kém phát triển, ngoại trừ Nga.

Hầu hết các nước Trung Đông được dự báo sẽ có mức tăng trưởng GDP mạnh trong năm 2014, nhưng lại bị hạn chế bởi sự yếu kém về cơ sở hạ tầng cho NC&PT, trừ Israel (nước có tỷ lệ đầu tư cho NC&PT/GDP cao nhất thế giới, đạt 4,3% GDP năm 2012 và dự báo tỷ lệ này sẽ là 4,2% năm 2014) và Qatar. Các nước châu Phi cũng được dự báo sẽ có mức tăng trưởng mạnh về GDP, nhưng cũng bị hạn chế bởi năng lực NC&PT yếu kém, ngoại trừ Nam Phi. Tăng trưởng GDP dự kiến sẽ mạnh mẽ ở Nam Mỹ, nhưng đầu tư cho NC&PT ở khu vực này có sự gia tăng không đáng kể và năng lực NC&PT vẫn tụt hậu, thậm chí Braxin được dự báo cũng không có sự gia tăng về con số tương đối đầu tư cho NC&PT, vẫn ở mức 1,3% GDP từ năm 2012-2014 và Ác-hen-ti-na duy trì ở mức 0,6% GDP trong cùng thời gian này.

Các nước như Mexico lại cho thấy một sự tương phản rõ rệt. Mặc dù chia sẻ đường biên giới với Hoa Kỳ và dự kiến có mức tăng trưởng kinh tế vừa phải trong năm 2014, nhưng đầu tư cho NC&PT của Mexico cũng chỉ dưới mức 1% GDP. Thực ra, trình độ phát triển KH&CN, cơ sở hạ tầng phục vụ nghiên cứu cũng không phù hợp để gia tăng đầu tư cho NC&PT ở mức độ cao hơn. Kết quả là, dựa trên nguồn lực hiện tại, các ưu tiên và nguyện vọng quốc gia, triển vọng cho sự phát triển lâu dài dựa trên đổi mới sáng tạo của quốc gia này còn hạn chế. Mexico nằm trong Top 40 quốc gia đầu tư cho NC&PT chỉ vì GDP lớn của nó (chủ yếu dựa vào nông nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng có hàm lượng công nghệ thấp).

Nhiều quốc gia thuộc "Phần còn lại của thế giới" vẫn triển khai các nguồn lực cho những khu vực ưu tiên khác không phải cho NC&PT, do đó năng lực NC&PT, cơ sở hạ tầng cho NC&PT ở những nước đó vẫn còn yếu kém.

Tóm lại, có thể thấy một số điểm đáng chú ý trong đầu tư NC&PT của “Phần còn lại của thế giới”:

- Tăng trưởng đầu tư cho NC&PT của Nga sẽ vượt mức tăng trưởng GDP của nước này, ước tính 3% năm 2014. Cơ sở hạ tầng mạnh phục vụ nghiên cứu của Nga tốt hơn so với các nền kinh tế khác trong khối CIS, khối này dự kiến sẽ có mức tăng trưởng GDP tích cực, nhưng tỷ lệ tăng trưởng trong đầu tư cho NC&PT có thể sẽ không cao bằng tỷ lệ tăng trưởng GDP.
- Hầu hết các nước ở Trung Đông được dự báo sẽ có mức tăng trưởng GDP mạnh hơn trong năm 2014, nhưng họ bị hạn chế bởi cơ sở hạ tầng NC&PT yếu kém, trừ

các trường hợp của Israel và Qatar (những nước đầu tư vào NC&PT ở mức độ cao).

- Châu Phi dự kiến cũng sẽ có mức tăng trưởng GDP mạnh mẽ, nhưng cũng bị hạn chế bởi năng lực NC&PT kém, trừ Nam Phi.
- Tăng trưởng GDP dự kiến cũng khá quan ở Nam Mỹ, nhưng khu vực này vẫn tụt hậu trong NC&PT.

2.3. Dự báo đầu tư cho NC&PT trong một số ngành công nghiệp then chốt

Ngành công nghiệp khoa học sự sống

Trong Dự báo này, ngành công nghiệp khoa học sự sống bao gồm dược sinh học, các thiết bị và dụng cụ y tế, sinh học nông nghiệp/động vật, nghiên cứu thương mại và thử nghiệm. Tuy nhiên, đầu tư cho NC&PT của ngành công nghiệp khoa học sự sống được thúc đẩy chủ yếu bởi lĩnh vực dược phẩm sinh học, chiếm gần 85% tổng đầu tư của ngành này.

Hoạt động NC&PT của ngành công nghiệp khoa học sự sống tại Hoa Kỳ chiếm 46% NC&PT trong ngành này trên quy mô toàn cầu. Các công ty trong lĩnh vực dược phẩm sinh học của Hoa Kỳ vẫn đứng hàng đầu thế giới.

Tuy nhiên, các chuyên gia dự báo rằng áp lực trong ngành này vẫn còn, đặc biệt là trong lĩnh vực dược phẩm sinh học, trong việc nâng cao năng suất và khai thác các bằng sáng chế sắp hết hạn, áp lực chi phí và đổi mới các loại thuốc. Một yếu tố mới làm phức tạp môi trường NC&PT trong ngành công nghiệp khoa học sự sống là tập hợp các thay đổi trong vấn đề chăm sóc sức khỏe ở Hoa Kỳ sau khi có Luật Chăm sóc với Chi phí phải chăng (Affordable Care Act). Tuy nhiên cũng khó dự đoán chính xác Luật mới này sẽ ảnh hưởng như thế nào đến NC&PT trong ngành công nghiệp khoa học sự sống của Hoa Kỳ. Có thể vị thế “nhà lãnh đạo tòa cầu” của Hoa Kỳ trong NC&PT khoa học sự sống sẽ bị “lung lay”, do sự nổi lên của các đối thủ cạnh tranh châu Âu và các đối thủ cạnh tranh mới ở châu Á.

Các chuyên gia dự đoán đầu tư cho NC&PT trong ngành công nghiệp khoa học sự sống ở Hoa Kỳ tăng trưởng thấp hơn năm 2013 (tăng 2,2%) để đạt khoảng 93 tỷ USD năm 2014, với sự tăng trưởng đến chủ yếu từ lĩnh vực dược phẩm sinh học và sản xuất thiết bị y tế. Sự phát triển của ngành công nghiệp khoa học sự sống trên quy mô toàn cầu đã chậm lại trong vài năm qua, nhưng ngành công nghiệp này được dự báo sẽ có một sự phục hồi mạnh mẽ, với mức tăng trưởng khoảng 3,1%, để đạt hơn 201 tỷ USD năm 2014.

Bảng 11: Đầu tư cho NC&PT trong ngành công nghiệp khoa học sự sống ở Hoa Kỳ và toàn cầu (đơn vị: Tỷ USD)

	2011	2012	2013	2014 (dự báo)
Hoa Kỳ	84,5	91,1	90,6	92,6
Toàn cầu	184,2	197,7	195,3	201,3

Sau khi tiến hành khảo sát, các chuyên gia cho rằng có mối liên hệ giữa đầu tư cho NC&PT và phát triển công nghệ trong ngành này. Đổi mới mở đóng vai trò quan trọng và

phổ biến trong khoa học sự sống hơn trong các ngành công nghiệp khác. Xem xét mức độ phụ thuộc vào sự hợp tác nghiên cứu, mua lại và trong cấp phép li-xăng, các chuyên gia cho rằng hệ sinh thái đổi mới trong khoa học sự sống là phức tạp và có tính liên kết cao. Tính chất đa dạng của ngành công nghiệp này cũng được phản ánh trong các ưu tiên phát triển công nghệ, các ưu tiên lớn nhất là vật liệu sinh học, với 68 % các công ty lớn được khảo sát cho rằng lĩnh vực này cần được ưu tiên phát triển trong tương lai, tiếp đến là lĩnh vực hệ gen cá nhân (59%) và các ứng dụng tế bào gốc (54%). Trong lĩnh vực thiết bị y tế, các thiết bị y sinh bộ phận cấy ghép sẽ được ưu tiên đầu tư NC&PT.

Ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông

Đầu tư cho NC&PT trong ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) thường thay đổi liên tục theo các sở thích của người tiêu dùng, nhu cầu thị trường nhu cầu và sự phát triển công nghệ. Đầu tư cho NC&PT trong ngành ICT toàn cầu được dự báo tăng trưởng khoảng 5,1% năm 2014. Trong ngành công nghiệp ICT ở Hoa Kỳ, khu vực tư nhân là nhà đầu tư lớn nhất cho NC&PT, hai công ty là Intel và Microsoft, mỗi công ty đầu tư hơn 10 tỷ USD cho NC&PT trong năm 2014. Ngành công nghiệp ICT Hoa Kỳ được dự báo sẽ tăng trưởng 5,4% để đạt 146,5 tỷ USD năm 2014. Các công ty ICT của Hoa Kỳ, nằm trong số những công ty hàng đầu về đầu tư cho NC&PT trên quy mô toàn cầu, được dự báo chiếm 57% tổng đầu tư (257 tỷ USD) cho NC&PT trong ngành công nghiệp ICT toàn cầu năm 2014. Mặc dù ICT bao gồm nhiều mảng công nghệ, nhưng công nghệ an ninh mạng, công nghệ không dây, đặc biệt là công nghệ điện toán đám mây vẫn là những lĩnh vực được ưu tiên hàng đầu trong đầu tư cho NC&PT giai đoạn 2014-2016.

Xu hướng và dự báo

Ngành công nghiệp ICT cung cấp phần cứng, phần mềm và dịch vụ tạo nên thời đại thông tin hiện đại, phát triển các sản phẩm bán dẫn, viễn thông, phần mềm bảo mật, máy tính, máy tính bảng và trò chơi điện tử. Thông qua tất cả các ứng dụng tích hợp nhỏ hơn, nhanh hơn, thiết bị điện tử mạnh hơn với sự phổ biến của Internet, ngành công nghiệp ICT đang trong giai đoạn đổi mới sáng tạo mạnh mẽ và có tác động tới hầu hết các lĩnh vực của đời sống.

Để bắt kịp với nhu cầu về thiết bị ngày càng tăng, nhà sản xuất chip sẽ tiếp tục đầu tư vào công nghệ và sản xuất để cải thiện chức năng, kích thước và tiêu thụ điện năng của sản phẩm. Các nhà sản xuất thiết bị và phần mềm khác đang giải quyết các vấn đề đối với sản phẩm của họ như thiết bị nhỏ hơn, nhẹ hơn, mỏng hơn và bộ nhớ sao cho hệ điều hành trở nên nhanh hơn. Khái niệm "không dây" từ lâu đã trở nên phổ biến, nhưng một yêu cầu đối với hiện tại và tương lai là tích hợp công nghệ "Internet kết nối vạn vật" (Internet of Things) với vô vàn các ứng dụng tiềm năng trong hầu hết các lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng, hậu cần...

Bảng 12: Đầu tư cho NC&PT trong ngành ICT ở Hoa Kỳ và toàn cầu (đơn vị: Tỷ USD)

	2011	2012	2013	2014 (dự báo)
Hoa Kỳ	118,3	131,7	139	146,5
Toàn cầu	214,8	235,8	244,8	257,3

Ngành công nghiệp hàng không vũ trụ, an ninh và quốc phòng

NC&PT trong các ngành công nghiệp hàng không vũ trụ, an ninh và quốc phòng chịu tác động lớn bởi chính sách của Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ và ngành công nghiệp hàng không toàn cầu. Các nhà thầu/các công ty lớn trong ngành công nghiệp quốc phòng và hàng không vũ trụ có những kế hoạch NC&PT gắn chặt với Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ thông qua các hợp tác hay các hợp đồng nghiên cứu, nhằm đáp ứng các yêu cầu về quốc phòng và an ninh quốc gia. Trong khi đó, ngành hàng không dân dụng cũng có những kế hoạch nâng cao năng lực và hiệu quả để thỏa mãn nhu cầu đi lại ngày càng tăng. Tuy nhiên, ngân sách cho NC&PT trong lĩnh vực quốc phòng và hàng không dân dụng ở Hoa Kỳ đang bị cắt giảm. Xu hướng tích hợp công nghệ vật liệu, điện tử, truyền thông và giám sát đang ngày càng gia tăng cả trong NC&PT ở cả khu vực dân sự và quân sự, đặc biệt, xu hướng công nghệ lưỡng dụng (sử dụng cả trong lĩnh vực quân sự lẫn dân sự) được cho là một xu hướng nổi bật vì nó giúp giảm chi phí đầu tư của chính phủ và cải thiện được mối quan hệ chi phí - hiệu quả.

Trong bối cảnh kinh tế và đầu tư cho NC&PT ở Hoa Kỳ, các chuyên gia dự báo đầu tư cho NC&PT trong các ngành công nghiệp hàng không vũ trụ, an ninh và quốc phòng ở Hoa Kỳ sẽ chỉ đạt 12,6 tỷ USD năm 2014, giảm 1,2% so với năm 2013. Tuy nhiên, xét trên quy mô toàn cầu thì đầu tư cho NC&PT trong các ngành này vẫn ổn định do có sự tăng trưởng trong NC&PT của những ngành công nghiệp này ở các nước và khu vực khác, đặc biệt là các công ty hàng không vũ trụ ở châu Á, Nga và EU vẫn duy trì đầu tư cho NC&PT.

Bảng 13: Đầu tư cho NC&PT trong các ngành công nghiệp hàng không vũ trụ, an ninh và quốc phòng ở Hoa Kỳ và toàn cầu (đơn vị: Tỷ USD)

	2011	2012	2013	2014 (dự báo)
Hoa Kỳ	13,2	13,1	12,8	12,6
Toàn cầu	28,0	27,3	26,6	26,4

NC&PT trong các ngành công nghiệp này từ 2014-2016 được dự báo sẽ tập trung vào các công nghệ xe tự hành, an ninh không gian, các hệ thống rô-bốt/máy bay không người lái, công nghệ vật liệu tổng hợp và công nghệ máy bay thương mại.

Ngành công nghiệp năng lượng

Ngành công nghiệp năng lượng bao gồm hàng loạt các công ty, từ các công ty dầu và khí đốt đa quốc gia tới các công ty công nghệ lớn và nhỏ. Trong Dự báo chủ yếu khảo sát các công ty NC&PT công nghệ năng lượng mới, công nghệ lưu trữ, vận chuyển năng lượng mới và năng lượng truyền thống. Việc cắt giảm chi phí sản xuất là động lực lớn trong hoạt động NC&PT của ngành công nghiệp năng lượng. Bên cạnh đó, trọng tâm NC&PT của ngành này sẽ tập trung vào công nghệ vật liệu tiên tiến. Tại Hoa Kỳ, chính quyền các bang và liên bang có những chương trình công nghiệp năng lượng và nghiên cứu dài hạn có ảnh hưởng lớn tới ngành công nghiệp này. Các phòng thí nghiệm của Chính phủ (đặc biệt là các phòng thí nghiệm quốc gia thuộc Bộ Năng lượng Hoa Kỳ) là những yếu tố then chốt của hệ sinh thái NC&PT năng lượng.

Mặc dù nhiên liệu sinh học vẫn còn nhiều thách thức để đạt được mức sản xuất cạnh

tranh với các nhiên liệu truyền thống, nhưng các chuyên gia cho rằng lĩnh vực này vẫn thu hút nhiều nhất hoạt động NC&PT. Bên cạnh đó, hoạt động NC&PT các hệ thống lai (hybrid), công nghệ năng lượng mặt trời, năng lượng gió sẽ vẫn tiếp tục gia tăng.

Năm 2014, ngành công nghiệp năng lượng ở Hoa Kỳ được dự báo sẽ có mức đầu tư cho NC&PT đạt 7,3 tỷ USD (tăng 1,7% so với năm 2013), trên quy mô toàn cầu sẽ đạt 21,8 tỷ USD (tăng 4,8%), chủ yếu nhờ sự tăng trưởng trong NC&PT của các công ty dầu và khí đốt ở châu Á.

Nhiều công nghệ năng lượng dựa trên sự tiến bộ của công nghệ vật liệu để tăng cường hiệu suất năng lượng. Chẳng hạn việc phát triển công nghệ vật liệu tổng hợp và sợi các-bon cho phép chế tạo các tua-bin gió cỡ lớn giúp nâng cao công suất cho các khu điện gió; công nghệ năng lượng mặt trời cũng rất cần các vật liệu tiên tiến để tăng cường độ bền và hiệu suất chuyển đổi năng lượng của các tế bào pin năng lượng mặt trời; hay để phát triển năng lượng nhiệt hạch trong tương lai cũng cần phải có công nghệ sản xuất siêu vật liệu.

Bảng 14: Đầu tư cho NC&PT trong ngành công nghiệp năng lượng ở Hoa Kỳ và toàn cầu (đơn vị: Tỷ USD)

	2011	2012	2013	2014 (dự báo)
Hoa Kỳ	5,9	7,6	7,2	7,3
Toàn cầu	18,6	20,6	20,8	21,8

Ngành công nghiệp hóa chất và vật liệu tiên tiến

Ngành công nghiệp hóa chất và vật liệu tiên tiến, với các công ty đa quốc gia lớn (như DuPont, Dow, BASF và Bayer) cung cấp mọi loại hóa chất và vật liệu tiên tiến trên thị trường toàn cầu và các công ty sử dụng các hóa chất và vật liệu này. Đây là ngành công nghiệp có tác động đến nhiều ngành công nghiệp khác, đặc biệt là nghiên cứu các vật liệu tiên tiến sẽ có nhiều ứng dụng trong nhiều ngành. Hoạt động nghiên cứu đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong ngành công nghiệp này - ngành công nghiệp được coi là có chi phí sản xuất cao hơn các ngành khác, kể từ khi nghiên cứu đến khi đưa sản phẩm ra được thị trường. Tuy nhiên, ngành này cũng đem lại giá trị gia tăng cao. Hoạt động của ngành công nghiệp này đứng trước yêu cầu nâng cao hiệu quả quy trình sản xuất và giảm chi phí.

Việc dự báo đầu tư cho NC&PT trong ngành này phụ thuộc nhiều vào bối cảnh kinh tế toàn cầu và những thị trường chính. Đầu tư cho NC&PT của Hoa Kỳ trong ngành công nghiệp hóa chất và vật liệu tiên tiến được dự báo sẽ đạt 12 tỷ USD năm 2014, tăng 3,6% so với năm 2013. Trên quy mô toàn cầu, đầu tư cho NC&PT của ngành này có thể sẽ đạt 45 tỷ USD năm 2014, tăng 4,7% so với năm 2013, do nhu cầu gia tăng của các sản phẩm hóa chất và vật liệu trên thế giới và bối cảnh kinh tế khả quan ở khu vực châu Á.

Bảng 15: Đầu tư cho NC&PT trong ngành công nghiệp hóa chất và vật liệu tiên tiến ở Hoa Kỳ và toàn cầu (đơn vị: Tỷ USD)

	2011	2012	2013	2014 (dự báo)
Hoa Kỳ	10,7	11,5	11,8	12,2
Toàn cầu	39,9	43,0	43,3	45,3

Vật liệu nano được coi là trọng tâm của hoạt động NC&PT trong ngành công nghiệp vật liệu và tầm quan trọng của nó được đánh giá cao hơn so với 3 năm trước. 80% doanh nghiệp trong ngành công nghiệp vật liệu được khảo sát cho rằng vật liệu nano là lĩnh vực then chốt trong phát triển công nghệ. Bên cạnh đó, vật liệu sinh học, vật liệu tổng hợp cũng rất được quan tâm đầu tư NC&PT trên toàn cầu.

KẾT LUẬN

Những gam màu tươi sáng trong bức tranh kinh tế thế giới 2014

Nhìn chung năm 2004, gam màu nổi bật trong bức tranh kinh tế thế giới là gam màu tươi sáng, được tô bằng niềm tin vào đà phục hồi sẽ tiếp tục mạnh hơn ở các nền kinh tế lớn như Hoa Kỳ và Nhật Bản, bằng hy vọng về con đường bằng phẳng hơn cho kinh tế châu Âu và cả sự lạc quan về triển vọng tăng trưởng nhanh hơn ở các nền kinh tế mới nổi. Tuy nhiên, lẫn trong những sắc màu tươi sáng còn là những khoảng tối, những rủi ro đe dọa đà phục hồi kinh tế toàn cầu. Đó là không chỉ là những vấn đề chung mà các nền kinh tế cùng đối mặt trên lộ trình tăng trưởng, củng cố nền tài chính mà còn là những vấn đề nội tại đòi hỏi phải có cách thức giải quyết riêng ở mỗi nền kinh tế.

IMF dự báo nền kinh tế thế giới sẽ tăng trưởng 3,7% trong năm 2014, cao hơn mức tăng 3,6% đưa ra trong lần dự báo gần nhất vào tháng 10 năm ngoái. Trong đó, kinh tế Hoa Kỳ được dự báo tăng 2,8%, so với mức tăng 2,6% đưa ra trong lần dự báo trước; kinh tế Nhật Bản được dự báo tăng 1,7%. Cùng với dự báo lạc quan, IMF đồng thời kêu gọi các nước giàu tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng để hỗ trợ sự phục hồi toàn cầu.

Trước IMF, WB cũng đưa ra cái nhìn lạc quan hơn về kinh tế toàn cầu năm nay. Theo WB, tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ được đẩy nhanh trong năm 2014 khi các nền kinh tế phát triển đạt tới một bước ngoặt mới 5 năm sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Trong báo cáo về Triển vọng kinh tế toàn cầu (Global Economic Prospects) mà WB công bố vào ngày 14/1/2014, định chế này dự báo, tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm 2014 sẽ ở mức 3,2%, cao hơn hẳn so với tỷ lệ tăng trưởng 2,4% đạt được trong năm 2013 và sẽ tiếp tục lên mức 3,4% và 3,5% trong các năm 2015 và 2016. Phần lớn sự tăng tốc của kinh tế toàn cầu dựa vào tăng trưởng tại các nước thu nhập cao sau nhiều năm tăng trưởng thấp và suy giảm trầm trọng bởi cuộc khủng hoảng tài chính. WB dự báo, các nền kinh tế thu nhập cao sẽ tăng tốc và đạt mức tăng trưởng 2,2% trong năm nay từ mức 1,3% trong năm 2013. Trong bối cảnh đó, tăng trưởng tại khu vực Đông Á - Thái Bình Dương sẽ giữ mức 7,2% trong năm 2014 và giảm nhẹ đôi chút xuống 7,1% vào năm 2015 và 2016.

Tăng trưởng kinh tế khởi sắc và nhu cầu gia tăng tại các nền kinh tế phát triển sẽ hỗ trợ tích cực cho các nền kinh tế đang phát triển, đồng thời sẽ giúp bù đắp cho tình trạng thắt chặt về tài chính có thể xảy ra.

Theo WB, mặc dù những rủi ro lớn đối với nền kinh tế toàn cầu đã suy giảm, những bất ổn về chính sách tài khóa của Hoa Kỳ, sự phục hồi còn chật vật của nền kinh tế Eurozone, cùng khả năng xuất hiện những trở ngại trong quá trình tái cơ cấu kinh tế của Trung Quốc sẽ tiếp tục đặt ra những thách thức cho triển vọng tăng trưởng toàn cầu.

WB cho rằng, việc tái cân bằng thành công nền kinh tế Trung Quốc từ chỗ dựa vào đầu tư sang dựa vào tiêu dùng sẽ là một thách thức lớn. Sự giảm sút trong tốc độ đầu tư có thể gây ra tác động lớn tới tăng trưởng của nền kinh tế lớn thứ nhì thế giới, ảnh hưởng tới các nền kinh tế khác trong khu vực cũng như các quốc gia xuất khẩu hàng hóa cơ bản. Mặc dù vậy, WB dự báo, GDP của Trung Quốc sẽ tăng 7,7% trong năm nay, bằng mức tăng 7,7% đạt được trong năm 2013.

Trong năm 2014, dù kinh tế thế giới chưa hẳn là phục hồi mạnh mẽ sau một năm 2013 còn không ít khó khăn, nhưng tình hình có chiều hướng sáng sủa hơn, nhất là trong khối công nghiệp hoá châu Âu-Hoa Kỳ-Nhật Bản. Tin tốt lành là hoạt động kinh tế toàn cầu sẽ phục hồi dù ở mức vừa phải ở cả các nền kinh tế phát triển và mới nổi. Bên cạnh đó, mối lo về những cú sốc với tác động lớn như khủng hoảng nợ công châu Âu, chính phủ đóng cửa và cuộc chiến nâng trần nợ ở Hoa Kỳ, nguy cơ hạ cánh cứng của kinh tế Trung Quốc sẽ lắng dịu hơn nhiều. Trong 5 năm qua, khi các nền kinh tế này phải lo giải quyết số nợ lớn, tăng trưởng của kinh tế thế giới đã bị sụt giảm. Nhưng qua năm 2014, gánh nợ của khu vực tư nhân, là các hộ gia đình, hệ thống ngân hàng và doanh nghiệp, đã giảm tương đối, biện pháp kích thích sản xuất cũng có hiệu quả và bội chi ngân sách được thu hẹp, ngoại trừ tại Nhật Bản. Trong bối cảnh đó, khối công nghiệp hoá trở thành lực đẩy đáng kể cho kinh tế toàn cầu. Mức tăng trưởng dự kiến của các nền kinh tế phát triển năm nay là gần 1,9%.

Kinh tế châu Âu đã bắt đầu nhìn thấy tia hy vọng trở lại sau hơn ba năm “đen tối”. Khu vực sử dụng đồng euro (Eurozone) bước vào một vùng đất an toàn hơn, giai đoạn suy thoái kéo dài kỷ lục đã qua. Khác với năm 2013, GDP không còn giảm sút mà sẽ tăng lên 1,3%. Đương nhiên, tỷ lệ đó quá thấp để hy vọng cải thiện thị trường lao động. Những thành viên kém cỏi nhất như Hy Lạp hay Tây Ban Nha vẫn phải đương đầu với một tỷ lệ thất nghiệp cao kỷ lục: trên 25% dân số trong tuổi lao động. Tuy nhiên, cuộc cứu trợ các nước là nạn nhân của khủng hoảng nợ như Hy Lạp, Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha đã đi đến đích khi các nước hoặc đã ra khỏi hoặc tuyên bố sắp sửa kết thúc chương trình cứu trợ.

Tăng trưởng kinh tế Hoa Kỳ đang tăng tốc, với các dự báo cho năm 2014 đều cao hơn mức 2% của năm 2013. Vấn đề ngân sách không còn là trở ngại đối với nền kinh tế, ít nhất là trong hai năm tới. Hoa Kỳ cũng đã đạt được tiến bộ lớn trong việc giảm nợ của các công ty và các hộ gia đình. Trong năm 2014, kinh tế Hoa Kỳ sẽ được hưởng lợi từ cuộc cách mạng dầu khí đá phiến, sự cải thiện của thị trường việc làm và nhà đất cũng như sự bình phục của lĩnh vực chế tạo. Cuộc cách mạng công nghệ về năng lượng và công nghệ sản xuất đã âm thầm thay đổi mọi sự, giúp kinh tế Hoa Kỳ năm 2014 tăng trưởng mạnh hơn và mạnh nhất trong khối công nghiệp hóa.

Trong khi đó, các biện pháp kích thích kinh tế của Nhật Bản đã mang lại kết quả. Thủ tướng Shinzo Abe đã thực thi chính sách ba mũi tên được gọi là Abenomics, trong đó một mũi tên là nói lỏng tiền tệ nhằm mục tiêu đảo ngược tình trạng giảm phát. Còn các nền kinh tế mới nổi sẽ tăng trưởng nhanh hơn trong năm 2014, đạt gần 5%.

Những gam màu tối: ẩn chứa những rủi ro

Hầu hết các nền kinh tế phát triển được dự báo trong năm 2014 sẽ chỉ vừa vặn đạt mức

tăng trưởng tiềm năng hoặc thấp hơn. Các hộ gia đình, ngân hàng và doanh nghiệp nằm ngoài lĩnh vực tài chính ở hầu hết các nền kinh tế tiên tiến vẫn gánh số nợ lớn, đồng nghĩa với việc sẽ vẫn phải lo giảm bớt gánh nặng này. Trong khi đó, thâm hụt ngân sách và nợ công lớn sẽ buộc các chính phủ phải tiếp tục các cải cách tài chính quyết liệt. Đồng thời, sự thiếu rõ ràng về chính sách và quy định sẽ cản trở đầu tư tư nhân. Và những cải cách cơ cấu vốn cần thiết để thúc đẩy tăng trưởng sẽ vẫn diễn ra một cách quá chậm.

Với Hoa Kỳ, một số vấn đề có thể ảnh hưởng đến triển vọng tích cực của kinh tế nước này. Dù Fed có thể bắt đầu rút giảm dần quy mô của các gói kích thích kinh tế mà không khiến thị trường hoảng loạn, nhưng vẫn chưa rõ khi nào chương trình kích thích kinh tế sẽ được chấm dứt hoàn toàn và lãi suất sẽ tăng lên. Và mặc dù có những dấu hiệu cho thấy bé tấc chính trị tại Quốc hội Hoa Kỳ đã phản nài giảm bớt, nhưng không có nhiều tiến triển trong chính sách tài khóa do các trở ngại từ chính trường. Hơn nữa, mức thu nhập của các hộ gia đình Hoa Kỳ được dự báo vẫn chưa cải thiện hơn, đồng nghĩa với việc chi tiêu tiêu dùng không thể tăng mạnh. Điều đang gây nghi ngờ liệu kinh tế Hoa Kỳ đã có thể tự đứng vững mà không cần sự can thiệp của Fed.

Tại Eurozone, dù rủi ro đã giảm, nhiều vấn đề căn bản vẫn chưa được giải quyết. Tăng trưởng kinh tế năm 2014 sẽ vẫn thấp, nợ công cao và vẫn đang tăng lên, khả năng cạnh tranh kém, chi phí nhân công giảm chậm, điều kiện tín dụng bị thắt do các ngân hàng vẫn đang phải giảm nợ, tiến triển về việc thành lập một liên minh ngân hàng còn hạn chế và nỗ lực cho việc hướng đến một liên minh tài chính vẫn bị dậm chân tại chỗ. Trong khi đó, các nước là nạn nhân của khủng hoảng nợ ở châu Âu như Hy Lạp, Ailen, Italia, Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha cũng đang đứng trước một năm 2014 đầy thách thức. Trong số các nước này, trừ Tây Ban Nha, các nước còn lại đều có tỷ lệ nợ/GDP ở mức thấp nhất là 100%, trong khi tăng trưởng kinh tế ỉ ạch, tỷ lệ thất nghiệp cao và lĩnh vực ngân hàng vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ.

Còn trong trường hợp Nhật Bản, nguy cơ tiềm tàng cho tăng trưởng kinh tế là kế hoạch tăng thuế tiêu dùng. Thủ tướng Nhật Bản Abe đã hứa hẹn có thêm những biện pháp kích thích để cân bằng với ảnh hưởng tiêu cực từ việc tăng thuế. Tăng thuế doanh thu là cách Nhật Bản giải quyết một vấn đề nghiêm trọng là nợ công dự kiến lên tới 230% GDP trong năm 2014. Việc trả lãi cho khoản nợ này có thể là một vấn đề và lợi tức trái phiếu chính phủ của Nhật Bản tăng mạnh có thể khiến chi phí trả lãi trở nên quá cao. Đó sẽ là thảm họa đối với kinh tế Nhật Bản.

Trong khi đó, các nền kinh tế mới nổi vốn quen với dòng USD chảy từ Hoa Kỳ kể từ khi Fed bắt đầu nới lỏng chính sách tiền tệ năm 2008 có thể bị tác động. Nguyên nhân là việc Fed sẽ giảm dần và thu hồi biện pháp bơm tiền và còn có thể nâng lãi suất khỏi mức 0% hiện nay, và cuộc cách mạng về năng lượng và về sản xuất khiến giá thành sản xuất tại Hoa Kỳ giảm mạnh, đầu tư tại Hoa Kỳ lại hấp dẫn còn hơn là đầu tư vào các thị trường chỉ có ưu thế nhân công rẻ. Hậu quả của cả hai chuyện này là đồng USD lên giá, dòng tiền sẽ bị rút khỏi châu Á để trở về Hoa Kỳ, nơi sẽ cho lời cao hơn.

Và cuối cùng, trong năm 2014 này, các nhà lãnh đạo Trung Quốc sẽ gặp bài toán lưỡng

nan. Một là phải chấp nhận đà tăng trưởng thấp hơn và tiến hành cải cách từ cơ cấu, trước tiên là giảm mức tín dụng. Điều này có ảnh hưởng bất lợi cho kinh tế các nước khác vì làm giảm nhu cầu của một nền kinh tế lớn thứ hai thế giới. Hai là vẫn tiếp tục duy trì dòng tín dụng, dẫn thân vào một vụ khủng hoảng tài chính khi núi nợ của ngân hàng và công ty đầu tư của chính quyền địa phương sụp đổ. Kịch bản này cũng sẽ gây hại cho các nước, nhất là các nền kinh tế bán nguyên nhiên vật liệu cho Trung Quốc. Trong khi đó, dù các cải cách kinh tế sâu rộng đã được công bố, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của nước này từ dựa vào đầu tư sang dựa vào tiêu dùng sẽ không sớm hoàn thành.

Bức tranh đầu tư cho NC&PT toàn cầu

Trong thế giới phụ thuộc vào công nghệ ngày càng tăng của chúng ta, việc tiếp tục hỗ trợ mạnh mẽ đầu tư cho NC&PT là điều cần thiết để duy trì và phát triển sức mạnh kinh tế của một quốc gia. Điều đã được khẳng định là sự thay đổi công nghệ đang được đẩy nhanh và nếu không có các công cụ, tri thức và chuyên môn để nắm bắt những thay đổi, thì một quốc gia sẽ nhanh chóng tụt hậu phía sau những nước đầu tư vào đổi mới sáng tạo. Điều quan trọng cần lưu ý là những ảnh hưởng lâu dài của đầu tư cho NC&PT và mối quan hệ gần gũi của nó đối với tăng trưởng kinh tế. Nhiều quốc gia và khu vực EU đã thiết lập các mục tiêu dài hạn cho NC&PT.

Tình hình tăng trưởng kinh tế được coi là có tác động trực tiếp tới đầu tư cho NC&PT. Tỷ lệ tăng trưởng kinh tế cao thường đi kèm với tỷ lệ đầu tư cao cho NC&PT và tỷ lệ tăng trưởng NC&PT thường cao hơn tỷ lệ tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là ở các nền kinh tế mới nổi, điển hình nhất là ở Trung Quốc với mức tăng trưởng đầu tư cho NC&PT từ hơn một thập kỷ nay luôn ở mức hai con số. Hiện nay mức đầu tư cho NC&PT của Trung Quốc đã bằng 60% của Hoa Kỳ và có thể vượt Hoa Kỳ vào năm 2022.

Mặc dù tình hình kinh tế toàn cầu năm 2014 được dự báo sẽ ẩn chứa nhiều rủi ro và còn gặp nhiều khó khăn, nhưng theo Viện Battelle Memorial và Tạp chí NC&PT (R&D Magazine), đầu tư cho toàn cầu cho NC&PT được dự báo sẽ tăng trưởng 1,8%, tương đương 60 tỷ USD trong năm 2014, để đạt 1.618 tỷ USD. Trong khi tình hình kinh tế cũng như đầu tư cho NC&PT ở Hoa Kỳ, châu Âu và Nhật Bản vẫn được dự báo là tăng trưởng chậm, thì ngược lại ở các nền kinh tế mới nổi, đặc biệt là Trung Quốc, tăng trưởng kinh tế cao đã hỗ trợ mạnh mẽ cho đầu tư vào NC&PT. Trung Quốc vẫn nổi bật toàn cầu và nước này đang giữ một vai trò dẫn dắt tăng trưởng ở cả tăng trưởng kinh tế lẫn tăng trưởng đầu tư cho NC&PT của thế giới.

Tăng trưởng kinh tế khả quan ở châu Á cũng sẽ tiếp tục thúc đẩy chi tiêu cho NC&PT ở châu lục này. Do môi trường kinh tế yếu kém hiện nay ở châu Âu nên việc gia tăng tăng mạnh trong đầu tư cho NC&PT sẽ khó thực hiện được trong vài năm tới.

Đầu tư cho NC&PT của Hoa Kỳ được dự báo sẽ tăng 1% so với năm 2013 tính theo con số tuyệt đối, để đạt 465 tỷ USD, tương đương 2,8% GDP. Hoa Kỳ vẫn tiếp tục cam kết gia tăng đầu tư cho NC&PT để duy trì tăng trưởng kinh tế. Các ngành công nghiệp then chốt của Hoa Kỳ, như ngành ICT, ngành công nghiệp khoa học sự sống, ngành công nghiệp hàng không vũ trụ, an ninh và quốc phòng (có thể bị cắt giảm đầu tư NC&PT), ngành công

nghiệp năng lượng và ngành công nghiệp hóa chất và vật liệu tiên tiến vẫn sẽ đứng đầu thế giới và thu hút lượng lớn đầu tư NC&PT. Tuy nhiên, đầu tư NC&PT trong một số ngành này ở các nước mới nổi, các nước BRIC đang tăng mạnh, đặc biệt là ở Trung Quốc đang thách thức vị trí thống trị của Hoa Kỳ.

Thế giới đang chứng kiến xu hướng dịch chuyển năng lực đầu tư, nghiên cứu và thương mại hóa tới những nơi tối ưu nhất, ở đó có những nước cam kết NC&PT như là một chiến lược quốc gia để ưu tiên đầu tư cho nó một cách mạnh mẽ và lâu dài, như Trung Quốc, nước đang đầu tư cho NC&PT lớn thứ hai thế giới.

Trong thế giới ngày nay, trình độ và năng lực KH&CN của một quốc gia là yếu tố quyết định quyết định năng lực cạnh tranh quốc tế. Việc ứng dụng nhanh chóng những đổi mới công nghệ, cũng như tận dụng có hiệu quả những thành tựu mới nhất của NC&PT trong các lĩnh vực công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao, đã và đang đẩy nhanh sự phát triển của lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất lao động, làm chuyển biến mạnh mẽ cơ cấu kinh tế quốc gia và quốc tế. Mặc dù sẽ còn nhiều khó khăn và thách thức lâu dài đối với kinh tế toàn cầu, nhưng đầu tư cho NC&PT, đổi mới sáng tạo sẽ vẫn tiếp tục tăng trưởng. Điều đó cho thấy tầm quan trọng ngày càng tăng của NC&PT, bởi chỉ có nó mới có thể sẽ giúp cho nền kinh tế của mỗi quốc gia cũng như kinh tế toàn cầu tăng trưởng ổn định và bền vững trong tương lai.

Các chuyên gia đều thừa nhận, dù NC&PT không phải là một công cụ có thể nhanh chóng kích hoạt ngay được sự tăng trưởng kinh tế, nhưng nếu có chính sách và đầu tư cần thiết cho NC&PT thì nó sẽ giúp một nền kinh tế tránh tụt hậu hoặc có thể duy trì và nâng cao sức cạnh tranh trong tương lai. Việc nghiên cứu kinh nghiệm phát triển KH&CN nói chung và đầu tư cho NC&PT nói riêng của các nước trên thế giới hiện nay và trong tương lai, luôn luôn có ý nghĩa thiết thực đối với tất cả các nước, đặc biệt là các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam.

Dự báo kinh tế Việt Nam 2014

Các tổ chức đều dự báo kinh tế Việt Nam sẽ có dấu hiệu phục hồi trong năm 2014, cụ thể IMF và WB cùng đưa ra mức dự báo tăng trưởng đạt 5,4%, ADB dự báo 5,5% (mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 2012). Đà tăng trưởng xuất khẩu trong năm 2013 cùng bước tiến trong việc thực hiện các biện pháp ổn định kinh tế vĩ mô và tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước của Chính phủ là hai trong số những nguyên nhân chính khiến các tổ chức quốc tế nâng mức dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2014.

WB cho rằng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ ổn định ở mức 5,4% năm 2014 và 2015, 5,5% năm 2016, ngang bằng với Indônêxia, nhưng cao hơn Thái Lan và Malaixia.

Mức tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2004 theo dự báo của WB và IMF vẫn thấp hơn một chút so với mức 5,8% trong Chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2014 được nêu trong Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2014. Các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2014 như phần đầu đạt tốc độ tăng GDP khoảng 5,8%; kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 10%; tỷ lệ nhập siêu khoảng 6% kim ngạch xuất

khẩu; tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) khoảng 7%; tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 30% GDP; tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước 5,3% GDP. Tỷ lệ hộ nghèo giảm 1,7-2%, riêng các huyện nghèo giảm 4%; tạo việc làm cho khoảng 1,6 triệu lao động;...

Cũng giống như nhiều quốc gia khác trên thế giới, Việt Nam đang nằm trong “vòng xoáy” của quá trình tái cơ cấu nền kinh tế nhằm đưa nền kinh tế vượt qua giai đoạn khó khăn, hướng tới tăng trưởng hiệu quả và bền vững hơn trong thời gian tới. WB nhận định kinh tế Việt Nam đang chuyển đổi và sự chuyển đổi này là cần thiết trong bối cảnh nền kinh tế bộc lộ những yếu kém.

“Chương trình đổi mới lần thứ nhất của Việt Nam đã đem lại những thay đổi lớn lao cho nền kinh tế. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn còn nhiều bất cập. Chương trình cải cách nền kinh tế mới của Việt Nam cần phải giải quyết những vấn đề này”, chuyên gia kinh tế của WB tại Việt Nam, ông Sandeep Mahajan nói và cho rằng thách thức đối với quá trình chuyển đổi của Việt Nam hiện nay đó chính là những thách thức phải đối mặt đến từ quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước và tái cơ cấu hệ thống ngân hàng.

Các tổ chức đều dự báo kinh tế Việt Nam sẽ có dấu hiệu phục hồi trong năm 2014. Đà tăng trưởng xuất khẩu trong năm 2013 cùng bước tiến trong việc thực hiện các biện pháp ổn định kinh tế vĩ mô và tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước của Chính phủ là hai trong số những nguyên nhân chính khiến các tổ chức quốc tế nâng mức dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2014.

Những biến động và thách thức của kinh tế toàn cầu đã và đang tác động đến Việt Nam trên các kênh chủ yếu sau:

Thứ nhất, trong năm 2014, việc Hoa Kỳ điều hành chính sách tiền tệ bằng công cụ lãi suất có thể gây tác động nhất định đến thị trường tài chính ngân hàng của Việt Nam. Với tỷ giá trong nước được khống chế bằng biên độ cố định, việc tăng lãi suất bằng USD có thể làm tăng lãi suất điều hành đồng nội tệ trong ngắn hạn. Trong điều kiện Ngân hàng Nhà nước đang thực hiện những biện pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp thì việc tăng lãi suất có thể có tác động tiêu cực đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế trong dài hạn.

Ngoài ra, theo IMF, các nước châu Á trong đó có Việt Nam sẽ chịu ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh lãi suất của Hoa Kỳ. Thêm vào đó, việc tăng lãi suất của Fed sẽ tạo hiệu ứng rủi ro rút vốn gián tiếp trong ngắn hạn và vốn trực tiếp trong dài hạn ra khỏi các nước mới nổi và đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Do đó, cần có biện pháp chủ động, linh hoạt hơn trong điều hành chính sách tỷ giá và lãi suất, nhằm ứng phó với các cú sốc về phản ứng chính sách tiền tệ từ Hoa Kỳ.

Thứ hai, trước thực tế kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường phát triển và mới nổi (đặc biệt là Hoa Kỳ) ngày càng tăng trong thời gian qua, Việt Nam có thể chịu nhiều ảnh hưởng từ việc điều chỉnh chính sách tài khóa của Hoa Kỳ. Nợ công vẫn tăng trong các năm tới (theo dự báo của các tổ chức) làm gia tăng khả năng thắt chặt tài khóa hơn nữa (thông qua các biện pháp tăng thuế) sẽ tác động trực tiếp lên cầu hàng hóa nhập khẩu tại các nước phát triển.

IMF đã cảnh báo về nguy cơ truyền dẫn rủi ro tài khóa thông qua kênh thương mại quốc tế từ các nước phát triển như Hoa Kỳ và Eurozone sang các nước đang phát triển châu Á, trong đó có Việt Nam. Tương tự, các nước mới nổi (trong đó có Ấn Độ) đang tiến hành điều chỉnh tăng giá một số hàng hóa như thực phẩm (mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam) cũng sẽ gây khó khăn nhất định đến việc tiêu thụ hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam tại các thị trường này.

Thứ ba, thương mại toàn cầu tăng trưởng chậm lại có thể làm giảm kim ngạch xuất khẩu của nước ta trong những năm tới. Kim ngạch xuất khẩu giảm sẽ gây ra rủi ro đối với cán cân thanh toán, giảm dự trữ ngoại tệ và tác động tới chính sách điều hành tỷ giá, đặc biệt là ảnh hưởng trực tiếp đến tăng trưởng kinh tế trong dài hạn. Xu hướng tạo dựng hàng rào bảo hộ thương mại là nguyên nhân khiến tăng trưởng thương mại toàn cầu có dấu hiệu chậm lại trong năm 2013 và có thể chậm hơn trong các năm tới.

Về đầu tư cho NC&PT của Việt Nam

Trong năm 2013, theo Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới, Việt Nam đứng thứ 76/142 quốc gia về năng lực đổi mới sáng tạo trong khi nếu xét về kinh tế thì chúng ta đứng thứ 132. Việt Nam cũng là quốc gia được xếp hạng thứ 57 trên thế giới về công bố quốc tế và trích dẫn công bố quốc tế... Năm 2013 cũng đã chứng kiến những điểm sáng về đầu tư cho NC&PT của doanh nghiệp như Tập đoàn Viễn thông quân đội (Viettel) dành 10% lợi nhuận trước thuế, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam dành khoảng 2.000 tỷ và nhiều đơn vị khác trong và ngoài nhà nước đã dành kinh phí cho Quỹ phát triển KH&CN. Từ quỹ này, họ mời các nhà khoa học tham gia vào hoạt động nghiên cứu, sản xuất và gặt hái được những thành công đáng kể như Công ty bóng đèn phích nước Rạng Đông... Việc đầu tư thông qua hợp tác quốc tế cũng rất tốt. Năm 2013, Việt Nam đã khởi động dự án FIRST (Dự án đẩy mạnh đổi mới sáng tạo thông qua nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ) do World Bank tài trợ 100 triệu USD và vốn đối ứng của Việt Nam là 10 triệu USD; Dự án IPP (Dự án đổi mới sáng tạo Phần Lan-Việt Nam), nhằm tăng cường Hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia (NIS) của Việt Nam, giai đoạn 1 (2009-2013) với trị giá hơn 7 triệu Euro, giai đoạn hai là 10 triệu Euro...

Ở Việt Nam, nếu nhìn vào con số tuyệt đối là khoảng 700 triệu USD hiện nay dành cho KH&CN thì quả thực là con số nhỏ bé, tuy nhiên xét về con số tương đối, tức là tỷ lệ 2% tổng chi ngân sách quốc gia, tương đương với khoảng 0,5-0,6% GDP quốc gia thì điều đó đã thể hiện sự quan tâm của nhà nước với KH&CN không thua kém nhiều quốc gia khác, kể cả những quốc gia phát triển. Nhiều quốc gia phát triển cũng chỉ dành được 0,3-0,4% GDP từ ngân sách nhà nước cho KH&CN. Điểm khác biệt ở đây chính là sự đầu tư của xã hội, đặc biệt là doanh nghiệp cho KH&CN còn ít nên tổng đầu tư xã hội cho KH&CN chỉ xấp xỉ 1% GDP quốc gia.

Để giải quyết những vấn đề trên và để KH&CN thực sự là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt cho phát triển nhanh và bền vững đất nước, thời gian qua Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, đường lối, chính sách, cơ chế phát triển KH&CN, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Năm 2013, Luật Khoa học và Công nghệ (sửa đổi) đã được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ 01/01/2014. Luật ban hành đã tiếp cận thông lệ quốc tế trong hoạt động KH&CN, đặc biệt là việc tổ chức thực hiện các đề tài về dự án KH&CN và cơ chế đầu tư, cơ chế tài chính cho KH&CN. Lần đầu tiên trong Luật bắt buộc doanh nghiệp nhà nước phải có trách nhiệm đầu tư cho hoạt động KH&CN thông qua việc dành một phần lợi nhuận trước thuế tối thiểu từ 3-8% để thành lập quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp. Cũng lần đầu tiên, Bộ KH&CN có thẩm quyền trong việc đề xuất, phân bổ dự toán ngân sách hàng năm cho KH&CN. Cũng lần đầu tiên, Luật KH&CN cho phép áp dụng cơ chế của Quỹ phát triển KH&CN trong việc tài trợ cho các đề tài dự án nghiên cứu cũng như cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng cho các đề tài, dự án.

Có thể nói rất nhiều “lần đầu tiên” mà mỗi lần như vậy cơ hội và thách thức luôn đan xen. Từ đây, các nhà khoa học được đặt trong điều kiện thuận lợi để nghiên cứu, để ứng dụng trong thực tiễn... Và cũng từ đây kết quả nghiên cứu được đánh giá phản ánh sinh động đời sống KH&CN và khẳng định vai trò then chốt đóng góp cho phát triển kinh tế và xã hội của đất nước.

Biên soạn:

- **ThS. Đặng Bảo Hà**
- **ThS. Nguyễn Lê Hằng**
- **ThS. Phùng Anh Tiến**

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ thống nhất các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2014, Báo Diễn đàn Doanh nghiệp điện tử, 3/1/2014;
2. Đề KH&CN trở thành động lực then chốt: Quyết liệt vượt qua rào cản tư duy cũ, thăng sức ý của cơ chế cũ, *Báo Đại biểu nhân dân*, 5/2/2014;
3. “2014 là năm hành động của ngành khoa học và công nghệ”, *Vietnamplus.vn*, 1/2/2014
4. Triển vọng kinh tế thế giới năm 2014 và những tác động đến Việt Nam, Bài đăng trên Tạp chí Tài chính số 1 – 2014;
5. Global Economic Prospects, 1/2014, The World Bank;
6. World Economic Situation and Prospects 2014, United Nations;
7. World Economic Outlook (Update), 1/2014, International Monetary Fund (IMF);
8. 2013 Global R&D Forecast, 12/2013, Battelle and R&D Magazine;
9. Le budget coréen consacré à la R&D pour 2014 sera de 7,9 milliards d'euros, <http://www.bulletins-electroniques.com>, 3/1/2014 ;
10. Allemagne: 8,5 milliards d'euros de financement public de la recherche en 2012, <http://www.bulletins-electroniques.com>, 3/1/2014.